

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

THÂN THỊ LAN LINH

**KIỆN TOÀN CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BỘ LAO ĐỘNG
- THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI ĐÁP ỨNG NHIỆM VỤ
CỦA NGÀNH GIAI ĐOẠN 2020-2025**

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ NHÂN LỰC

Hà Nội – 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

THÂN THỊ LAN LINH

**KIỆN TOÀN CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BỘ LAO ĐỘNG
- THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI ĐÁP ỨNG NHIỆM VỤ
CỦA NGÀNH GIAI ĐOẠN 2020-2025**

Chuyên ngành: Quản trị nhân lực

Mã ngành: 8340404

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ NHÂN LỰC

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. NGUYỄN MẠNH CƯỜNG

Hà Nội – 2020

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn này là công trình nghiên cứu nghiêm túc của cá nhân tôi, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào. Các số liệu, nội dung được trình bày trong luận văn này được thu thập từ các tài liệu chính thống và các tài liệu tại Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Tôi xin chịu trách nhiệm về đề tài nghiên cứu của mình.

Tác giả

Thân Thị Lan Linh

LỜI CẢM ƠN

Trước hết, tác giả xin cảm ơn Trường Đại học Lao động – Xã hội đã tổ chức khóa học Thạc sĩ này để tạo điều kiện cho tác giả được học tập, nâng cao trình độ phục vụ cho quá trình công tác của mình ; cảm ơn các thầy cô giáo Khoa Sau Đại học, Trường Đại học Lao động – Xã hội đã tận tình kèm cặp, giúp đỡ học viên trong quá trình học tập, nghiên cứu.

Đồng thời, tác giả muốn thể hiện sự cảm ơn chân thành đến tập thể lãnh đạo, công chức Vụ Tổ chức cán bộ nói riêng và các đơn vị trong Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội nói chung đã tạo điều kiện cho tác giả thu thập số liệu, tài liệu để viết và hoàn thiện luận văn.

Tác giả xin thể hiện sự cảm ơn sâu sắc đến Tiến sĩ Nguyễn Mạnh Cường đã tận tình hướng dẫn trong suốt quá trình chọn đề tài, thu thập tài liệu, viết và hoàn thiện luận văn thạc sĩ này.

Cuối cùng, tác giả thể hiện tình cảm trân trọng đến bố mẹ, bạn bè và các thầy (cô) giáo của tác giả trong quá trình học tập tại Trường Đại học Lao động – Xã hội đã khích lệ, động viên tác giả trong quá trình thực hiện luận văn này.

Xin chân thành cảm ơn!

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ	IV
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài	3
3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu	6
4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu	7
5. Phương pháp nghiên cứu	7
6. Những đóng góp mới của luận văn	8
7. Kết cấu của luận văn	8
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIẾN TOÀN CƠ CẤU TỔ CHỨC CƠ QUAN BỘ	4
1.1. Một số khái niệm	4
1.1.1. Chức năng	4
1.1.2. Nhiệm vụ	4
1.1.3. Cơ cấu tổ chức	4
1.1.4. Kiến toàn cơ cấu tổ chức	6
1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức cơ quan Bộ	7
1.2.1. Yếu tố khách quan	8
1.2.2. Yếu tố chủ quan	14
1.3. Vai trò của cơ cấu tổ chức cơ quan Bộ	17
1.4. Cơ cấu tổ chức của Bộ ở nước ta	19
1.5. Các tiêu chí thành lập cơ cấu tổ chức đơn vị hành chính thuộc Bộ ..	25
1.5.1. Tiêu chí thành lập đơn vị cấp Vụ	25
1.5.2. Tiêu chí thành lập đơn vị cấp Cục	25

II

1.5.3. Tiêu chí thành lập đơn vị cấp Tổng cục.....	26
1.6. Kiện toàn cơ cấu tổ chức của Bộ.....	26
1.6.1. Mục tiêu và yêu cầu của việc kiện toàn	26
1.6.2. Nguyên tắc của việc kiện toàn	27
1.6.3. Căn cứ để kiện toàn.....	27
1.6.4. Quy trình thực hiện	29
1.7. Bài học kinh nghiệm.....	30
1.7.1. Kết quả kiện toàn cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội các giai đoạn trước	30
1.7.2. Kết quả kiện toàn cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương giai đoạn 2016-2020.....	33
1.7.3. Bài học kinh nghiệm đối với kiện toàn cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội giai đoạn 2020-2025	33
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI.....	36
2.1. Giới thiệu về Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.....	36
2.1.1. Giai đoạn 1945 - 1975.....	36
2.1.2. Giai đoạn 1976-1985.....	36
2.1.3. Giai đoạn 1986 đến nay.....	36
2.2. Vị trí pháp lý, chức năng nhiệm vụ của Bộ	37
2.2.1. Vị trí pháp lý	37
2.2.2. Chức năng, nhiệm vụ của Bộ và các đơn vị hành chính trực thuộc	37
2.3. Cơ cấu tổ chức của Bộ và các đơn vị hành chính	38
2.3.1. Cơ cấu tổ chức của Bộ	38
2.3.2. Cơ cấu tổ chức của các đơn vị hành chính.....	41
2.4. Đánh giá chung về cơ cấu tổ chức của Bộ và các đơn vị trực thuộc .	64

CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP KIẾN TOÀN CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI ĐÁP ỨNG NHIỆM VỤ CỦA BỘ, NGÀNH GIAI ĐOẠN 2020-2025	66
3.1. Quan điểm, định hướng và mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội của Đảng trong giai đoạn 2021-2025	66
3.2. Kế hoạch phát triển lĩnh vực Lao động, Người có công và Xã hội giai đoạn 2021-2025	70
3.2.1. Mục tiêu tổng quát	70
3.2.2. Chỉ tiêu cụ thể	71
3.2.3. Phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2020-2025.....	73
3.3. Một số giải pháp kiến toàn cơ cấu tổ chức của Bộ	84
3.3.1. Kiến toàn cơ cấu tổ chức của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.....	84
3.3.2. Kiến toàn cơ cấu tổ chức của Cục Quan hệ Lao động và Tiền lương ..	88
3.3.3. Kiến toàn cơ cấu tổ chức của Cục Người có công.....	90
3.3.4. Kiến toàn cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý lao động ngoài nước	91
3.3.5. Kiến toàn cơ cấu tổ chức của Cục Bảo trợ xã hội và Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo	92
3.3.6. Kiến toàn Văn phòng Bộ.....	93
3.4. Cơ cấu tổ chức mới của Bộ sau khi kiến toàn	97
3.5. Điều kiện thực hiện giải pháp	99
KẾT LUẬN	100
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Cơ cấu tổ chức chung của Bộ.....	21
Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức hiện nay của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.....	39
Sơ đồ 3.1: Cơ cấu tổ chức của Bộ sau khi thực hiện các giải pháp kiện toàn	97

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Ngày 17/02/2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 14/2017/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, theo đó Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: Lao động, tiền lương; việc làm; giáo dục nghề nghiệp; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bảo trợ xã hội; trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội (sau đây gọi chung là lĩnh vực lao động, người có công và xã hội) trong phạm vi cả nước; quản lý nhà nước các dịch vụ sự nghiệp công trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ khoá XIV, nhiệm kỳ 2016-2021 giao, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội luôn hoàn thành nhiệm vụ. Tuy nhiên, cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của Bộ cũng như của các đơn vị quản lý nhà nước thuộc Bộ cần phải được nghiên cứu, kiện toàn trong thời gian tới bởi một số lý do chủ yếu sau:

Thứ nhất: Tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Đảng chủ trương: “Các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ chủ động rà soát, sắp xếp, tinh gọn đầu mối bên trong, giảm cơ bản số lượng tổng cục, cục, vụ, phòng; không thành lập tổ chức mới, không thành lập phòng trong vụ, trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền quyết định. Giảm tối đa các ban quản lý dự án. Kiên quyết hợp nhất, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập để thu gọn đầu mối, giảm biên chế; thực hiện cơ chế khoán kinh phí theo nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra. Chuyển một số nhiệm vụ và dịch vụ hành

chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm”.

Thứ hai: Nước ta đang trong quá trình đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, đối tượng quản lý của Bộ ngày một tăng (gồm hệ thống các đơn vị thuộc Bộ, ngành, các Sở, Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em, trung tâm giới thiệu việc làm, các doanh nghiệp, người lao động, người sử dụng lao động, người học nghề, người xuất khẩu lao động...), khối lượng công việc lớn, đặc biệt, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong phạm vi quản lý nhà nước của Ngành giai đoạn 2014 đến nay liên tục được sửa đổi, bổ sung với nhiều luật được Quốc hội thông qua như: Luật Việc làm, Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật An toàn, vệ sinh lao động, Luật Trẻ em, nhất là Bộ luật lao động sửa đổi năm 2019, hiện nay đang trình sửa đổi Pháp lệnh người có công, Luật Người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng... Theo đó, đặt ra cho Bộ nhiều nhiệm vụ mới hoặc nhiệm vụ đã được giao trước đây nhưng phạm vi, quy mô lớn hơn, tính chất, mức độ phức tạp hơn... Điều đó đòi hỏi bộ máy quản lý nhà nước về lao động, người có công và xã hội có sự thay đổi để phù hợp với sự phát triển và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Thứ ba: Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, vẫn còn một số đơn vị cấp Cục, Vụ với chức năng, nhiệm vụ mang tính liên thông (Cục Quan hệ lao động và tiền lương, Cục Việc làm, Cục Quản lý lao động ngoài nước; Cục Trẻ em; Cục Bảo trợ xã hội, Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo...) nên tổ chức bộ máy còn dàn trải; cơ cấu tổ chức bên trong các Cục, Vụ, Tổng cục chưa thực sự tinh gọn, có đầu mỗi cấp phòng chỉ có 1 đến 2 công chức, hiệu quả quản lý nhà nước chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.

Thứ tư: Sự phát triển của khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và chủ trương xây dựng nền hành chính điện tử, Chính phủ điện tử đòi hỏi phải nghiên cứu xây dựng mô hình tổ chức bộ máy hành chính tinh, gọn và hiệu quả.

Thứ năm: Quy trình chủ yếu của hoạt động quản lý hành chính nhà nước đòi hỏi phải rà soát, đánh giá việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của đơn vị hành chính để kiện toàn, sắp xếp lại cho phù hợp.

Để chuẩn bị xây dựng Đề án cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 – 2026, việc tổng kết đánh giá cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ 2016 – 2021, Chính phủ yêu cầu Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đánh giá kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao tại Nghị định số 14/2017/NĐ-CP và đề xuất mô hình cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong nhiệm kỳ Chính phủ khoá XV.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước hiện nay đã thực sự trở thành nhiệm vụ cấp thiết đối với các cơ quan nghiên cứu, cơ quan tham mưu của Đảng, Nhà nước, các Bộ, ngành về công tác tổ chức cán bộ.

Ở nước ta, trước đây và hiện nay đã có nhiều công trình khoa học nghiên cứu về tổ chức bộ máy nhà nước như: Đề tài khoa học cấp Bộ *Cơ sở khoa học của việc hoàn thiện mô hình tổ chức Bộ đa ngành trong điều kiện cải cách hành chính* do TS. Dương Quang Tung chủ biên (2001); *Một số vấn đề về hoàn thiện tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* do Lê Minh Thông chủ biên (2001); *Đổi mới, hoàn thiện bộ máy nhà nước trong giai đoạn hiện nay* của TS. Bùi Xuân Đức (2004); *Mô hình tổ chức và hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam* do GS. TSKH. Đào Trí Úc chủ biên (2006); Đề tài *Nghiên cứu hệ thống hóa các chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ trong nền kinh tế*

thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta do TS. Vũ Văn Thái chủ nhiệm (2007)... Các nghiên cứu trên đã đề cập đến vấn đề lý luận và thực tiễn của việc thiết kế, xây dựng bộ máy hành chính nhà nước, thiết kế và xây dựng mô hình bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực trong tiến trình cải cách hành chính ở nước ta; tổng kết những kết quả đạt được trong cải cách tổ chức bộ máy hành chính ở nước ta, tham khảo kinh nghiệm về tổ chức bộ máy hành chính ở một số nước trên thế giới và đưa ra phương hướng, giải pháp tiếp tục đẩy mạnh cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước.

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước *Luận cứ khoa học của việc xây dựng, hoàn thiện mô hình tổ chức và cơ chế vận hành bộ máy hành chính nhà nước trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước* do Tô Tử Hạ chủ biên (2002) đã xây dựng cơ sở lý luận của việc hoàn thiện mô hình tổ chức và cơ chế vận hành bộ máy hành chính nhà nước, hệ thống hóa quan điểm, nguyên tắc xây dựng hoàn thiện mô hình tổ chức, cơ chế vận hành bộ máy nhà nước; khái quát quá trình xây dựng, hoàn thiện mô hình tổ chức và cơ chế vận hành bộ máy hành chính nhà nước, đề ra phương hướng hoàn thiện mô hình tổ chức và cơ chế vận hành bộ máy hành chính nhà nước đáp ứng yêu cầu thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Bài báo nghiên cứu *Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ trên cơ sở định rõ tính chất và các loại hình tổ chức tham mưu, tổ chức thừa hành - thực thi pháp luật* (Ths Đặng Xuân Phương - Tạp chí tổ chức nhà nước số tháng 7, 2010) đã nêu rõ mục tiêu chính hoàn thiện cơ cấu tổ chức của bộ là làm cho “cơ cấu bộ máy tinh gọn, hợp lý, tương xứng với chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của mỗi cơ quan”; chỉ ra nguyên tắc, tiêu chí xác định tính chất và loại hình tổ chức tham mưu trong cơ cấu tổ chức của bộ; đề xuất, kiến nghị thống nhất xác định chỉ có vụ là loại hình tổ chức tham mưu, giúp bộ trưởng quản lý nhà nước về các lĩnh vực thuộc chức năng; cục, tổng

cục là các tổ chức thừa hành-thực thi nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về ngành, chuyên ngành.

Bài báo nghiên cứu *Đổi mới, sắp xếp bộ máy chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả* (Tác giả Văn Toán – Trang thông tin điện tử của Ban Nội chính Trung ương, số ra thứ ba ngày 24/12/2019) đã nêu rõ “để khắc phục hạn chế, vướng mắc, thời gian tới nhiều cấp ủy, đơn vị, địa phương cho rằng cần tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện mô hình tổng thể của hệ thống chính trị phù hợp yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới. Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức, cơ quan, đơn vị, nhất là các cơ quan hợp nhất, sáp nhập ... khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp; kiên quyết cắt bỏ các tổ chức trung gian; giảm đầu mối bên trong; giảm cấp phó”.

Sách chuyên khảo *Phân tích lao động xã hội* của TS. Trần Xuân Cầu (2002) đã làm rõ vai trò của cơ cấu tổ chức trong các hoạt động lao động, các loại hình cơ cấu tổ chức và các yếu tố ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức.

Sách chuyên khảo *Tổ chức và hoạt động của Văn phòng Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ* của TS. Văn Tất Thu (2011) trình bày những vấn đề lý luận chung về tổ chức, hoạt động của Văn phòng Bộ, về nhiệm vụ tham mưu yêu cầu của cải cách hành chính, đổi mới nhận thức về chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Bộ và đề xuất các giải pháp hoàn thiện hoạt động của Văn phòng Bộ, cơ quan ngang Bộ.

Sách chuyên khảo *Hoàn thiện tổ chức và hoạt động của Bộ, cơ quan ngang Bộ trong quá trình cải cách hành chính ở Việt Nam hiện nay* của TS. Đặng Xuân Phương (2011) mới xuất bản gần đây đã trình bày những nghiên cứu tổng quát về lý luận và thực tiễn tổ chức hoạt động của bộ, cơ quan ngang bộ trong tiến trình đổi mới, hội nhập quốc tế của đất nước.

Đối với việc kiện toàn tổ chức bộ máy của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, gần đây có một số công trình nghiên cứu khoa học như: Đề tài

khoa học cấp bộ *Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị trực thuộc đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập* do CN Lê Văn Chương chủ nhiệm (2008); Luận văn *Hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhằm đáp ứng nhiệm vụ của ngành giai đoạn 2011-2020* (2011); *Chính sách xã hội và An sinh xã hội ở New zealand* (2012), Tạp chí Bảo hiểm xã hội kỳ 01, tháng 02 năm 2012; *Hoàn thiện tổ chức bộ máy về thông tin- thống kê ngành lao động -TBXH* (2012), Tạp chí Lao động và Xã hội số 424 (2012); *Cơ cấu tổ chức bộ máy về bảo trợ xã hội, bảo vệ và chăm sóc trẻ em – Thực trạng và đề xuất sửa đổi* (2012), Tạp chí lao động và Xã hội số 425 (2012) của ThS Nguyễn Mạnh Cường. Những nghiên cứu này đã đề cập đến một số vấn đề về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức: nêu rõ một số nhiệm vụ còn chồng chéo giữa các đơn vị của Bộ và giữa Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội với Bộ, ngành khác; chỉ ra một số điểm hạn chế về cơ cấu tổ chức của Bộ và đưa ra một số giải pháp hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Bộ.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, xu hướng toàn cầu hóa, cách mạng công nghiệp 4.0 ngày càng diễn ra mạnh mẽ và yêu cầu phải xây dựng bộ máy hành chính tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, các công trình nghiên cứu trên đây là cơ sở lý luận để tiếp tục nghiên cứu, kiện toàn mô hình tổ chức bộ máy nhà nước cấp Bộ, đề xuất giải pháp kiện toàn cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đáp ứng nhiệm vụ của Bộ, ngành giai đoạn 2020-2025.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Rà soát phân tích thực trạng cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị hành chính thuộc Bộ, tìm ra những hạn chế

trong cơ cấu tổ chức, từ đó đưa ra các giải pháp kiện toàn cơ cấu tổ chức của Bộ đáp ứng nhiệm vụ của ngành giai đoạn 2020-2025.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hóa các khái niệm; cơ sở lý luận chung về kiện toàn cơ cấu tổ chức của Bộ.

- Rà soát thực trạng cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Chỉ ra những ưu, nhược điểm, tồn tại và nguyên nhân hạn chế của cơ cấu tổ chức hiện nay của Bộ.

- Ba là, đề xuất các giải pháp kiện toàn cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, cơ cấu tổ chức các đơn vị hành chính trực thuộc Bộ đáp ứng nhiệm vụ của ngành giai đoạn 2020-2025.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

- Cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Cơ cấu tổ chức các đơn vị hành chính của Bộ.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị quản lý hành chính nhà nước tại Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ.

- Dữ liệu phân tích liên quan được thu thập trong khoảng thời gian từ khi Nghị định số 14/2017/NĐ-CP được ban hành (từ năm 2017 đến nay).

5. Phương pháp nghiên cứu

- Sử dụng phương pháp so sánh, đối chiếu với các quy định hiện hành về mô hình của Vụ, Cục, Tổng cục; Phân tích, tổng hợp dữ liệu thứ cấp từ các báo cáo của Bộ, các đơn vị và dữ liệu sơ cấp thu được qua điều tra, khảo sát để xác định sự phù hợp của cơ cấu tổ chức mỗi đơn vị và các giải pháp kiện toàn.

Thực hiện khảo sát (bằng phiếu hỏi) lấy ý kiến của một số Lãnh đạo đơn vị và cán bộ làm công tác tổ chức cán bộ của các đơn vị đối với các giải pháp đề xuất kiện toàn cơ cấu tổ chức để tham khảo, lựa chọn các giải pháp có tính thực tiễn, tính khả thi cao. Dữ liệu khảo sát được tổng hợp, phân tích bằng phần mềm excel.

6. Những đóng góp mới của luận văn

Đề tài được nghiên cứu với mong muốn có những đóng góp sau:

- Tổng hợp, bổ sung, hệ thống hóa một số nội dung lý luận về kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý hành chính nhà nước cấp Bộ;
- Phân tích được thực trạng, chỉ ra những điểm tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và các đơn vị hành chính thuộc Bộ.
- Đề xuất một số giải pháp kiện toàn cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và các đơn vị hành chính thuộc Bộ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ giai đoạn 2020-2025.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, danh mục các bảng biểu, luận văn được trình bày gồm 03 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kiện toàn cơ cấu tổ chức.

Chương 2: Thực trạng cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

Chương 3: Giải pháp kiện toàn cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đáp ứng nhiệm vụ của ngành giai đoạn 2020-2025.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIẾN TOÀN CƠ CẤU TỔ CHỨC CƠ QUAN BỘ

1.1. Một số khái niệm

1.1.1. Chức năng

Chức năng có nghĩa là *“Nhiệm vụ và tác dụng, nói chung”* [22, tr 211].

Trong thực tiễn, cụm từ “chức năng” thường được sử dụng để nói lên nhiệm vụ tổng quát mà một tổ chức phải đảm nhận, ví dụ: Đối với tổ chức hành chính theo mô hình Bộ thì chức năng của Bộ được quy định: *“Bộ, cơ quan ngang Bộ (dưới đây gọi chung là Bộ) là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực được giao trong phạm vi cả nước; quản lý các dịch vụ công trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ”*[10]. Đây là nhiệm vụ tổng quát của Bộ. Với mỗi Bộ cụ thể trong cơ cấu tổ chức Chính phủ, nhiệm vụ tổng quát này được cụ thể hóa bằng Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức riêng cho Bộ đó.

Từ khái niệm và cách sử dụng phổ biến trên đây, ta có thể hiểu: *Chức năng là nhiệm vụ tổng quát của tổ chức, bao hàm nhiều nhiệm vụ cụ thể mà tổ chức phải thực hiện để đạt mục tiêu đề ra.*

1.1.2. Nhiệm vụ

Nhiệm vụ là *“công việc phải làm, vì một mục đích và trong một thời gian nhất định”* [22, tr 746].

1.1.3. Cơ cấu tổ chức

- Tổ chức là gì: Theo Tiến sĩ Hà Duy Hào, mỗi khoa học có những cách tiếp cận khác nhau về tổ chức, nên hiện nay có nhiều định nghĩa khác nhau về phạm trù tổ chức.

Ở góc độ triết học: tổ chức được xem xét theo nghĩa rộng, có ý nghĩa khái quát cả về tự nhiên và xã hội: Tổ chức là cơ cấu tồn tại của sự vật. Sự vật không thể tồn tại mà không có một hình thức liên kết nhất định các yếu tố thuộc về nội dung của nó; . Do đó, tổ chức là thuộc tính của bản thân sự vật.

Về góc độ tự nhiên: Giới sinh vật có một tổ chức chặt chẽ sẽ đảm bảo sự sinh tồn và thích nghi với môi trường để không ngừng phát triển.

Về góc độ xã hội: Từ khi xuất hiện loài người, thì tổ chức xã hội loài người cũng đồng thời xuất hiện. Tổ chức đó không ngừng hoàn thiện và phát triển cùng với sự phát triển của nhân loại. Nếu theo nghĩa hẹp này thì : Tổ chức là một tập hợp xã hội, được phối hợp có ý thức trong một giới hạn tương đối về các chức năng cơ bản liên quan để thực hiện nhiệm vụ chung của tập hợp xã hội đó, nói cách khác là để đạt được mục tiêu xác định. Từ khái niệm về tổ chức xã hội có 3 khía cạnh cần làm rõ về tổ chức:

Tổ chức – Với góc độ là một hoạt động: là việc sắp xếp, bố trí và liên kết các yếu tố riêng rẽ cho thành một chỉnh thể, có cấu tạo, cấu trúc và cùng phản ánh hoặc thực hiện một chức năng chung nhất định.

Tổ chức – Với góc độ là danh từ: “là cơ cấu tồn tại của sự vật” với ít nhất một phương án sắp đặt và liên kết nhất định của các yếu tố cấu thành [14, tr 10].

Khi yếu tố chính cần sắp xếp, liên kết là con người, với các yếu tố cấu thành gồm: con người, nhiều người phối hợp với nhau gắn với điều kiện vật chất và không gian, thời gian nhằm hướng tới, cam kết cùng thực hiện một mục tiêu chung thì tổ chức là một đơn vị hoạt động độc lập (tập hợp người được sắp xếp và liên kết theo một cơ cấu nhất định nhằm cùng thực hiện một mục tiêu chung).

Tổ chức bao gồm nhiều yếu tố cấu thành, như: tên gọi; vị trí pháp lý; chức năng, nhiệm vụ; cơ cấu tổ chức, mối quan hệ giữa các bộ phận bên trong tổ chức, vị trí việc làm, đội ngũ nhân sự; cơ sở vật chất, trụ sở, phương tiện hoạt động.

Như vậy, trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, danh từ “*tổ chức*” được hiểu là những cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị, xã hội ...với những đặc trưng cơ bản như: tên gọi, vị trí pháp lý (chính danh); mục tiêu (tôn chỉ, mục đích); chức năng, nhiệm vụ; cách sắp xếp, bố trí các bộ phận trực thuộc; cơ sở vật chất; con người; cơ chế hoạt động và mối quan hệ bên trong tổ chức. Tổ chức gắn liền với hoạt động quản lý. Chủ thể quản lý thành lập hoặc cho phép thành lập các tổ chức theo những mô hình khác nhau với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và lĩnh vực hoạt động cụ thể để quản lý xã hội. Theo Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19/6/2015, mô hình Chính phủ của nước ta có các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; bên trong các Bộ có các đơn vị quản lý nhà nước được tổ chức theo mô hình Tổng cục, Cục, Vụ, Thanh tra,..., Văn phòng và các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Cơ cấu là gì: Cơ cấu là “*cách tổ chức các thành phần nhằm thực hiện chức năng của chính thể*” [22, tr 234]. Ở đây, cụm từ “tổ chức” là một động từ. Từ những ý nghĩa cơ bản của động từ “tổ chức”, ta có thể hiểu:

Cơ cấu là sự bố trí, sắp xếp các thành phần tạo thành một chính thể có cấu tạo và chức năng chung nhất định.

- Cơ cấu tổ chức là gì [15]: Trong cụm từ “*cơ cấu tổ chức*”, thì “*tổ chức*” là danh từ. Từ đó có thể thấy rằng:

Cơ cấu tổ chức là sự phân chia các bộ phận được chuyên môn hóa theo chức năng trong một tổ chức sao cho các bộ phận đó phối hợp hoạt động nhịp nhàng, không chồng chéo, không trùng lặp nhiệm vụ nhằm đạt mục tiêu chung mà tổ chức đặt ra.

1.1.4. Kiện toàn cơ cấu tổ chức

Kiện toàn là gì?

- Từ điển soha: kiện toàn là làm cho có đầy đủ các bộ phận về mặt tổ chức để có thể hoạt động bình thường.

- Từ điển Hán Nôm: kiện toàn là làm cho hoàn hảo, hoàn thiện, hoàn bị.

- Hoàng Phê (chủ biên), Từ điển Tiếng Việt (1988) NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội [tr281]: kiện toàn là làm cho vững mạnh đầy đủ hơn lên (kiện toàn tổ chức cơ quan).

Từ những nghĩa trên có thể hiểu kiện toàn làm cho tốt đẹp hơn. Đối với tổ chức mà bên trong còn có nhiều bộ phận, tổ chức con cấu thành thì kiện toàn là sắp xếp các bộ phận chức năng chuyên môn hoá để thực hiện mục tiêu chung của tổ chức, đảm bảo các bộ phận chức năng hoạt động phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả hơn, không chồng chéo nhiệm vụ, không lãng phí nguồn lực của tổ chức.

Đối với tổ chức, mỗi tổ chức có thời gian thành lập và quá trình phát triển, có chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức riêng. Cơ cấu tổ chức tốt và đầy đủ đến mức không phải làm gì thêm nữa nghĩa là các bộ phận trực thuộc tổ chức đều tinh, gọn, sắp xếp hợp lý, thuận lợi cho việc thực hiện mục tiêu của tổ chức, hoạt động của tổ chức là hiệu lực, hiệu quả trong một giai đoạn nhất định.

Để kiện toàn cơ cấu tổ chức cần phải thấy được những nhược điểm, hạn chế của cơ cấu tổ chức hiện tại, muốn vậy phải rà soát đầy đủ các yếu tố bên trong, bên ngoài tác động tới cơ cấu tổ chức (cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức, hệ thống văn bản pháp luật hiện hành, xu hướng phát triển...), từ đó đưa ra phương án kiện toàn, sắp xếp hợp lý. Do đó, ta có thể hiểu “kiện toàn cơ cấu tổ chức” như sau:

Kiến toàn cơ cấu tổ chức là việc rà soát, bố trí, sắp xếp các bộ phận trong một tổ chức sao cho các bộ phận đó trở nên tinh gọn, phối hợp hoạt động nhịp nhàng, ổn định, không chồng chéo, không trùng lặp chức năng, nhiệm vụ nhằm đạt mục tiêu chung và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức trong một giai đoạn nhất định.

1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức cơ quan Bộ

Trong quá trình hoạt động của tổ chức, cơ cấu tổ chức luôn thay đổi để đảm bảo sự phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với mục

tiêu nhiệm vụ đặt ra trong từng thời kỳ. Để tồn tại và phát triển, cơ cấu tổ chức phải được thay đổi để phù hợp các yếu tố khách quan và chủ quan.

1.2.1. Yếu tố khách quan

Những yếu tố khách quan chủ yếu tác động tới cơ cấu tổ chức là:

- Mục tiêu, nhiệm vụ được giao trong từng thời kỳ:

Một trong những nguyên tắc để xây dựng cơ cấu tổ chức là nguyên tắc “việc tìm người”. Khi một tổ chức được giao mục tiêu, nhiệm vụ thì trước hết tổ chức đó phải nghiên cứu xây dựng kế hoạch thực hiện. Kế hoạch đó phải đảm bảo phân công rõ ràng cho các bộ phận trực thuộc, đồng thời phải giao cho bộ phận chủ trì, bộ phận phối hợp để tạo sự chủ động cho các bộ phận trong việc tổ chức thực hiện. Quá trình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ có thể phải sắp xếp, bố trí lại các bộ phận cho phù hợp là đòi hỏi khách quan của công tác tổ chức.

- Việc ban hành các Nghị quyết của Trung ương; sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực hoạt động của tổ chức:

Cơ quan hành chính nhà nước cao nhất là Chính phủ. Trong mỗi nhiệm kỳ, Chính phủ thường có những định hướng, chiến lược hoặc kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Xuất phát từ những thay đổi trong chính sách phát triển kinh tế xã hội, an ninh, quốc phòng... hệ thống chính sách, văn bản quy phạm pháp luật ít nhiều có sự điều chỉnh dẫn đến cơ cấu tổ chức của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ cũng thay đổi theo. Thời gian qua, nhiều chủ trương của Đảng và chính sách của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã được đưa ra nhằm đẩy mạnh hơn nữa cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, đó là: Rà soát chức năng, nhiệm vụ, kiện toàn tổ chức; phân cấp mạnh, giao quyền chủ động cho chính quyền địa phương; tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập. Đồng thời, Quốc hội thực

hiện công tác giám sát tối cao đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước.

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017, Hội nghị Trung ương 6 khoá XII về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” (gọi tắt là Nghị quyết số 18-NQ/TW), hệ thống các văn bản chỉ đạo, triển khai đã được ban hành tương đối đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết đã đề ra (*Kế hoạch số 07-KH/TW ngày 27/11/2017 về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW; Kết luận số 17-KL/TW ngày 11/9/2018 về tình hình thực hiện biên chế, tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị năm 2015-2016, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2017-2021; Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước tinh gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 10-NQ/CP ngày 3/2/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW...*).

Việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW gắn với việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị khoá XI về tinh giản biên chế và giảm đáng kể biên chế của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và bộ máy hành chính nhà nước. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, so sánh thời điểm 31/12/2019 với thời điểm 21/12/2017, các bộ, cơ quan ngang bộ (không tính Bộ Quốc phòng và Bộ Công an) đã giảm 12 Vụ và tương đương, 10 đơn vị sự nghiệp công lập (dự thảo Báo cáo tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 và dự thảo Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030).

Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ được thông qua tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội Khoá XIV đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho việc kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính ở Trung ương. Thực hiện quy định của Luật, giai đoạn 2016-2020, Chính phủ đã ban hành các Nghị định quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan thuộc Chính phủ, cơ bản đã khắc phục được những tồn tại, hạn chế của các giai đoạn trước, bổ khuyết những thiếu sót về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, bảo đảm bao quát đầy đủ chức năng quản lý nhà nước của Chính phủ, đồng thời phân định rõ phạm vi chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực giữa các bộ, cơ quan ngang bộ trên cơ sở thực hiện nguyên tắc một việc chỉ do một cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm chính, các cơ quan liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

- Những quy định của Nhà nước về mô hình tổ chức và sự phân cấp quản lý trong lĩnh vực hoạt động của tổ chức:

Với mỗi nhiệm kỳ, Chính phủ ban hành Nghị định khung quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các bộ, cơ quan ngang bộ (giai đoạn 2016-2020 là Nghị định số 123/2016/NĐ-CP; giai đoạn 2020-2025 là Nghị định số 101/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2016/NĐ-CP), trong đó quy định tiêu chí thành lập Tổng cục, Cục, Vụ trực thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ. Trên cơ sở đó, các Bộ, cơ quan ngang Bộ xây dựng Dự thảo Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức để trình Chính phủ ban hành.

Nghị quyết 71/NQ-CP của Chính phủ ngày 05/8/2016 Phiên họp thường kỳ tháng 7/2016 xác định: *“Từng thành viên Chính phủ nêu cao tinh thần trách nhiệm trước Đảng, Nhà nước và Nhân dân... Tập trung rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế gắn với cải cách công vụ, công chức...”*.

Giai đoạn vừa qua, bên cạnh việc rà soát, khắc phục chồng chéo, trùng lắp về chức năng, nhiệm vụ, các bộ, ngành đã có những đề xuất cụ thể với Chính phủ đẩy mạnh việc phân cấp. Một số công việc trước đây do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giải quyết, nay đã được chuyển cho các bộ, ngành Trung ương và phân cấp cho chính quyền địa phương thực hiện theo Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ.

- Sự tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực được phân công:

Các hoạt động hợp tác quốc tế trong một số lĩnh vực đòi hỏi việc thành lập những tổ chức cần thiết để triển khai thực hiện kế hoạch theo thỏa thuận hợp tác.

Đối với lĩnh vực lao động, người có công và xã hội, một trong những yêu cầu đặt ra khi tham gia các Hiệp định thương mại quốc tế là phải đảm bảo tiêu chuẩn cơ bản của người lao động là quyền tự do lập hội, tự do liên kết và thương lượng tập thể theo Công ước 87 và Công ước 98 của ILO. Vì vậy, giai đoạn 2016-2020, để đáp ứng yêu cầu hội nhập, hợp tác quốc tế, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã trình Chính phủ chuyển đổi mô hình Vụ Lao động – Tiền lương thành Cục Quan hệ lao động và tiền lương. Ngoài thực hiện chức năng của Vụ Lao động – Tiền lương như trước đây, tại Quyết định số 736/QĐ-LĐTBXH ngày 24/5/2017, Cục được giao bổ sung chức năng, nhiệm vụ *“Về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức đại diện người lao động theo quy định của pháp luật lao động”*.

Trong nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, đồng thời nội luật hóa và triển khai các quy định của các công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia (Công ước Liên hiệp quốc về Quyền trẻ em; Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ -CEDAW...), một số đơn vị chức năng đã được thành lập trong cơ cấu tổ chức của Bộ như Cục Trẻ em, Vụ Bình đẳng

giới; để đáp ứng yêu cầu hợp tác quốc tế trong lĩnh vực người Việt Nam đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng, Cục Quản lý lao động ngoài nước đã được thành lập.

- Sự phát triển của khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin:

Ứng dụng công nghệ thông tin có ảnh hưởng lớn tới cơ cấu tổ chức hành chính do việc tạo ra tương tác người – máy làm thay đổi nghiệp vụ hoặc quy trình tác nghiệp của cơ quan nhà nước, vị trí việc làm trong mỗi cơ quan cần phải xác định lại cho phù hợp với những phần mềm quản lý và trang thiết bị hiện đại được trang bị. Trong Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2001-2010, một trong những giải pháp thực hiện từng bước hiện đại hóa nền hành chính đã được Chính phủ phê duyệt là: *“Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chỉ đạo, điều hành của hệ thống hành chính nhà nước; áp dụng các công cụ, phương pháp quản lý tiên tiến, hiện đại trong cơ quan hành chính nhà nước”*. Việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hành chính của cơ quan nhà nước nhằm hướng tới xây dựng một Chính phủ điện tử, theo đó nhiều dịch vụ công sẽ được cung cấp tới người dân, doanh nghiệp qua môi trường mạng đảm bảo nhanh chóng, tiện lợi, chất lượng cao, nhiều thủ tục hành chính được đơn giản hóa, tính minh bạch của hoạt động công vụ được cải thiện... Tin học hóa quản lý hành chính nhà nước được coi là *“chìa khóa để cải cách hành chính”* [2, tr 134], đây cũng là nhiệm vụ thường xuyên của các cơ quan nhà nước nhằm tăng cường năng lực quản lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước.

- Môi trường và phạm vi hoạt động của tổ chức:

Theo TS Lê Văn Phùng: *“Hệ thống mở (Open System) là hệ thống có tác động qua lại với các hệ thống khác thuộc môi trường. Nếu một hệ thống có sự trao đổi những đầu vào, đầu ra với môi trường thì có thể nói rằng nó liên hệ với môi trường qua các giao diện vào - ra”* [18, tr 29].

Theo định nghĩa trên, cơ quan hành chính nhà nước cấp bộ cũng là những hệ thống mở mà xã hội là môi trường của chúng. Sản phẩm đầu ra của bộ là kết quả của hoạt động quản lý nhà nước trên các lĩnh vực được Chính phủ phân công (cơ sở hạ tầng, hệ thống thể chế, hệ thống cơ sở cung cấp dịch vụ công, kết quả hoạt động của bộ trong từng lĩnh vực...). Thông tin đầu vào là chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, thông tin giữa các cơ quan nhà nước, thông tin báo cáo, thông tin phản hồi từ các tổ chức, doanh nghiệp và người dân, các Công ước quốc tế hoặc các quy định của các tổ chức quốc tế mà Việt Nam tham gia...Dưới sự tác động của môi trường, cơ cấu tổ chức của Bộ phải thay đổi cho phù hợp với sự phát triển. Đơn cử trong lĩnh vực quản lý nhà nước về lao động: hiện nay, số lượng doanh nghiệp tăng nhanh, cùng với sự gia tăng số lượng doanh nghiệp là sự nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp trong lao động như tình trạng vi phạm pháp luật lao động, an toàn lao động, tranh chấp lao động, đình công, bên cạnh đó, phải thực hiện một số cam kết trong lĩnh vực lao động khi tham gia Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)...đòi hỏi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phải đề xuất chuyển đổi mô hình Vụ Lao động - Tiền lương sang mô hình Cục để tăng cường thực thi pháp luật lao động, trực tiếp hỗ trợ giải quyết tranh chấp lao động, đình công... mặt khác, cần xem xét, kiện toàn lại lực lượng thanh tra lao động các cấp từ Trung ương tới địa phương để tăng cường công tác thanh tra lao động nhằm hạn chế tình trạng vi phạm pháp luật lao động tại các doanh nghiệp. Bảo hiểm thất nghiệp mới triển khai từ năm 2008 cũng từng bước được củng cố, hình thành mạng lưới các cơ quan đơn vị quản lý bảo hiểm thất nghiệp và từng bước hoàn thiện hệ thống các quy định về chế độ bảo hiểm thất nghiệp.

1.2.2. Yếu tố chủ quan

Bên cạnh những yếu tố khách quan còn có các yếu tố chủ quan cũng tác động đến cơ cấu tổ chức. Yếu tố chủ quan chủ yếu ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức gồm:

- Trình độ, năng lực của người lãnh đạo cũng như ý chí của họ [21, tr 39]: Với cơ chế hiện nay, hầu hết các đơn vị làm việc theo chế độ thủ trưởng. Thủ trưởng là người chịu trách nhiệm trước cấp trên, họ được phân cấp quyền thành lập hoặc đề xuất thành lập các tổ chức giúp việc, vì vậy, trình độ, năng lực, quan điểm của người lãnh đạo ảnh hưởng trực tiếp đến cơ cấu tổ chức của đơn vị.

Trong thực tiễn, việc thành lập tổ chức hành chính, sự nghiệp đã được thể chế hóa tại Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/6/2012 của Chính phủ; Nghị định số 83/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2006 quy định về trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính nhà nước; Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính. Tuy nhiên, trên thực tế còn có trường hợp chưa tuân thủ quy trình thành lập tổ chức theo quy định tại các Nghị định chuyên ngành về tổ chức bộ máy trên mà lồng ngay trong Luật, Nghị định, đề án khác, ví dụ như:

- + Cơ quan kiểm soát thủ tục hành chính trực thuộc Văn phòng Chính phủ được quy định ngay trong Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 18/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

- + Tổng cục thi hành án dân sự trực thuộc Bộ Tư pháp được quy định ngay trong luật Thi hành án dân sự và Nghị định số 74/2009/NĐ-CP ngày 09/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự;

- + Cục Năng lượng nguyên tử và Cục An toàn bức xạ và Hạt nhân thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ quy định ngay trong Luật Năng lượng nguyên tử.

Việc thành lập tổ chức hành chính thường phải lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan. Không phải đề xuất thành lập tổ chức nào cũng được phê duyệt mà có thể có ý kiến phản biện trái chiều. Việc không tuân thủ những quy định chung nhằm tránh việc lập hồ sơ chi tiết, tránh khâu thẩm định, thẩm tra... là hiện tượng có thực cần phê phán bởi nó phá vỡ quy trình quản lý nói chung và là nguyên nhân làm xuất hiện sự chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị trong cơ cấu tổ chức Chính phủ.

Trong công tác tổ chức cần phải tuân thủ nguyên tắc “việc tìm người”. Theo nguyên tắc này, việc thành lập tổ chức phải xuất phát từ mục tiêu cần đạt được, tiếp theo là việc xác định mô hình tổ chức cần thành lập, xác định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức, cuối cùng là việc bố trí nhân sự của tổ chức. Tuy nhiên, cũng có trường hợp không vận dụng đúng nguyên tắc việc tìm người mà làm ngược lại: Từ việc tìm kiếm, sắp xếp vị trí lãnh đạo cho một cá nhân nào đó mà Thủ trưởng đơn vị có thể đề nghị thành lập đơn vị mới hoặc tách một bộ phận thành 2 bộ phận để có nhiều vị trí lãnh đạo các đơn vị, bộ phận rồi đề bạt, bổ nhiệm... Những việc trên nhằm thỏa mãn ý chí chủ quan, thường đi kèm với tệ nạn chạy chức, chạy quyền, tham nhũng...

- Ảnh hưởng của mô hình cơ cấu tổ chức cũ [21, tr39]: Nhìn chung, khi xây dựng một cơ cấu tổ chức người ta thường xem xét cơ cấu tổ chức cũ hoặc tham khảo cơ cấu tổ chức của những đơn vị có chức năng tương tự ở trong nước cũng như ngoài nước. Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng cơ cấu tổ chức cũ để đề xuất xây dựng cơ cấu tổ chức mới. Việc đưa mô hình tổ chức mới vào hoạt động không thể thực hiện trong phòng thí nghiệm mà chỉ có thể tiến hành thí điểm trong phạm vi nhỏ hoặc thời gian ngắn. Sau khi thí điểm mới căn cứ kết quả để triển khai trên diện rộng. Khoa học tổ chức nhà nước đòi hỏi mỗi sự thay đổi về tổ chức bộ máy phải có cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học và cơ sở thực tiễn, đồng thời cũng đòi hỏi kinh nghiệm và sự thận trọng

của cơ quan tham mưu về công tác tổ chức bộ máy, điều đó lý giải cho sự ảnh hưởng của mô hình cơ cấu tổ chức cũ đến mô hình tổ chức mới.

- Trình độ, năng lực của cán bộ ở bộ phận tham mưu về công tác tổ chức (21, tr 39): Ở cấp Chính phủ, cơ quan tham mưu cho Chính phủ về công tác tổ chức là Bộ Nội vụ, ở cấp bộ, bộ phận chuyên môn tham mưu cho Bộ trưởng về công tác tổ chức cán bộ là Vụ Tổ chức cán bộ. Chức năng chung của Vụ Tổ chức cán bộ là giúp Bộ trưởng quản lý và thực hiện công tác tổ chức, cán bộ và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền của bộ theo quy định của pháp luật. Ở cấp Tổng cục, Cục cũng có Ban hoặc Phòng Tổ chức cán bộ. Trong phạm vi Bộ, Vụ Tổ chức cán bộ là đơn vị kiểm soát cuối cùng những đề xuất của các đơn vị thuộc bộ về công tác tổ chức cán bộ trước khi trình Lãnh đạo bộ, những đề xuất này có thể hợp pháp hoặc chưa hợp pháp, hợp lý hoặc chưa hợp lý, cần thiết hoặc chưa cần thiết... Trước khi trình Lãnh đạo bộ, Vụ Tổ chức cán bộ phải nghiên cứu các vấn đề liên quan, làm rõ được sự cần thiết, căn cứ pháp lý, cơ sở khoa học và thực tiễn của vấn đề và đưa ra ý kiến đề xuất. Để công tác tham mưu cho Lãnh đạo bộ luôn chính xác, hiệu quả, đòi hỏi công chức Vụ Tổ chức cán bộ phải có trình độ, năng lực và kinh nghiệm công tác trong nhiều lĩnh vực.

- Đội ngũ công chức, viên chức: Số lượng, cơ cấu, trình độ, kỹ năng làm việc của công chức, viên chức. Đội ngũ công chức có trình độ cao, năng lực chuyên môn giỏi thì khả năng xử lý khối lượng công việc lớn, chất lượng cao, bộ máy nhân sự sẽ gọn nhẹ, có thể ứng dụng công nghệ thông tin hoặc các tiêu chuẩn quốc tế vào trong hoạt động của bộ, ngành.

Khi phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức cần phải nghiên cứu cả những yếu tố ảnh hưởng đến các bộ phận bên trong tổ chức. Mỗi bộ phận trong một tổ chức là một tổ chức con, giống như hệ thống con trong một hệ thống lớn. Về nguyên tắc, bất cứ một bộ phận nào của tổ chức ra đời, đều

phải phục vụ một mục tiêu nào đó trong chiến lược của tổ chức. Vì thế, nó chỉ được thành lập, tồn tại khi tổ chức đòi hỏi và sẽ giải thể khi sự tồn tại của nó không còn ý nghĩa đối với tổ chức. Để thay đổi được cơ cấu tổ chức hiện tại theo hướng tiến bộ, đòi hỏi bộ phận tham mưu về công tác tổ chức cán bộ phải nắm được các yếu tố đang thúc đẩy và các yếu tố đang cản trở sự thay đổi trong tổ chức của mình; phải phân tích, đánh giá thực trạng cơ cấu tổ chức hiện thời, phát hiện ra các yếu tố cơ bản tác động đến cơ cấu tổ chức, làm rõ các yếu tố tác động tích cực và các yếu tố tác động tiêu cực, xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố... trên cơ sở đó đề xuất phương án kiện toàn cơ cấu tổ chức.

Theo Stephen P. Robbins, tác giả “Những vấn đề cốt yếu của hành vi tổ chức”, tái bản lần 5, tài liệu dịch đã nêu ra một số vấn đề cơ bản khi xây dựng cơ cấu tổ chức [21, tr 39, 40], đó là:

- Chuyên môn hóa công việc: cần phải xác định các nhiệm vụ được phân chia thành những công việc riêng rẽ nào;
- Đơn vị hóa: Các công việc sẽ được gộp lại trên cơ sở nào;
- Hệ thống hóa ra mệnh lệnh: Xác định các cá nhân, các nhóm báo cáo và được báo cáo;
- Phạm vi quản lý: Xác định một người quản lý có thể chỉ đạo bao nhiêu cá nhân có hiệu quả;
- Tập trung quyền lực (tập quyền) và phân chia quyền lực (phân quyền): Xác định quyền ra quyết định nằm ở đâu;
- Chính thức hóa: Xác định các luật lệ sẽ kiểm soát nhân viên và các nhà quản lý ở mức độ nào.

1.3. Vai trò của cơ cấu tổ chức cơ quan Bộ

Theo khái niệm về cơ cấu tổ chức ta thấy rằng tổ chức bao gồm nhiều bộ phận được sắp xếp theo một cách thức nào đó tạo nên một “cơ cấu tổ chức”. Một cơ cấu tổ chức chính là một trật tự sắp xếp với mối liên kết cụ thể giữa các bộ phận trong tổ chức.

Theo lý thuyết hệ thống thì *“Hệ thống là tập hợp những phần tử liên kết với nhau một cách rất chặt chẽ thành một nhất thể thực hiện một số chức năng nhất định”* [4, tr 3].

Xét về mặt cấu trúc, ta thấy Tổ chức và Hệ thống có sự tương đồng. Theo TS Lê Văn Phùng: *“Hệ thống là một tổ chức vận hành theo một mục đích xác định gồm nhiều thành phần trong mối quan hệ với nhau”* [18, tr 26]. Tổ chức với nghĩa là một chỉnh thể hoạt động độc lập có thể bao gồm nhiều tổ chức con và đồng thời bản thân nó lại có thể nằm trong một tổ chức khác, ví dụ như bộ là một tổ chức hành chính của Chính phủ mà bên trong nó có nhiều tổ chức nhỏ hơn là Tổng cục, Cục, Vụ và các tổ chức sự nghiệp khác. Hệ thống có thể bao gồm nhiều hệ thống con hoặc bản thân hệ thống lại nằm trong một hệ thống khác, ví dụ như hệ thống kinh tế - xã hội của một quốc gia thường bao gồm hệ thống kinh tế, hệ thống luật pháp, hệ thống giáo dục, hệ thống y tế, hệ thống thông tin... Như vậy, có thể hiểu một hệ thống là một tổ chức và ngược lại.

Khi nghiên cứu về hệ thống, người ta thấy rằng việc cơ cấu các phần tử tạo nên mối liên kết giữa chúng và chính mối liên kết giữa các phần tử làm cho hệ thống có thể thực hiện được một số chức năng mà một phần tử không có, người ta gọi đó là tính trội của hệ thống. Cơ cấu càng hợp lý thì sự liên kết càng chặt chẽ và tính trội càng tăng lên bấy nhiêu. Tính trội thể hiện sức mạnh của hệ thống.

Do sự tương đồng giữa tổ chức và hệ thống nên ta có thể nhận thấy rằng cơ cấu tổ chức có vai trò quan trọng, quyết định đến toàn bộ hoạt động và khả năng thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức. Cơ cấu tổ chức hợp lý, gọn nhẹ, phù hợp với yêu cầu của tổ chức sẽ giúp cho việc thực hiện các nhiệm vụ một cách nhanh chóng, sự phối hợp giữa các bộ phận nhịp nhàng, thống nhất, đạt hiệu quả cao. Ngược lại, cơ cấu tổ chức không hợp lý với nhiều đầu mối, nhiều bộ phận chồng chéo nhau sẽ dẫn đến sự trì trệ, mâu

thuần, các bộ phận phối hợp không đồng bộ có thể gây cản trở lẫn nhau làm cho hoạt động của tổ chức kém hiệu quả. Vì thế, cần phải đánh giá sự hợp lý của một cơ cấu tổ chức. Một cơ cấu tổ chức được coi là hợp lý không chỉ có vừa đủ các bộ phận cần thiết để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mà phải có một tập thể mạnh với những con người có đủ những phẩm chất cần thiết để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao. Cơ cấu tổ chức hợp lý còn phải có cơ chế hoạt động rõ ràng, minh bạch, đảm bảo sự phối hợp giữa các bộ phận nhịp nhàng, ăn khớp. Nếu cơ chế hoạt động không rõ ràng sẽ dẫn đến việc không đồng bộ trong thực thi nhiệm vụ, lãng phí thời gian do phải xử lý những vụ việc phát sinh, đùn đẩy trách nhiệm...

Để đánh giá mức độ hợp lý của một cơ cấu tổ chức có thể dùng nhiều phương pháp khác nhau như phương pháp tương tự, phương pháp phân tích, phương pháp khảo sát thực tế, thăm dò phản ứng... Phương pháp tương tự cho phép khi so sánh các tổ chức tương đối đồng nhất về chức năng, nhiệm vụ thì có tương đối đồng nhất về cơ cấu tổ chức không, hoặc cơ cấu tổ chức tương đối đồng nhất thì kết quả cuối cùng của các tổ chức đó có khác biệt nhau nhiều không?... Phương pháp phân tích cho phép đi sâu và hiểu kỹ hơn những lý do, những yếu tố ảnh hưởng gây nên sự khác biệt trong các cơ cấu tổ chức, chỉ ra những bộ phận, những yếu tố không hợp lý trên cơ sở phân tích các chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ giữa các bộ phận trong tổ chức. Phương pháp khảo sát thực tế cho phép tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động thực tế của tổ chức để rút ra ưu nhược, điểm của cơ cấu tổ chức và tìm biện pháp khắc phục.

1.4. Cơ cấu tổ chức của Bộ ở nước ta

Ở nước ta, bộ máy nhà nước thực hiện ba loại chức năng lớn: Lập pháp, hành pháp và tư pháp. Cơ cấu bộ máy nhà nước bao gồm ba loại cơ quan nhà nước tương ứng là cơ quan lập pháp, cơ quan hành chính và cơ quan tư pháp.

Cơ quan hành chính nhà nước là loại cơ quan nhà nước thực hiện quyền hành pháp, bao gồm chức năng lập quy và chức năng hành chính. Chính phủ là cơ quan hành chính cao nhất của nước ta thống nhất quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Nhà nước; bảo đảm hiệu lực của bộ máy nhà nước từ trung ương đến cơ sở; bảo đảm việc tôn trọng và chấp hành Hiến pháp và Pháp luật; phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm ổn định và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

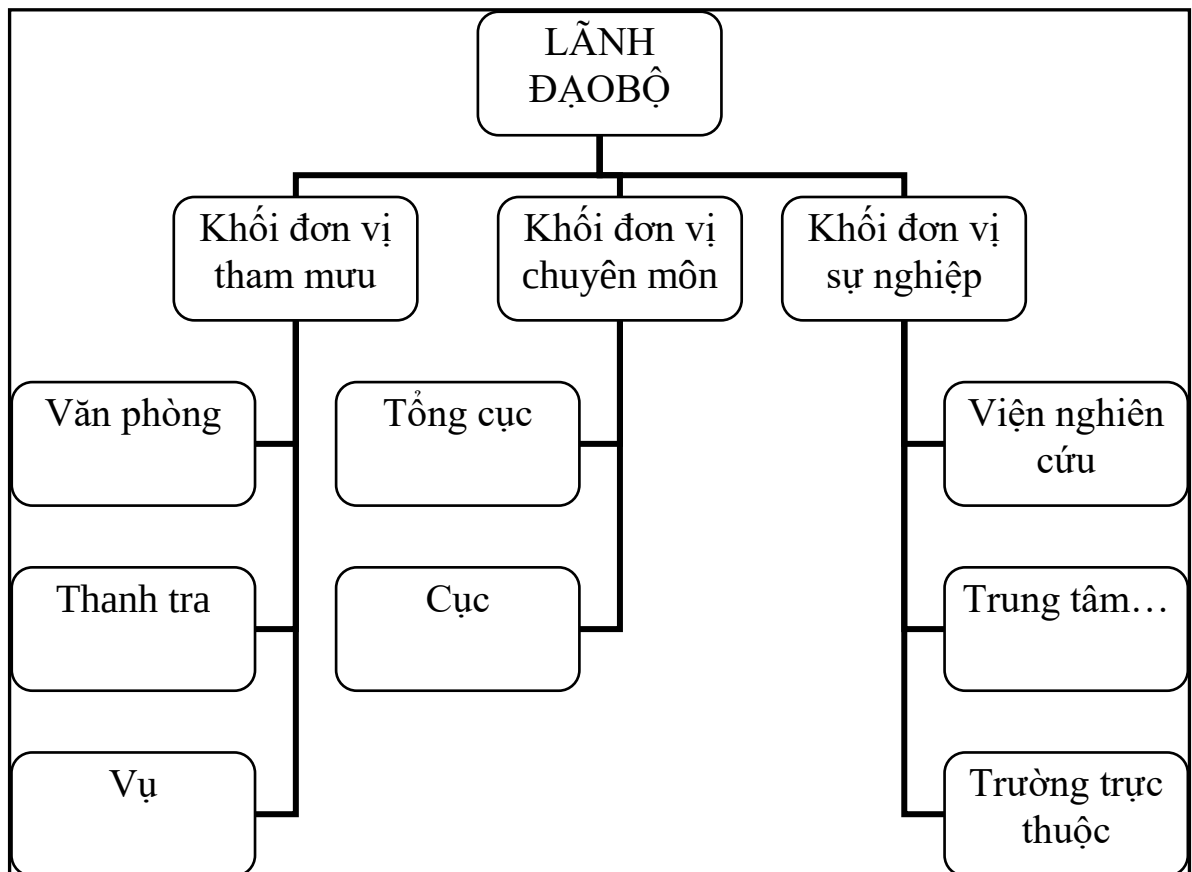
Cơ cấu tổ chức Chính phủ bao gồm các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan thuộc Chính phủ. Điều 39, Luật Tổ chức Chính phủ (Luật số 76/2015/QH13) quy định:

Bộ, cơ quan ngang bộ là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về một hoặc một số ngành, lĩnh vực và dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc.

Trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước, quản lý theo ngành và theo lãnh thổ là hai mặt không tách rời nhau, được kết hợp chặt chẽ với nhau. Hoạt động quản lý theo ngành của cơ quan hành chính nhà nước nhằm đề ra các chủ trương, chính sách, xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển toàn ngành trong phạm vi cả nước. Tổ chức thực hiện việc thống nhất quản lý ngành chính là bộ, cơ quan ngang bộ. Phân loại theo tính chất thẩm quyền, bộ là cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền riêng.

Cơ cấu tổ chức của bộ có đặc điểm chung là được chia thành 3 khối đơn vị (khối đơn vị tham mưu, khối đơn vị chuyên môn, khối đơn vị sự nghiệp), bao gồm Tổng cục, Cục, Vụ, Đơn vị sự nghiệp.... Các đơn vị này lại được tổ chức nhiều bộ phận trực thuộc như các Vụ, Ban (đối với Tổng cục), phòng (đối với Cục, Vụ) và những tên gọi được sử dụng khá phổ biến khác. Mỗi Tổng cục, Cục, Vụ có vị trí, chức năng xác định: Vụ có chức năng là đơn

vị tham mưu, Cục, Tổng cục là đơn vị vừa tham mưu, vừa tổ chức thực thi nhiệm vụ (sau đây gọi là đơn vị chuyên môn); các đơn vị sự nghiệp thực hiện chức năng cung ứng dịch vụ công hoặc đơn vị nghiên cứu khoa học phục vụ công tác quản lý nhà nước... Theo quy định tại Nghị định số 123/2016/NĐ-CP, mô hình tổng quát của bộ, cơ quan ngang bộ như sau:



Sơ đồ 1.1: Cơ cấu tổ chức chung của Bộ

Các đơn vị tham mưu là những tổ chức con trong Bộ thực hiện chức năng tham mưu cho Bộ trưởng (Ban Lãnh đạo Bộ) trên các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ và những vấn đề cần phối hợp liên ngành giữa các Bộ. Các đơn vị này bao gồm các Vụ (Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Kế hoạch – Tài chính, Vụ Hợp tác quốc tế...), Văn phòng, Thanh tra... làm các nhiệm vụ tổng hợp tình hình, đề xuất Bộ trưởng những phương án chỉ đạo toàn ngành hoặc lĩnh vực trên phạm vi cả nước. Xu hướng hiện nay của các nước trên thế giới

là thu gọn các tổ chức Vụ, sắp xếp lại bộ máy rất gọn, nhẹ, tinh giản biên chế, bố trí những cán bộ, công chức có năng lực tổng hợp, nghiên cứu, phân tích, có trình độ nghiệp vụ cao để có thể đề xuất những phương án tốt nhất cho Bộ trưởng.

Các đơn vị chuyên môn là những đơn vị thực hiện đồng thời 2 chức năng tham mưu cho Bộ trưởng và trực tiếp thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với một số lĩnh vực chuyên môn hẹp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ. Trên thực tế, ở phương diện quản lý, các đơn vị chuyên môn không trực tiếp ban hành các văn bản có tính quy phạm. Loại hình tổ chức các đơn vị chuyên môn thường là Tổng cục hoặc Cục.

Khối đơn vị sự nghiệp thuộc bộ: đây là các đơn vị thực hiện chức năng nghiên cứu khoa học phục vụ quản lý nhà nước, cung ứng các dịch vụ công trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ.

Các đơn vị tản quyền của bộ (cơ quan đại diện của bộ ở địa phương và ở nước ngoài): Các cơ quan này có được thành lập hay không tùy thuộc vào cách thức tổ chức hệ thống hành chính nhà nước và quy định của luật pháp. Cơ chế tản quyền của bộ có thể được kết hợp với cơ chế phân quyền, nghĩa là tại địa phương có cả đơn vị tản quyền của bộ và đơn vị tự quản của Chính quyền địa phương. Sự kết hợp này nhằm đảm bảo việc chung được thực thi nghiêm chỉnh và thống nhất, trong khi đó vẫn phải tôn trọng tính địa phương thông qua các đơn vị tự quản. Trong xu thế chung hiện nay, cơ chế tản quyền đã được thay thế bằng phân quyền. Theo cơ chế phân quyền, các bộ không có cơ quan tản quyền ở địa phương mà thay vào đó là cơ chế giám sát việc thực thi chính sách, pháp luật và cơ chế trách nhiệm báo cáo.

Các tổ chức sản xuất, kinh doanh: Đây là những doanh nghiệp nhà nước trực thuộc bộ, không nằm trong cơ cấu đơn vị hành chính của bộ, làm nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh trong phạm vi lĩnh vực thuộc bộ quản lý. Bộ

đóng vai trò là chủ sở hữu ở các doanh nghiệp thuộc bộ. Gần đây, mô hình các doanh nghiệp nhà nước thuộc bộ chuyển đổi sang mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu.

Các đơn vị của bộ có thể được tổ chức dựa trên một số tiêu chí: Mục tiêu; đối tượng tác động; quy trình hoạt động hay mức độ chuyên môn hóa; địa bàn;.... Mỗi cách tổ chức, phân chia đơn vị theo tiêu thức trên đều có những ưu điểm và hạn chế. Ví dụ, Vụ được tổ chức thành các phòng theo kiểu trực tuyến - chức năng hoặc Vụ quản lý trực tiếp chuyên viên theo kiểu trực tuyến: mỗi công chức được phân công công việc theo chuyên môn, trực tiếp báo cáo với lãnh đạo đơn vị (Vụ trưởng). Mỗi loại cơ cấu tổ chức này có ưu nhược điểm khác nhau. Hiện nay ở nước ta vẫn áp dụng song hành 2 cơ cấu trong cùng một bộ (có Vụ có phòng, có Vụ không có phòng). Trong thực tế hoạt động quản lý điều hành của các bộ cũng như lý thuyết tổ chức nói chung, việc tạo ra các đơn vị thuộc bộ (Cục, Vụ, Viện...) dù theo cách phân loại nào thì cũng phải gắn liền hai yếu tố: quyền hạn, trách nhiệm của tổ chức và chỉ huy mang tính trực tiếp, duy nhất. Nếu các yếu tố đó không rõ ràng sẽ không tạo hiệu quả trong hoạt động của các đơn vị.

Trên cơ sở Văn bản quy phạm pháp luật từng thời kỳ, Chính phủ quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Bộ và cơ quan ngang Bộ. Trong nhiệm kỳ Chính phủ khóa XIV, Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định bộ khung cơ cấu tổ chức của Bộ gồm: Văn phòng; Thanh tra; Vụ; Cục; Tổng cục; đơn vị sự nghiệp công lập. Đối với các tổ chức trực thuộc Bộ, Nghị định số 123/2016/NĐ-CP quy định:

- Vụ là tổ chức thuộc Bộ, thực hiện chức năng tham mưu tổng hợp hoặc chuyên sâu về quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực hoặc tham mưu về công tác quản trị nội bộ của Bộ.

- Văn phòng là tổ chức thuộc Bộ, thực hiện chức năng tham mưu tổng hợp về chương trình, kế hoạch công tác và phục vụ các hoạt động của Bộ; giúp Bộ trưởng tổng hợp, theo dõi, đôn đốc các tổ chức, đơn vị thuộc Bộ thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Bộ. Văn phòng thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác hành chính, văn thư, lưu trữ; quản lý cơ sở vật chất - kỹ thuật, tài sản, kinh phí hoạt động, bảo đảm phương tiện, điều kiện làm việc; phục vụ chung cho hoạt động của Bộ và công tác quản trị nội bộ; thực hiện các nhiệm vụ khác do pháp luật quy định hoặc do Bộ trưởng giao.

- Thanh tra là tổ chức thuộc Bộ, thực hiện chức năng giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về công tác thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; tiến hành thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng thuộc ngành, lĩnh vực Bộ quản lý theo quy định của pháp luật.

- Cục là tổ chức thuộc Bộ, thực hiện chức năng tham mưu tổng hợp và giải quyết các vấn đề cụ thể trong một hoặc một số lĩnh vực, giúp Bộ trưởng thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật đối với chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng. Về cơ cấu tổ chức, Cục có Văn phòng, Phòng, Thanh tra, Chi cục (nếu có) và đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có).

- Tổng cục là tổ chức thuộc Bộ, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật đối với chuyên ngành, lĩnh vực lớn, phức tạp trên phạm vi cả nước theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng. Cơ cấu tổ chức của Tổng cục có các Vụ, Văn phòng, Cục, Thanh tra, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ: Việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ hoặc để thực hiện một số dịch vụ công có đặc điểm, tính chất quan trọng cần thiết do Bộ thực hiện. Đơn vị sự nghiệp có các phòng và bộ phận tương đương.

Số lượng các đơn vị trực thuộc của mỗi Bộ không giống nhau. Với mỗi Bộ cụ thể, Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ đó bằng Nghị định riêng. Căn cứ Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ và các quy định hiện hành có liên quan, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành các Quyết định quy định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các tổ chức trực thuộc Bộ.

1.5. Các tiêu chí thành lập cơ cấu tổ chức đơn vị hành chính thuộc Bộ

Căn cứ các quy định tại Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 và Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ thì:

1.5.1. Tiêu chí thành lập đơn vị cấp Vụ

Vụ được thành lập khi đáp ứng đủ các tiêu chí sau:

- Có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của bộ;
- Có phạm vi, đối tượng quản lý theo ngành, lĩnh vực;
- Khối lượng công việc yêu cầu phải bố trí từ 15 biên chế trở lên.

1.5.2. Tiêu chí thành lập đơn vị cấp Cục

Việc thành lập Cục phải đáp ứng đủ các tiêu chí sau:

- Có đối tượng quản lý về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ theo quy định của pháp luật chuyên ngành;
- Được phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng để quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quản lý nhà nước về chuyên ngành, lĩnh vực;
- Khối lượng công việc yêu cầu phải bố trí từ 30 biên chế trở lên.

1.5.3. Tiêu chí thành lập đơn vị cấp Tổng cục

Việc thành lập tổng cục phải đáp ứng đủ các tiêu chí sau:

- Có đối tượng quản lý nhà nước về chuyên ngành, lĩnh vực lớn, phức tạp, quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội;
- Chuyên ngành, lĩnh vực cần quản lý tập trung, thống nhất ở trung ương, trường hợp đặc biệt do Chính phủ xem xét quyết định;
- Được phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng để quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quản lý nhà nước về chuyên ngành, lĩnh vực.

1.6. Kiến toàn cơ cấu tổ chức của Bộ

1.6.1. Mục tiêu và yêu cầu của việc kiện toàn

Mục tiêu cơ bản việc kiện toàn cơ cấu tổ chức của Bộ là xây dựng bộ máy tinh gọn, hợp lý. Mỗi đơn vị trực thuộc Bộ đều có cơ cấu tổ chức gọn nhẹ, chức năng nhiệm vụ và cơ chế hoạt động cũng như cơ chế phối hợp giữa các đơn vị rõ ràng, minh bạch, dễ thực hiện, được xây dựng trên cơ sở có luận cứ khoa học vững chắc, phù hợp với thực tế, đảm bảo cho bộ máy của Bộ hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ mà Chính phủ giao đồng thời đáp ứng yêu cầu của sự phát triển của đất nước trong thời kỳ hội nhập.

Cơ cấu tổ chức bộ máy tinh gọn có nghĩa là số lượng, chất lượng các bộ phận đủ để đảm bảo hoàn thành chức năng, nhiệm vụ của tổ chức, không thừa, không thiếu; chất lượng các bộ phận ở đây bao gồm toàn bộ các yếu tố nhân lực, vật lực, cơ cấu tổ chức, cơ chế hoạt động và phối hợp để đảm bảo các bộ phận này triển khai công việc được phân công đạt hiệu quả nhất.

Yêu cầu của công tác hoàn thiện cơ cấu tổ chức các cơ quan hành chính phải đảm bảo được:

- Sự thống nhất của mệnh lệnh và điều hành của toàn bộ hệ thống hành chính.

- Chuỗi mệnh lệnh (dây chuyền) của mối quan hệ trực tuyến theo chiều dọc, vốn là đặc điểm quan trọng của hệ thống cơ quan thực hiện quyền lực nhà nước;

- Phạm vi quản lý hợp lý;
- Chuyên môn hóa các hoạt động;
- Sự phối hợp hài hòa giữa các bộ phận trong toàn bộ hệ thống hướng tới các mục tiêu đã được xác định;
- Sự cân bằng giữa trách nhiệm và thẩm quyền;
- Cơ hội ủy quyền nhằm phát huy tính sáng tạo và chế độ trách nhiệm;
- Khả năng linh hoạt cao thích nghi với các điều kiện thay đổi;
- Sự phân chia các bộ phận hợp lý;
- Khả năng liên kết cao.

1.6.2. Nguyên tắc của việc kiện toàn

Đối với Bộ và các tổ chức trực thuộc Bộ, việc xây dựng, kiện toàn cơ cấu tổ chức phải bảo đảm tuân thủ các Nghị quyết của Đảng về cải cách hành chính, quy định của Nhà nước về tổ chức bộ máy hành chính và thực hiện nhất quán theo nguyên tắc:

- Bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, tinh gọn, hợp lý;
- Một việc chỉ giao cho một cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện để khắc phục tình trạng bỏ trống hoặc chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các Bộ, ngành;
- Sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức đảm bảo tính thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả của hệ thống hành chính; không giữ các cơ quan thuộc Chính phủ có chức năng quản lý nhà nước mà chuyển chức năng quản lý nhà nước vào các Bộ tương ứng quản lý.

1.6.3. Căn cứ để kiện toàn

Để kiện toàn cơ cấu tổ chức của Bộ cũng như các cơ quan hành chính nói chung phải dựa trên những căn cứ sau:

1.6.3.1. *Luận cứ khoa học*

Việc thiết kế cơ cấu tổ chức phải xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ xác định, đảm bảo chức năng nào có hệ thống tổ chức đó. Tổ chức bộ máy của bộ phải phù hợp với vị trí và chức năng của Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp, đảm bảo mối quan hệ ngang, dọc và sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ tương ứng, mỗi cơ quan đòi hỏi xây dựng một cơ cấu tổ chức phù hợp trên phương diện loại hình tổ chức, tên gọi của tổ chức, số lượng các đầu mối trực thuộc và cơ cấu tổ chức của các đầu mối đó.

1.6.3.2. *Căn cứ pháp lý*

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật là thể hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, thể hiện ý chí của chủ thể quản lý. Đối với việc xây dựng cơ cấu tổ chức cơ quan hành chính nhà nước, bắt buộc phải tuân theo quy định của pháp luật. Hiện nay, một số văn bản cần tuân thủ trong quá trình thiết kế tổ chức bộ máy hành chính cấp bộ là Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 (sửa đổi năm 2013), Luật Tổ chức chính phủ năm 2015, Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ, Nghị định số 101/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016, Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập... Về chức năng, nhiệm vụ có các Nghị định quy định chi tiết chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng Bộ cụ thể, các Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng phê duyệt các Chiến lược, Quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trong từng thời kỳ...

Những văn bản quy phạm trên tạo ra khung tổ chức cơ bản của cơ quan hành chính nhà nước, đồng thời quy định địa vị pháp lý, nhiệm vụ và quyền hạn của người đứng đầu tổ chức. Trong quá trình xây dựng tổ chức cũng cần phải có nghiên cứu, đánh giá những mô hình khung theo quy định của các Văn bản quy phạm để kiến nghị sửa đổi Văn bản cho phù hợp với sự phát triển của thực tiễn.

1.6.3.3. Căn cứ thực tiễn

Trên cơ sở rà soát, phân tích thực trạng cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, kết quả hoạt động của Bộ và các đơn vị hành chính trực thuộc để rút ra những hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế và tìm giải pháp kiến toàn.

1.6.3.4. Ứng dụng sự phát triển của khoa học công nghệ

Ngày nay, khoa học công nghệ phát triển như vũ bão, đặc biệt là công nghệ thông tin và tự động hóa. Thực tế đang diễn ra việc ứng dụng tiên bộ của công nghệ thông tin trong việc tạo ra một hệ thống tương tác người - máy, đó là Chính phủ điện tử với những tính năng, hiệu quả vượt trội trong xử lý công việc. Xây dựng Chính phủ điện tử là xu thế chung của các nước phát triển và đang phát triển trên thế giới. Nước ta đang trong quá trình hội nhập, vì vậy, vấn đề Chính phủ điện tử phải được coi là một giải pháp quan trọng và hữu hiệu trong cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2020-2025. Việc xây dựng cơ cấu tổ chức của Bộ cũng như các cơ quan hành chính khác phải được tính toán phù hợp với việc triển khai Chính phủ điện tử trong tương lai.

1.6.4. Quy trình thực hiện

Việc kiến toàn cơ cấu tổ chức của bộ thực chất là việc nghiên cứu những yếu tố bên trong, các yếu tố bên ngoài tác động tới tổ chức để thiết kế lại vị trí, cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ nhằm đạt được cơ cấu tổ chức ổn định trong trạng thái mới với khả năng hoạt động hiệu quả hơn.

Nội dung của việc kiện toàn cơ cấu tổ chức của bộ hoặc đơn vị trực thuộc thường bao gồm một số công việc sau:

* Phân tích kết quả hoạt động của bộ trong một số năm gần đây; thực trạng cơ cấu tổ chức hiện hành của bộ và các tổ chức bên trong của bộ để rút ra vấn đề cần xem xét, kiện toàn. Ở bước này, các vấn đề liên quan đến công tác tổ chức bộ máy cần quan tâm xem xét là:

- Tên gọi, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của bộ;
- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức các đơn vị trực thuộc;

* Phân tích những chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ và hệ thống văn bản pháp lý liên quan;

* Đề xuất giải pháp kiện toàn cơ cấu tổ chức;

* Lập hồ sơ theo quy định (Đề án, Tờ trình...) để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt việc kiện toàn cơ cấu tổ chức;

* Tổ chức thực hiện Quyết định của cấp có thẩm quyền.

1.7. Bài học kinh nghiệm

1.7.1. Kết quả kiện toàn cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội các giai đoạn trước

Giai đoạn 2015-2020, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các đơn vị theo chủ trương của Đảng và Chính phủ trong cả nhiệm kỳ và theo tinh thần các Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 Khoá XII. Kết quả việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của Bộ đã cơ bản đảm bảo chức năng, nhiệm vụ của Bộ rõ ràng, chức năng, nhiệm vụ các đơn vị quản lý nhà nước đảm bảo bao quát, không bỏ sót nhiệm vụ của Bộ, không chồng chéo giữa các đơn vị thuộc Bộ; cơ cấu tổ chức các đơn vị hành chính gọn nhẹ, phù hợp quan điểm

của Đảng, quy định của Nhà nước về tinh gọn bộ máy, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đặt ra, cụ thể:

- Thời điểm 31/12/2016, cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được quy định tại Nghị định số 106/2012/NĐ-CP, trong đó có 17 đơn vị hành chính, gồm: 7 Vụ, 7 Cục, 01 Tổng cục, Thanh tra, Văn phòng Bộ. Cơ cấu tổ chức bên trong các đơn vị hành chính như sau:

- + Vụ Lao động – Tiền lương: 3 phòng;
- + Vụ Hợp tác quốc tế: 4 phòng;
- + Vụ Kế hoạch – Tài chính: 4 phòng;
- + Vụ Pháp chế: 4 phòng;
- + Vụ Tổ chức cán bộ: 3 phòng;
- + Vụ Bảo hiểm xã hội, Vụ Bình đẳng giới không tổ chức phòng trực thuộc;
- + Thanh tra Bộ: 7 phòng;
- + Văn phòng Bộ: 10 phòng;
- + Cục Quản lý lao động ngoài nước: 9 phòng;
- + Cục An toàn lao động: 6 phòng;
- + Cục Người có công: 8 phòng;
- + Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội: 6 phòng;
- + Cục Việc làm: 6 phòng;
- + Cục Bảo trợ xã hội: 6 phòng;
- + Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em (Nghị định 14/2017/NĐ-CP đổi tên thành Cục Trẻ em): 6 phòng;
- + Tổng cục Dạy nghề (Nghị định 14/2017/NĐ-CP đổi tên thành Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp): 01 Văn phòng, 9 Vụ, 01 Cục.

- Thời điểm 31/12/2019, cơ cấu tổ chức các đơn vị hành chính thuộc Bộ được quy định tại Nghị định số 14/2017/NĐ-CP, bao gồm 17 đơn vị: 6 Vụ, Văn phòng, Thanh tra, 8 Cục (chuyển đổi Vụ Lao động – Tiền lương và

Trung tâm Hỗ trợ phát triển quan hệ lao động thành Cục Quan hệ Lao động và Tiền lương) và 01 Tổng cục. Cơ cấu tổ chức bên trong các đơn vị như sau:

+ Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Pháp chế, Vụ Tổ chức cán bộ: đã giải thể các phòng trực thuộc (10 phòng);

+ Vụ Bảo hiểm xã hội, Vụ Bình đẳng giới không tổ chức phòng trực thuộc;

+ Vụ Kế hoạch – Tài chính: 4 phòng;

+ Thanh tra Bộ: 7 phòng;

+ Văn phòng Bộ: 11 phòng;

+ Cục Quản lý lao động ngoài nước: 7 phòng (giảm 2 phòng);

+ Cục An toàn lao động: 6 phòng;

+ Cục Người có công: 7 phòng (giảm 01 phòng);

+ Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội: 5 phòng (giảm 01 phòng);

+ Cục Việc làm: 6 phòng;

+ Cục Quan hệ lao động và Tiền lương: 4 phòng;

+ Cục Bảo trợ xã hội: 6 phòng;

+ Cục Trẻ em: 5 phòng (giảm 01 phòng);

+ Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp): 01 Văn phòng, 9 Vụ, 01 Cục.

- Thực hiện chủ trương kiện toàn, tinh gọn bộ máy, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã ban hành Kế hoạch theo Quyết định số 1155/QĐ-LĐTBXH ngày 05/9/2018 thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kế hoạch số 07-KH/TW của Trung ương, Nghị quyết số 56/2017/QH14 của Quốc hội, Nghị quyết số 08-NQ/CP, Nghị quyết số 10/NQ-CP của Chính phủ và Chương trình hành động số 400-CTr/BCSD ngày 29/3/2018 của Ban cán sự đảng. Kết quả, từ 31/12/2016 đến 31/12/2019 đã giảm được 15 phòng ở một số đơn vị hành chính trực thuộc (5 phòng thuộc Cục, 10 phòng thuộc Vụ).

1.7.2. Kết quả kiện toàn cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương giai đoạn 2016-2020

Triển khai Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý nâng cao chất lượng hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, Bộ Công Thương đã bố trí, sắp xếp, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại một số cơ quan cơ bản phù hợp với trình độ chuyên môn, qua đó phát huy được năng lực, sở trường, nâng cao chất lượng hiệu quả công tác. Cụ thể, sau 6 tháng triển khai thực hiện, Bộ đã sắp xếp thu gọn đầu mối các đơn vị hành chính thuộc bộ (giảm 5 đầu mối, giảm 72 phòng), tổ chức bộ máy hành chính của bộ được kiện toàn theo hướng gọn nhẹ hơn, khắc phục tình trạng trùng lặp, chồng chéo chức năng nhiệm vụ giữa các đơn vị trực thuộc, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh...

Hiện nay, Bộ Công Thương đang tiếp tục rà soát để cắt giảm thêm 2 phòng chức năng của Thanh tra Bộ Công Thương; thực hiện chấm dứt việc sử dụng lao động hợp đồng để làm công việc chuyên môn có tính chất thường xuyên trong cơ quan hành chính; không thành lập mới các tổ chức, các ban quản lý dự án, ban chỉ đạo, tổ chức phối hợp liên ngành, nhất là các tổ chức có bộ phận giúp việc chuyên trách; thực hiện nghiêm việc tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức... phấn đấu đến năm 2021 tinh giản 10% số lượng biên chế so với thời điểm năm 2015.

1.7.3. Bài học kinh nghiệm đối với kiện toàn cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội giai đoạn 2020-2025

Trong nhiều nhiệm kỳ Chính phủ gần đây, chức năng, nhiệm vụ của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thường xuyên được giao bổ sung để đáp ứng yêu cầu hoạt động quản lý nhà nước, yêu cầu thực tiễn trong quá trình

phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước. Chấp hành nghiêm chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đảm bảo quản lý nhà nước hiệu lực, hiệu quả, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã thực hiện rà soát, kiện toàn, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức các đơn vị trực thuộc Bộ.

Về cơ bản, công tác kiện toàn, sắp xếp lại tổ chức bộ máy có nhiều thuận lợi do sự đoàn kết, thống nhất trong Ban cán sự Đảng, các cấp uỷ đảng, Lãnh đạo Bộ, Lãnh đạo các đơn vị và ý thức chấp hành của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức của Bộ. Tuy nhiên, trong quá trình kiện toàn tổ chức, có một số vấn đề nảy sinh cần phải được nghiên cứu, xử lý đảm bảo cơ sở lý luận và thực tiễn:

- Mâu thuẫn giữa mục tiêu cắt giảm tổ chức hành chính với mục tiêu duy trì cơ cấu tổ chức hành chính hợp lý, đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Hệ thống tiêu chí, điều kiện, quy trình thành lập tổ chức hành chính chưa được thay đổi kịp thời hoặc chưa được ban hành đầy đủ, khó khăn trong việc sắp xếp đảm bảo khoa học, thống nhất.

- Việc giảm đầu mối tổ chức hành chính dẫn đến việc kiện toàn, sắp xếp lại đội ngũ lãnh đạo, quản lý, do đó, ảnh hưởng đến tâm tư một số công chức lãnh đạo, quản lý.

Từ những kết quả đạt được, trong quá trình thực hiện kiện toàn cơ cấu tổ chức, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và của Bộ Công Thương có thể rút ra những bài học kinh nghiệm sau:

Một là, làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về đổi mới, sắp xếp tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế; tăng cường tuyên truyền, vận động, thuyết phục, tạo sự thống nhất và đồng thuận khi tổ chức thực hiện.

Hai là, đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị các cấp phải xuất phát từ thực tiễn, có kế hoạch và lộ trình cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế mỗi đơn vị. Trong thực hiện chú ý những yêu cầu về nhiệm vụ chính trị, đảm bảo tính ổn định tương đối, tích cực, tránh chủ quan, nóng vội, cần nhanh chóng thay đổi nếp nghĩ, cách làm không còn phù hợp.

Ba là, phải bố trí đủ nguồn lực cần thiết và có cơ chế, chính sách phù hợp với những người chịu tác động trực tiếp trong quá trình sắp xếp.

Bốn là, phải có quyết tâm chính trị cao, xác định rõ vai trò, trách nhiệm tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu. Người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị phải trực tiếp chỉ đạo và thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai và tổ chức thực hiện tại đơn vị, địa phương; bên cạnh đó phải phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của tập thể và cá nhân.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

2.1. Giới thiệu về Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

Ngày 16 tháng 2 năm 1987, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được thành lập trên cơ sở hợp nhất hai Bộ: Bộ Lao động và Bộ Thương binh – Xã hội - theo Quyết định số 782/HĐNN của Hội đồng Nhà nước. Tên gọi Lao động - Thương binh và Xã hội được sử dụng từ đó cho đến nay.

Lịch sử phát triển của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội là kết quả của quá trình xây dựng, tiếp thu, kế thừa và phát triển chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của 7 Bộ và cơ quan theo từng giai đoạn cụ thể, bao gồm: Bộ Lao động, Bộ Cứu tế xã hội, Bộ Xã hội, Bộ Thương binh - Cựu binh, Bộ Nội vụ, Bộ Thương binh và Xã hội và Ủy ban Điều tra tội ác chiến tranh.

2.1.1. Giai đoạn 1945 - 1975

Ngay sau Cách mạng tháng Tám, công tác lao động - thương binh và xã hội được coi trọng và được giao cho những Bộ thành lập đầu tiên trong chính quyền cách mạng non trẻ đảm nhận, đó là 5 Bộ và một cơ quan: Bộ Lao động, Bộ Cứu tế xã hội, Bộ Xã hội, Bộ Thương binh - Cựu binh, Bộ Nội vụ và Ủy ban điều tra tội ác chiến tranh.

2.1.2. Giai đoạn 1976-1985

Giai đoạn này, hai Bộ và một cơ quan đảm nhận nhiệm vụ lao động – thương binh và xã hội: Bộ Lao động, Bộ Thương binh và Xã hội, Ủy ban Điều tra tội ác chiến tranh xâm lược.

2.1.3. Giai đoạn 1986 đến nay

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI về đổi mới cơ chế quản lý, tinh giản và nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước, ngày 16/2/1987,

Hội đồng Nhà nước đã ra Quyết định số 782/HĐNN hợp nhất hai Bộ Lao động, Bộ Thương binh và Xã hội thành Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Kể từ khi thực hiện hợp nhất đến nay, bộ máy của Bộ, của ngành ngày càng được hoàn thiện, đã hình thành hệ thống từ Trung ương đến các cấp chính quyền địa phương và cơ sở. Đội ngũ cán bộ của ngành được kiện toàn, năng lực, trình độ có sự chuyển biến rõ nét đáp ứng các nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước giao cho.

Trong hơn 30 năm qua, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã nhiều lần kiện toàn sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, đến nay chức năng, nhiệm vụ của bộ, ngành được xác định đầy đủ hơn, hoàn thiện hơn, đã kế thừa và phát triển những nhiệm vụ chủ yếu của 7 Bộ và cơ quan trước đây.

2.2. Vị trí pháp lý, chức năng nhiệm vụ của Bộ

2.2.1. Vị trí pháp lý

“Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: Lao động, tiền lương; việc làm; giáo dục nghề nghiệp; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bảo trợ xã hội; trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội (sau đây gọi chung là lĩnh vực lao động, người có công và xã hội) trong phạm vi cả nước; quản lý nhà nước các dịch vụ sự nghiệp công trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ” (7, tr 1).

2.2.2. Chức năng, nhiệm vụ của Bộ và các đơn vị hành chính trực thuộc

Nhiệm vụ, quyền hạn: Bộ có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể theo quy định tại Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017, bao gồm các nhiệm vụ chủ yếu là trình Chính phủ các dự án luật, pháp lệnh; trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm năm, hàng năm, các chương trình mục tiêu quốc gia, các công trình, dự án quan trọng về lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của

Bộ; ban hành các thông tư; chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ. Nghị định số 14/2017/NĐ-CP đã quy định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, không có chồng chéo với các Bộ, ngành khác.

Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị quản lý nhà nước thuộc Bộ được quy định cụ thể, đảm bảo bao quát được chức năng, nhiệm vụ về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội. Về cơ bản, không có sự chồng chéo, giao thoa nhiệm vụ giữa các đơn vị hành chính của Bộ.

2.3. Cơ cấu tổ chức của Bộ và các đơn vị hành chính

2.3.1. Cơ cấu tổ chức của Bộ

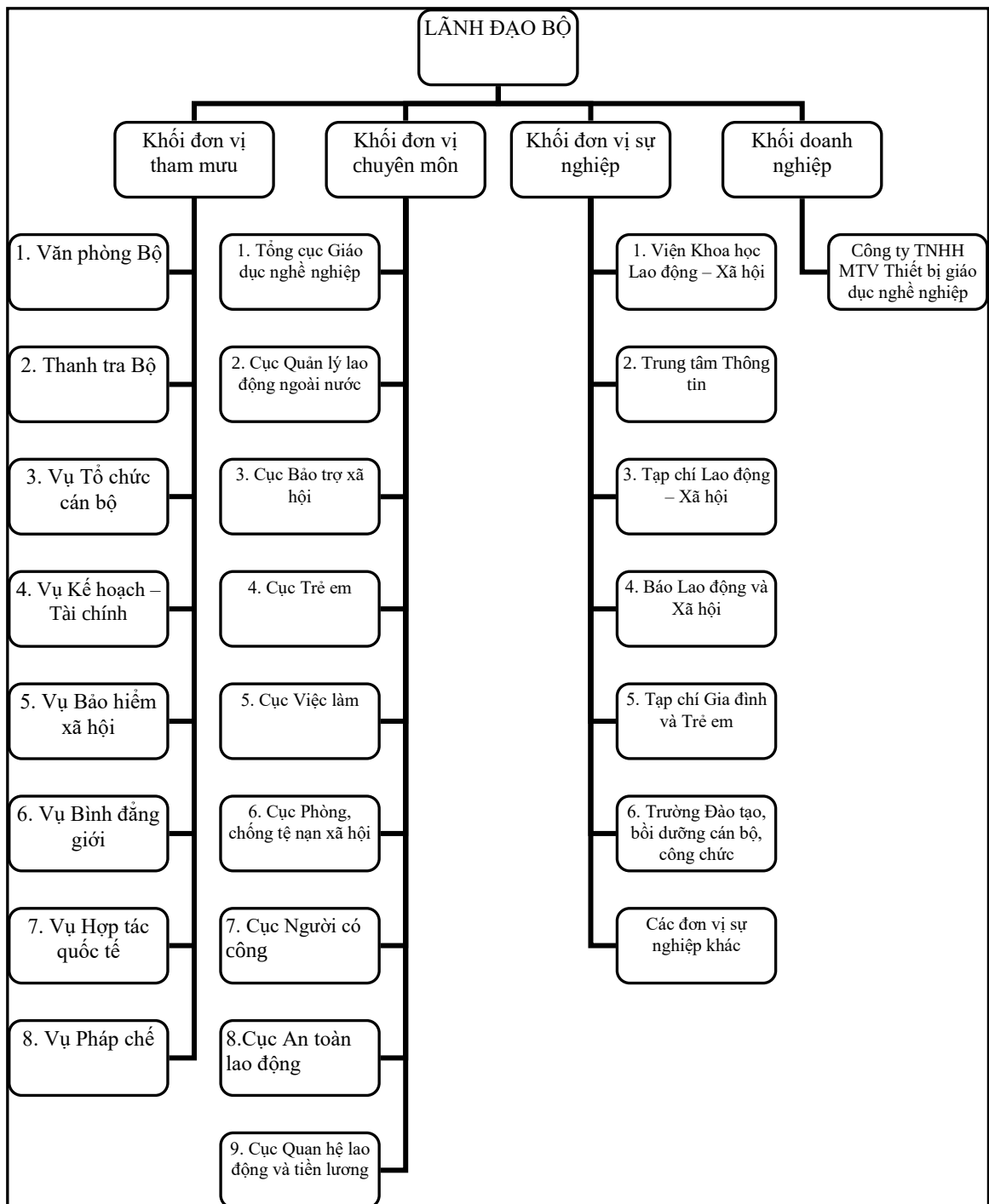
Hiện nay, cơ cấu tổ chức Bộ có thể chia làm 4 khối:

- Khối đơn vị tham mưu: Văn phòng, Thanh tra và 06 Vụ là các đơn vị hành chính thực hiện nhiệm vụ tham mưu cho Bộ trưởng về công tác quản trị nội bộ, quản lý nhà nước về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội

- Khối đơn vị chuyên môn: 01 Tổng cục và 08 Cục là đơn vị hành chính vừa thực thi nhiệm vụ chuyên môn vừa tham mưu cho Bộ trưởng trong các lĩnh vực cụ thể của bộ.

- Khối đơn vị sự nghiệp: Bộ có 44 đơn vị sự nghiệp, trong đó có 04 trường đại học, 03 trường cao đẳng, 04 bệnh viện, 01 đơn vị sự nghiệp chính hình và phục hồi chức năng, 07 đơn vị chăm sóc, điều dưỡng người có công; 03 trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn; 05 đơn vị sự nghiệp bảo trợ xã hội, số còn lại là các đơn vị sự nghiệp khác.

- Khối doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thiết bị giáo dục nghề nghiệp.



Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức hiện nay của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Trong sơ đồ cơ cấu tổ chức trên, đặc điểm chính của các tổ chức trên là:

- Các Vụ không có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, không có đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

- Các Cục, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng, có đơn vị sự nghiệp trực thuộc; cơ cấu tổ chức của Cục có các phòng; cơ cấu tổ chức của Tổng cục có các Vụ, Văn phòng Tổng cục.

- Vai trò và mối quan hệ giữa Cục, Tổng cục với Vụ và tương đương Vụ (Văn phòng, Thanh tra) là bình đẳng, không có sự phân biệt tổ chức cấp trên hay tổ chức cấp dưới (theo chiều ngang). Quan hệ giữa các đơn vị quản lý nhà nước là quan hệ phối hợp để thực hiện nhiệm vụ. Sự chi phối, tác động lẫn nhau trong thực thi công vụ chủ yếu dựa vào chức năng, nhiệm vụ được Bộ phân công. Thông thường, đơn vị được Bộ giao đảm nhận chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực nào thì giữ vai trò chủ trì trong lĩnh vực đó, các đơn vị khác giữ vai trò phối hợp. Trong trường hợp cụ thể, Lãnh đạo Bộ có thể phân công cụ thể đơn vị chủ trì và đơn vị phối hợp thực hiện nhiệm vụ. Theo chiều dọc, các Vụ, Cục, Tổng cục chịu sự chỉ đạo trực tiếp của một Lãnh đạo Bộ (Thứ trưởng hoặc Bộ trưởng). Hiện nay, Bộ có 05 Lãnh đạo Bộ (Bộ trưởng và 04 Thứ trưởng). Theo phân công của Bộ trưởng, mỗi Thứ trưởng sẽ phụ trách công tác đối với một số đơn vị thuộc Bộ. Quan hệ giữa các Thứ trưởng cũng là quan hệ phối hợp.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp, một số đơn vị thuộc quyền điều hành, quản lý trực tiếp của Bộ, một số khác Bộ giao quyền điều hành, quản lý trực tiếp cho Tổng cục và Cục. Tuy nhiên, các đơn vị sự nghiệp thường chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về nghiệp vụ chuyên môn của các đơn vị quản lý nhà nước trong một số lĩnh vực như tổ chức cán bộ, tài chính, hợp tác quốc tế, người có công, bảo trợ xã hội, giáo dục nghề nghiệp... Như vậy, đơn vị sự nghiệp có thể chịu sự chi phối của đơn vị quản lý nhà nước về chuyên môn hoặc về quản lý, điều hành.

Trong phạm vi nghiên cứu của luận văn, tác giả chỉ nghiên cứu cơ cấu tổ chức của khối đơn vị tham mưu và khối đơn vị chuyên môn.

2.3.2. Cơ cấu tổ chức của các đơn vị hành chính

2.3.2.1. Cơ cấu tổ chức của Thanh tra Bộ

- Thanh tra Bộ thực hiện chức năng, nhiệm vụ quy định tại Quyết định số 916/QĐ-LĐTBXH ngày 20/6/2017. Theo đó, Thanh tra Bộ có chức năng giúp Bộ trưởng thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thanh tra; tiến hành thanh tra chuyên ngành đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; tiến hành thanh tra hành chính đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ; phòng, chống tham nhũng; tiếp công dân, xử lý đơn, thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

- Cơ cấu tổ chức của Thanh tra Bộ gồm 07 phòng nghiệp vụ với: (1) Phòng Tổng hợp và giám sát thanh tra, (2) Phòng Thanh tra Chính sách người có công, (3) Phòng Thanh tra Chính sách lao động, (4) Phòng Thanh tra An toàn, vệ sinh lao động, (5) Phòng Thanh tra Chính sách về trẻ em và xã hội, (6) Phòng Thanh tra Chính sách bảo hiểm xã hội, (7) Phòng Tiếp dân, thanh tra hành chính và xử lý sau thanh tra.

- Kết quả hoạt động giai đoạn 2016-2020, Thanh tra Bộ đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu Bộ trưởng Lao động - Thương binh và Xã hội trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

- Về biên chế, năm 2020, Thanh tra Bộ được giao 53 biên chế, bình quân 8 người/phòng, đáp ứng yêu cầu tối thiểu về số lượng biên chế cấp phòng của đơn vị hành chính theo quy định tại Nghị định số 101/2020/NĐ-CP.

Như vậy, qua rà soát cơ cấu tổ chức của Thanh tra Bộ vẫn phù hợp, thuận lợi cho đơn vị tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. Số lượng Phòng của Thanh tra Bộ phù hợp với quy định tại Điều 3, Nghị định số 14/2017/NĐ-CP “Thanh tra Bộ có 07 phòng”.

2.3.2.2. Cơ cấu tổ chức của Vụ Bảo hiểm xã hội

Vụ Bảo hiểm xã hội thực hiện chức năng, nhiệm vụ quy định tại Quyết định số 1188/QĐ-LĐTBXH. Theo đó, Vụ có trách nhiệm giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội (bao gồm bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện và các loại hình bảo hiểm xã hội khác) trong phạm vi cả nước theo quy định của pháp luật.

Cơ cấu tổ chức: Vụ Bảo hiểm xã hội không thành lập Phòng. được giao 15 biên chế công chức, trong đó có Vụ trưởng, 02 Phó Vụ trưởng và một số công chức.

Hệ thống chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội không ngừng được hoàn thiện; đặc biệt, Vụ Bảo hiểm xã hội đã tham mưu Bộ trình Hội nghị Trung ương 7 khóa XII ban hành Nghị quyết số 28-NQ/TW về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội; tổng kết, đánh giá, nghiên cứu, xây dựng Đề án cải cách chính sách tiền lương khu vực sản xuất, kinh doanh, trình ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW; công tác tuyên truyền và thực hiện các giải pháp phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được đẩy mạnh. Tính đến cuối tháng 6/2020 có 15,17 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội, chiếm 31,7% lực lượng lao động trong độ tuổi; 12,773 triệu người tham gia bảo hiểm thất nghiệp. Hệ thống bảo hiểm xã hội từng bước được xây dựng hiện đại, chuyên nghiệp, hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

Qua rà soát cơ cấu tổ chức của Vụ Bảo hiểm xã hội vẫn phù hợp, thuận lợi cho đơn vị tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao

2.3.2.3. Cơ cấu tổ chức của Vụ Hợp tác quốc tế

Vụ Hợp tác quốc tế là đơn vị thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, có trách nhiệm giúp Bộ trưởng thực hiện, quản lý thống nhất về hợp tác

quốc tế và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội theo quy định của pháp luật.

Theo Quyết định số 1456/QĐ-LĐTBXH ngày 14/9/2017, Vụ Hợp tác quốc tế được giao thực hiện 07 nhiệm vụ trọng tâm, trong thời gian qua Vụ đã cơ bản hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu Bộ trưởng trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành cụ thể như sau:

- Chủ động, tích cực thực hiện các hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế theo Chương trình đối ngoại của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Chương trình hành động của Chính phủ. Chủ động xây dựng kế hoạch các hoạt động đối ngoại theo hằng năm. Các hoạt động đối ngoại góp phần quan trọng thúc đẩy hợp tác quốc tế và hội nhập quốc tế của Bộ, ngành.

- Tăng cường hợp tác song phương với hơn 100 quốc gia và vùng lãnh thổ qua nhiều hình thức khác nhau; tham gia hoạt động của các Ủy ban liên Chính phủ/Ủy ban hỗn hợp/Ủy ban hợp tác song phương giữa Việt Nam và các nước (20 Ủy ban), góp phần thúc đẩy hợp tác song phương của Việt Nam với các đối tác.

- Tiếp tục hợp tác với các tổ chức Liên hợp quốc và các định chế tài chính; tham gia tích cực trong các khuôn khổ hợp tác đa phương như APEC, ASEM, OECD, Diễn đàn Hợp tác Phát triển châu Á (ACD) về Giảm nghèo và đào tạo nghề, Tiến trình Cô-lôm-bô và Đối thoại A-bu Đa-bi. Duy trì và thúc đẩy quan hệ hợp tác với khoảng hơn 40 tổ chức phi chính phủ nước ngoài của Hoa Kỳ, Úc, Đức, Thụy Sĩ, Hà Lan, Na Uy, Anh... trong các lĩnh vực hỗ trợ người khuyết tật, bảo vệ, chăm sóc trẻ em, công tác xã hội, an sinh xã hội, phòng, chống tệ nạn xã hội, bình đẳng giới, khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh.

- Thực hiện tốt vai trò đầu mối triển khai các hoạt động của Cộng đồng Văn hóa xã hội ASEAN, đầu mối về lao động, phúc lợi xã hội, phụ nữ, trẻ em trong hợp tác ASEAN.

- Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII, Bộ đã giải thể 04 phòng của Vụ Hợp tác quốc tế theo Quyết định số 210/QĐ-LĐTBXH ngày 25/02/2019. Hiện tại, Vụ Hợp tác quốc tế được giao 19 chỉ tiêu biên chế công chức, thực hiện cơ chế chuyên viên, lãnh đạo Vụ chỉ đạo trực tiếp.

Như vậy, qua rà soát cơ cấu tổ chức của Vụ Hợp tác quốc tế vẫn phù hợp, thuận lợi cho đơn vị tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao

2.3.2.4. Cơ cấu tổ chức của Cục Việc làm

Cục Việc làm thực hiện chức năng nhiệm vụ tại Quyết định số 996/QĐ-LĐTBXH ngày 27/6/2017. Theo đó, thực hiện quản lý nhà nước về việc làm; hỗ trợ tạo việc làm; thông tin thị trường lao động; tổ chức và hoạt động dịch vụ việc làm; bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

Cơ cấu tổ chức: Cơ cấu tổ chức của Cục Việc làm cơ bản vẫn phù hợp, hiện có 01 Cục trưởng, 02 Phó Cục trưởng và 06 Phòng chức năng: (1) Văn phòng, (2) Phòng Kế hoạch – Tài chính. (3) Phòng Chính sách Việc làm, (4) Phòng Thị trường lao động, (5) Phòng Bảo hiểm thất nghiệp, (6) Phòng Quản lý lao động và 01 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Cục là Trung tâm Quốc gia về dịch vụ việc làm.

Trong giai đoạn 2016 – 2020, Cục đã thực hiện đồng bộ Dự án phát triển thị trường lao động và việc làm và các chính sách, chương trình, đề án về giải quyết việc làm. Tăng cường hỗ trợ giải quyết việc làm cho người lao động thông qua Quỹ quốc gia về việc làm. Theo dõi, cập nhật thông tin và báo cáo về diễn biến thị trường lao động, nhất là trong các khu công nghiệp, khu chế xuất để kịp thời có phương án hỗ trợ doanh nghiệp khắc phục tình trạng

thiếu hụt lao động. Nghiên cứu phương án triển khai thực hiện giao dịch điện tử trong khai trình lao động đối với doanh nghiệp, đơn vị.

Hệ thống trung tâm dịch vụ việc làm tiếp tục được đầu tư nhằm tăng cường kết nối cung - cầu lao động, rút ngắn thời gian tìm việc làm của người lao động, thời gian tuyển dụng của người sử dụng lao động, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động. Đẩy mạnh xã hội hóa, phát triển mạng lưới các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ việc làm. Giai đoạn 2015- 2020, các trung tâm dịch vụ việc làm đã tổ chức gần 6 nghìn phiên giao dịch việc làm, số lượt lao động nhận được việc làm trực tiếp do trung tâm giới thiệu và cung ứng gần 5 triệu lượt người. Bình quân số lao động được tư vấn hàng năm 2,98 triệu lượt lao động. Tính đến hết năm 2019, số người được tư vấn, giới thiệu việc làm chiếm 48% số lượt lao động được tư vấn và khoảng 68,5% trong số đó có kết nối việc làm thành công.

Kết quả, ước 5 năm (2016-2021) cả nước giải quyết việc làm khoảng 7,854 nghìn người, đạt mục tiêu đề ra; trong đó: (i) Giải quyết việc làm trong nước khoảng 7.234 nghìn người; (ii) đưa khoảng 620 nghìn lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (*vượt chỉ tiêu 24%, về đích kế hoạch 5 năm trước 1 năm*). Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị tính chung cả năm 2020 dự kiến trên 4%.

2.3.2.5. Cơ cấu tổ chức của Cục An toàn lao động

Cục An toàn lao động là đơn vị thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, có trách nhiệm giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động trong phạm vi cả nước theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/7/2017 Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Theo Quyết định số 1128/QĐ-LĐTBXH quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục An toàn lao động, trong đó quy định

Cục An toàn lao động có 06 phòng chuyên môn nghiệp vụ và 01 đơn vị sự nghiệp công lập, gồm có:

- Phòng Chính sách bảo hộ lao động;
- Phòng Quy chuẩn và kiểm định kỹ thuật an toàn lao động;
- Phòng Huấn luyện – Thông tin ATVSLĐ;
- Phòng Pháp chế - Thanh tra;
- Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- Văn phòng;
- Trung tâm Huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động (đơn vị sự nghiệp).

Về cơ bản, cơ cấu tổ chức của Cục vẫn phù hợp, thuận lợi cho tổ chức thực thi nhiệm vụ.

Theo Quyết định số 1128/QĐ-LĐTBXH ngày 14/7/2017, Cục An toàn lao động được giao thực hiện 16 nhiệm vụ. Giai đoạn 2017 đến nay, Cục An toàn lao động đã cơ bản hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao: Tham mưu Bộ trưởng ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách về an toàn, vệ sinh lao động, đặc biệt là triển khai Luật An toàn, vệ sinh lao động 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật khác; xây dựng cơ chế thúc đẩy xã hội hóa các dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động; tăng cường cơ chế đối thoại; mở rộng phạm vi điều chỉnh và triển khai hỗ trợ phát triển an toàn, vệ sinh lao động đến khu vực không có quan hệ lao động.... Công tác quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động ngày càng đi vào nề nếp. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về an toàn, vệ sinh lao động; tập trung vào các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và người lao động làm việc trong môi trường, điều kiện có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

2.3.2.6. Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội

Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội là đơn vị thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có trách nhiệm giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý

nhà nước về phòng, chống tệ nạn mại dâm, cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán và phòng, chống HIV/AIDS thuộc phạm vi trách nhiệm của Bộ theo quy định của pháp luật.

- Hiện nay cơ cấu tổ chức của Cục gồm: Cục trưởng; Phó cục trưởng; 5 Phòng trực thuộc Cục gồm: Phòng Chính sách Phòng chống ma túy; Phòng Chính sách phòng chống mại dâm; Phòng chính sách hỗ trợ nạn nhân và tuyên truyền; Phòng Kế hoạch - Tài chính; Văn phòng Cục.

Theo Quyết định số 789/QĐ-LĐTBXH ngày 14/5/2017, Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội được giao thực hiện 12 nhiệm vụ, trong thời gian qua Cục đã cơ bản hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao:

- Xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu Bộ trưởng trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hệ thống chính sách, pháp luật về cai nghiện ma túy, phòng, chống tệ nạn mại dâm; các chương trình, đề án, Dự án phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ người cai nghiện ma túy, mại dâm và nạn nhân bị mua bán;

- Các biện pháp và hình thức cai nghiện, các biện pháp can thiệp giảm hại, biện pháp quản lý sau cai với từng nhóm đối tượng khác nhau cũng được chính thức hóa; các quy định pháp luật về cai nghiện ma túy đã tác động tích cực, thúc đẩy trách nhiệm ở cả Trung ương và địa phương cũng như trách nhiệm xã hội của các chủ thể khác nhau giúp nâng cao hiệu quả của công tác cai nghiện ma túy.

- Các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức trách nhiệm phòng, chống mại dâm đã được triển khai sâu rộng với nhiều hình thức và nội dung phong phú; thí điểm mô hình nhằm triển khai các hoạt động can thiệp giảm tác hại, dự phòng lây nhiễm các bệnh xã hội và HIV/AIDS, phòng ngừa, giảm tình trạng bạo lực trên cơ sở giới trong phòng, chống mại dâm; tập huấn nâng cao năng lực cho cộng tác viên, cán bộ làm công tác phòng ngừa tác hại

của tệ nạn mại dâm, thành viên đội kiểm tra liên ngành phòng, chống mại dâm... Tổ chức trên 20 lớp tập huấn cho hơn 1.000 cán bộ làm công tác hỗ trợ nạn nhân từ trung ương đến địa phương; các tỉnh, thành phố đã tổ chức hàng trăm lớp tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng cho các cán bộ làm công tác hỗ trợ nạn nhân. Hỗ trợ kịp thời nạn nhân bị mua bán trở về; từ năm 2016-2019, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiếp nhận và hỗ trợ cho 1.264 nạn nhân bị mua bán trở về; Triển khai thực hiện mô hình thí điểm trợ giúp nạn nhân tại cộng đồng ở 10 tỉnh, thành phố trọng điểm.

Như vậy, qua rà soát cơ cấu tổ chức của Cục hiện nay cơ bản vẫn phù hợp, thuận lợi đảm bảo thực hiện tốt chức năng các nhiệm vụ quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được Bộ giao; các đơn vị hỗ trợ đã hỗ trợ và đảm bảo các hoạt động chuyên môn được thông suốt và hiệu quả.

2.3.2.7. Cơ cấu tổ chức của Cục Trẻ em

Cục Trẻ em là đơn vị thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, có trách nhiệm giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực trẻ em trong phạm vi trách nhiệm của Bộ.

Cục Trẻ em có Cục trưởng và 03 Phó Cục trưởng; 6 phòng, đơn vị trực thuộc chia làm 03 nhóm:

- 03 phòng chuyên môn thuộc Cục sắp xếp theo các nhóm quyền của trẻ em: Phòng Bảo vệ trẻ em; Phòng Chăm sóc trẻ em; Phòng Phát triển và Tham gia của trẻ em;

- 02 phòng thực hiện nhiệm vụ tổng hợp: Phòng Kế hoạch – Tài chính; Văn phòng Cục.

- 01 đơn vị sự nghiệp: Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ truyền thông

Về đơn vị sự nghiệp: Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ truyền thông thực hiện chức năng, nhiệm vụ của như hiện nay (Quyết định số 555/QĐ-LĐTBXH ngày 11/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã

hội), trong đó có quản lý Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em được Chính phủ thiết lập theo Nghị định số 56/2017/NĐ-CP.

Giai đoạn 2017-2020, thực hiện đề án tinh giản biên chế bộ máy, nhân sự, Cục Trẻ em đã xây dựng đề án và trình Bộ phê duyệt sáp nhập 03 phòng có chức năng tổng hợp thành 02 phòng giảm được 01 đầu mối. Về cơ bản với cơ cấu tổ chức các phòng chuyên môn của Cục như hiện nay là phù hợp.

Theo Quyết định số 1126/QĐ-LĐTBXH ngày 13/7/2017, Cục Trẻ em được giao thực hiện 16 nhiệm vụ, trong thời gian qua Cục Trẻ em đã cơ bản hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu Bộ trưởng trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, cụ thể như sau:

- Hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương thực hiện có hiệu quả Luật Trẻ em, dự án “Phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em” thuộc Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2020 và các chương trình, đề án, dự án về bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Hệ thống pháp luật, chính sách về trẻ em bước đầu được hoàn thiện, đồng bộ; thực hiện ngày càng hiệu quả các chương trình, dự án về trẻ em; khuyến khích các tổ chức, cá nhân, gia đình, cộng đồng, người dân và trẻ em tham gia thực hiện quyền trẻ em.

- Quyền tham gia của trẻ em được các bộ, ngành địa phương quan tâm hơn, các địa phương đã tổ chức diễn đàn trẻ em các cấp, tạo cơ hội để các em nói lên ý kiến, nguyện vọng của mình về những vấn đề về trẻ em.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, kiến thức, kỹ năng về bảo vệ, chăm sóc trẻ em, đặc biệt là phòng, chống xâm hại trẻ, phòng, chống tai nạn thương tích, đặc biệt là đuối nước ở trẻ em được triển khai với nhiều nội dung, hình thức phong phú.

- Triển khai hiệu quả hoạt động của các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em; nhân rộng các mô hình trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt dựa vào

cộng đồng. Các chỉ tiêu về bảo vệ, chăm sóc trẻ em cơ bản hoàn thành và vượt kế hoạch đề ra, ước đến cuối năm 2020 có 72% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp dưới các hình thức; 55% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em.

2.3.2.8. Cơ cấu tổ chức của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp là tổ chức thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về giáo dục nghề nghiệp (trừ sư phạm) trong phạm vi cả nước; quản lý, thực hiện các dịch vụ công về giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Giai đoạn 2017-2020, Tổng cục tiếp tục triển khai Luật Giáo dục nghề nghiệp; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới. Thực hiện hiệu quả Dự án đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp (thuộc Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp, Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2016 - 2020), Đề án hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025 và các chương trình, dự án khác về phát triển giáo dục nghề nghiệp. Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tính đến nay cả nước có 1.909 cơ sở giáo dục nghề nghiệp (gồm: 399 trường cao đẳng, 458 trường trung cấp, 1.052 trung tâm giáo dục nghề nghiệp).

Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng công tác đào tạo, gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động, việc làm bền vững, an sinh xã hội. Tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Phát triển chương trình, giáo trình; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp; xây dựng các chuẩn trong giáo dục nghề nghiệp (chuẩn đầu ra; chuẩn cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo; tiêu chuẩn

kỹ năng nghề quốc gia); đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Công tác tuyển sinh có chuyển biến tích cực, nhất là tuyển sinh trình độ trung cấp có đầu vào tốt nghiệp trung học cơ sở; ước giai đoạn 2016 – 2020, cả nước tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp các cấp trình độ khoảng 11.077 nghìn người, đạt 103%; trong đó: (i) Trình độ cao đẳng và trung cấp khoảng 2.472 nghìn người; (ii) sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác khoảng 8.605 nghìn người; ước tốt nghiệp theo các trình độ đào tạo là 10.212 nghìn người; trong đó: (i) Tốt nghiệp cao đẳng và trung cấp khoảng 1.993 nghìn người; (ii) sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác khoảng 8.219 nghìn người.

Cơ cấu tổ chức: Theo quy định tại Quyết định số 29/2017/QĐ-TTg ngày 03/7/2017, cơ cấu tổ chức của Tổng cục gồm: 9 Vụ, 1 Văn phòng, 1 Cục và 1 đơn vị sự nghiệp công lập. Nhìn chung, mô hình Tổng cục hiện nay đang đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp vì có đối tượng quản lý nhà nước về chuyên ngành, lĩnh vực lớn, phức tạp, quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội hiện tại và tương lai; giáo dục nghề nghiệp là chuyên ngành, lĩnh vực cần quản lý tập trung, thống nhất ở Trung ương; được phân cấp, uỷ quyền của Bộ trưởng để quyết định các vấn đề thuộc phạm vi nhà nước về chuyên ngành, lĩnh vực.

Một số bất cập

Cơ cấu tổ chức bên trong Tổng cục chưa tinh gọn, số lượng Vụ còn lớn, trong đó, nhiều Vụ có chức năng tương đồng hoặc liên thông như Vụ Đào tạo chính quy và Vụ Đào tạo thường xuyên; Vụ Nhà giáo và Vụ Công tác học sinh, sinh viên, Vụ Kế hoạch – Tài chính và Vụ Cơ sở vật chất và thiết bị; số lượng biên chế tối thiểu của Vụ chưa đảm bảo quy định; mô hình Cục kiểm

định Chất lượng giáo dục nghề nghiệp với cơ cấu 4 phòng trực thuộc còn công kênh, cần thiết phải xem xét, kiện toàn lại cho phù hợp.

2.3.2.9. Cơ cấu tổ chức của Cục Quan hệ Lao động và Tiền lương

Cục Quan hệ lao động và Tiền lương được thành lập trên cơ sở tổ chức lại hai đơn vị là Vụ Lao động – Tiền lương và Trung tâm Hỗ trợ và Phát triển quan hệ lao động theo Quyết định số 736/QĐ-LĐTBXH ngày 24/5/2017 của Bộ trưởng. Theo đó, Cục được giao giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lao động, quan hệ lao động, tiền lương, đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức đại diện người lao động theo quy định của pháp luật lao động.

Theo Quyết định số 736/QĐ-LĐTBXH ngày 24/5/2017, Cục Quan hệ lao động và Tiền lương được giao thực hiện 13 nhiệm vụ, trong thời gian qua Cục Quan hệ lao động và Tiền lương đã cơ bản hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu Bộ trưởng Lao động - Thương binh và Xã hội trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, cụ thể như sau:

Hệ thống chính sách tiền lương khu vực sản xuất, kinh doanh được tiếp tục hoàn thiện theo cơ chế thị trường; hệ thống tiền lương tối thiểu bước đầu được luật hóa; chính sách tiền lương tối thiểu đã tiếp tục được điều chỉnh theo lộ trình phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng chi trả của doanh nghiệp và bảo đảm mức sống tối thiểu của người lao động, hài hòa lợi ích của người lao động và người sử dụng lao động. Thu nhập bình quân của người lao động từng bước được cải thiện; giai đoạn 2016-2019 tiền lương bình quân tháng của lao động làm công hưởng lương có tốc độ tăng khá cao đạt 9,01%/năm.

Tình hình quan hệ lao động trong các doanh nghiệp có sự chuyển biến tích cực, hoạt động đối thoại, thương lượng tập thể nhằm xác lập các điều

kiện lao động giữa các bên được doanh nghiệp chú trọng triển khai, số lượng thỏa ước lao động tập thể được ký kết tăng dần, số cuộc tranh chấp lao động tập thể, đình công giảm dần qua các năm. Một số chính sách hỗ trợ phát triển quan hệ lao động như chính sách xây dựng nhà ở, xây dựng các công trình phúc lợi công cộng, chăm lo, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động cũng đã được các cấp, các ngành quan tâm triển khai, hỗ trợ giảm bớt khó khăn cho người lao động, nhất là lao động ở các khu công nghiệp tập trung, góp phần tạo sự chuyển biến tích cực cho việc xây dựng quan hệ lao động cả trong phạm vi doanh nghiệp và khu vực.

Cơ cấu tổ chức

Tổ chức, bộ máy của Cục đã được kiện toàn theo đúng quy định tại Quyết định số 736/QĐ-LĐTBXH ngày 24/5/2017 của Bộ trưởng, bao gồm 04 phòng (Văn phòng, Phòng Tiền lương, Phòng Quan hệ lao động và Phòng Chính sách lao động) và Trung tâm Hỗ trợ phát triển quan hệ lao động (đơn vị sự nghiệp được Nhà nước đảm bảo 100% kinh phí).

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Cục đã ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ đối với từng đơn vị, trong đó nhiệm vụ quản lý nhà nước được Cục phân công: (i) lĩnh vực tiền lương giao Phòng Tiền lương; (ii) lĩnh vực lao động giao Phòng Chính sách lao động; (iii) lĩnh vực quan hệ lao động giao cho Phòng Quan hệ lao động; (iv) lĩnh vực đăng ký, quản lý tổ chức đại diện người lao động tạm thời giao cho Phòng Quan hệ lao động (do chưa thành lập đơn vị quản lý riêng).

Một số bất cập

Sau 03 năm thực hiện, nhìn chung cơ cấu tổ chức nêu trên đảm bảo được yêu cầu đặt ra, việc phân công chức năng, nhiệm vụ cơ bản đã bao quát được các lĩnh vực quản lý nhà nước giao cho Cục mà không chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị thuộc Cục. Tuy nhiên, trong

bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, tham gia ngày càng nhiều các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, nhất là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), đồng thời, triển khai thực hiện Bộ luật Lao động 2019, trong đó, đặc biệt là nội dung mới về tổ chức đại diện người lao động, do vậy, khối lượng nhiệm vụ quản lý nhà nước về tổ chức đại diện người lao động sẽ phát sinh rất nhiều cho thấy tính cấp thiết phải thành lập một đơn vị chuyên môn đảm trách nhiệm vụ xây dựng hệ thống thể chế về đăng ký, quản lý tổ chức và hoạt động của các tổ chức đại diện của người lao động, đảm bảo các tổ chức này hoạt động theo khuôn khổ pháp luật, phù hợp với cam kết của Nhà nước trong quá trình hội nhập, tham gia các hiệp ước quốc tế.

2.3.2.10. Cục Người có công

Cục Người có công là đơn vị thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội có trách nhiệm giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực người có công trong phạm vi cả nước theo quy định của pháp luật.

Giai đoạn 2017-2020, Cục thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 14-CT/TW ngày 14/7/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng; trình Chính phủ ban hành Nghị định điều chỉnh mức trợ cấp ưu đãi người có công hàng năm; tổ chức thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ đối với người có công với cách mạng; giai đoạn từ năm 2016 đến nay đã trình Thủ tướng Chính phủ công nhận và cấp bằng Tổ quốc ghi công đối với trên 3.200 liệt sĩ, cấp đổi lại trên 80.000 bằng Tổ Quốc ghi công. Thực hiện rà soát, giải quyết 5.900 hồ sơ tồn đọng trên cả nước; năm 2018-2019, tiếp tục mở rộng phạm vi đến các ngành, cấp huyện, xã và trong nhân dân; đến nay, theo báo cáo của 50 tỉnh, thành phố, có 27/50 địa phương đã giải quyết xong hồ sơ tồn đọng, 23/50 địa phương còn hồ sơ tồn đọng, đang tiếp tục giải quyết. Vận hành tốt Cổng thông tin điện tử

về liệt sỹ, mộ liệt sỹ và nghĩa trang liệt sỹ; thực hiện Đề án xác định danh tính hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin. Công tác xã hội hóa chăm sóc người có công được đẩy mạnh, Quỹ Đền ơn đáp nghĩa cả nước vận động được hơn 2.580 tỷ đồng, xây dựng mới 32.850 nhà tình nghĩa trị giá 1.518 tỷ đồng, sửa chữa 21.655 nhà tình nghĩa trị giá gần 475 tỷ đồng.

Nhìn chung, chế độ ưu đãi người có công đã được xây dựng và thực hiện tương đối toàn diện, ngoài trợ cấp còn có chế độ chăm sóc sức khỏe, cải thiện nhà ở, ưu đãi trong y tế, giáo dục đào tạo, sản xuất kinh doanh, tạo việc làm; chế độ ưu đãi đối với con của người có công đang theo học ở nhà trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Ước đến cuối năm 2020 có 99,7% hộ gia đình người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của nhân dân nơi cư trú; 99,5% xã/phường/thị trấn làm tốt công tác người có công.

Cơ cấu tổ chức

Theo quy định tại Quyết định số 866/QĐ-LĐTBXH ngày 13/6/2017 của Bộ, cơ cấu tổ chức của Cục Người có công gồm: Cục trưởng và không quá 03 Phó Cục trưởng. Các Phòng chức năng: (1) Phòng Chính sách 1; (2) Phòng Chính sách 2; (3) Phòng Tuyên truyền – Thi đua; (4) Phòng Hồ sơ – Thông tin liệt sỹ; (5) Phòng Kế hoạch – Tài chính; (6) Phòng Tổ chức cán bộ; (7) Văn phòng và 07 Trung tâm Điều dưỡng thương binh và người có công.

Một số bất cập

Theo quy định tại Nghị định số 101/2020/NĐ-CP, Phòng thuộc cục thuộc bộ được thành lập khi đáp ứng đủ các tiêu chí: i) Có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của cục hoặc được giao tham mưu về công tác quản trị nội bộ của cục; ii) Khối lượng công việc yêu cầu phải bố trí từ 07 biên chế công chức trở lên. Vì vậy, cần sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của Cục để đảm bảo bộ máy tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với quy định về số lượng biên chế tối thiểu của Phòng thuộc Cục.

2.3.2.11. Cục Quản lý lao động ngoài nước

Cục Quản lý lao động ngoài nước là đơn vị thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, có trách nhiệm giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định của pháp luật.

Theo Quyết định số 1638/QĐ-LĐTBXH ngày 17/10/2017, Cục Quản lý lao động ngoài nước được giao thực hiện 21 nhiệm vụ, trong thời gian qua Cục Quản lý lao động ngoài nước đã cơ bản hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu Bộ trưởng trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành cụ thể như sau:

Cơ cấu tổ chức

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ngày 17/10/2017, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Quyết định số 1638/QĐ-LĐTBXH quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Cục Quản lý lao động ngoài nước thay thế cho Quyết định số 1012/QĐ-LĐTBXH ngày 08/7/2013. Theo đó, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Cục Quản lý lao động ngoài nước không thay đổi so với Quyết định cũ, tuy nhiên, cơ cấu tổ chức bộ máy có sự biến động lớn khi sáp nhập 02 đơn vị Phòng Pháp chế - Tổng hợp (cũ) và Phòng Thanh tra (cũ) thành Phòng Pháp chế - Thanh tra và sáp nhập Phòng Tổ chức cán bộ (cũ) vào Văn phòng Cục, tổng số đơn vị thuộc Cục giảm từ 09 đơn vị xuống 07 đơn vị. Một số đơn vị được giao bổ sung phụ trách các khu vực thị trường phát sinh trong tình hình mới.

Một số bất cập

Sau 03 năm bộ máy của Cục được vận hành theo cơ cấu mới, Cục Quản lý lao động ngoài nước nhận thấy về cơ bản các đơn vị đã thực hiện tốt, đầy

đủ chức năng, nhiệm vụ, không có hiện tượng chồng chéo hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ được Bộ giao. Việc tinh giản cơ cấu tổ chức bộ máy được đảm bảo bám sát yêu cầu của Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII. Tuy nhiên, cơ cấu cơ cấu tổ chức của Cục vẫn còn hạn chế là còn nhiều phòng chủ yếu thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản trị nội bộ như Phòng Kế hoạch – Tài chính, Phòng Thông tin – Tuyên truyền, Văn phòng Cục. Những nhiệm vụ về kế hoạch, tài chính, thông tin có thể sắp xếp, giao Văn phòng Cục thực hiện; nhiệm vụ về tuyên truyền có thể giao Phòng Pháp chế - Thanh tra hoặc Văn phòng Cục thực hiện. Mặt khác, số lượng công chức hiện có của các phòng này cũng chưa phù hợp với quy định về số biên chế tối thiểu 7 công chức tại Nghị định số 101/2020/NĐ-CP. Do đó, cần thiết xem xét, phân công lại nhiệm vụ hợp lý để thu gọn, giảm bớt đầu mối trung gian cấp phòng của Cục, đáp ứng yêu cầu về tinh gọn tổ chức bộ máy giai đoạn 2021-2025.

2.3.2.12. Cơ cấu tổ chức của Văn phòng quốc gia về giảm

Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo tiền thân là Văn phòng Chương trình mục tiêu Quốc gia về giảm nghèo, chức năng, nhiệm vụ được quy định cụ thể tại Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 12/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020; sau đó được chuyển về Bộ và thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Quyết định số 266/QĐ- LĐTBXH ngày 30/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội về việc chuyển Văn phòng Chương trình mục tiêu Quốc gia về giảm nghèo về trực thuộc Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội và đổi tên thành Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo, Quyết định số 354/QĐ-LĐTBXH ngày 30/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội về việc bổ sung nhiệm vụ đối với Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo.

Trong nhiệm kỳ qua, Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về giảm nghèo. Các chính sách giảm nghèo được các bộ, ngành rà soát, đánh giá và thực hiện tích hợp nhằm bảo đảm sự thống nhất, tập trung nguồn lực để thực hiện hiệu quả hơn; nhiều chính sách đã được điều chỉnh để nâng cao chất lượng hỗ trợ cho hộ nghèo về tạo việc làm, tăng thu nhập, tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội. Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện đồng bộ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020 với kinh phí được phân bổ từ ngân sách trung ương là 41.449 tỷ đồng. Xây dựng Kế hoạch tích hợp, sửa đổi chính sách giảm nghèo giai đoạn 2019 - 2020, đề xuất khung Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021 – 2025; kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo ở địa phương. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Phong trào thi đua “*Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*” giai đoạn 2016 - 2020. Nhận thức về giảm nghèo có chuyển biến tích cực, xuất hiện ngày càng nhiều tấm gương cá nhân làm đơn xin ra khỏi diện hộ nghèo, nhiều địa phương xin thoát nghèo, tạo ra sự lan tỏa mạnh mẽ trong cả nước.

Cơ cấu tổ chức

Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo là đơn vị trực thuộc Bộ; có con dấu, tài khoản riêng; tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan hành chính theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ. Số lượng biên chế của Văn phòng hiện nay là 9 công chức.

Một số bất cập

Hiện nay, Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo là đơn vị chủ trì, trực tiếp giúp việc Ban chỉ đạo Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia về

giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020. Theo Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 04/6/2020 ban hành Chương trình công tác năm 2020 của Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, Ban chỉ đạo có một số nhiệm vụ trọng tâm:

- Triển khai sâu rộng và thiết thực phong trào thi đua: “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”;
- Tập trung chỉ đạo thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, dự án thành phần của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững;
- Tăng cường đôn đốc, chỉ đạo và giám sát việc thực hiện các chính sách giảm nghèo;
- Xây dựng chuẩn nghèo đa chiều (chung và đối với trẻ em) làm cơ sở đo lường và đề xuất định hướng giảm nghèo giai đoạn tiếp theo.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện chương trình, chính sách giảm nghèo; hoàn thiện và vận hành hiệu quả hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện, đáp ứng yêu cầu quản lý chương trình.

Với chức năng là đơn vị giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình Quốc gia về giảm nghèo bền vững, Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo đã và đang thực hiện chức năng, nhiệm vụ như một đơn vị quản lý nhà nước về lĩnh vực giảm nghèo. Tuy nhiên, tại Quyết định số 1296-QĐ/LĐTBXH ngày 17/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Cục Bảo trợ xã hội là đơn vị *“giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác người cao tuổi, người khuyết tật, trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội, **giảm nghèo** trong phạm vi cả nước theo quy định của pháp luật”*.

Như vậy, về cơ cấu tổ chức, bộ máy tham mưu, giúp việc về lĩnh vực giảm nghèo có 02 đơn vị là Cục Bảo trợ xã hội và Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo.

2.3.2.13. Cơ cấu tổ chức của Cục Bảo trợ xã hội

Cục Bảo trợ xã hội là đơn vị thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, có trách nhiệm giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác người cao tuổi, người khuyết tật, trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội, giảm nghèo trong phạm vi cả nước theo quy định của pháp luật.

Trong nhiệm kỳ qua, Cục Bảo trợ xã hội tăng cường tổ chức thực hiện Luật người cao tuổi, Luật Người khuyết tật, Công ước của Liên hợp quốc về quyền của người khuyết tật. Tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả dự án “Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội đối với đối tượng yếu thế” thuộc Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2020 và các chương trình, đề án, chính sách trợ giúp xã hội. Chi trả trợ cấp cho đối tượng bảo trợ xã hội kịp thời, đầy đủ; đến nay cả nước đã thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho hơn ba triệu đối tượng bảo trợ xã hội; Công tác chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội thông qua cơ quan Bưu điện đã được triển khai tại 59 tỉnh, thành phố. Quan tâm chăm lo đời sống người cao tuổi; trợ giúp, phục hồi chức năng, hỗ trợ đào tạo nghề và tạo việc làm cho người khuyết tật. Tổ chức thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2018-2020 đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; tăng cường thí điểm chi trả trợ cấp cho đối tượng qua các tổ chức cung cấp dịch vụ công. Mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội được củng cố, phát triển, đến nay cả nước đã thành lập được 425 cơ sở trợ giúp xã hội.

Nhìn chung, chính sách trợ giúp xã hội đã tạo thành lưới an toàn xã hội rộng khắp, đan xen, có khả năng bao phủ nhiều đối tượng thuộc nhiều tầng lớp khác nhau. Các chương trình, chính sách trợ giúp xã hội được triển khai hiệu quả, bảo đảm các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp kịp

thời, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản ngày càng tốt hơn. Đến nay, 100% đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; tỷ lệ người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, chăm sóc và phục hồi chức năng đạt 85%.

Về cơ cấu tổ chức

Thực hiện Quyết định số 1296/QĐ-LĐTBXH ngày 17/8/2017 Cục Bảo trợ xã hội đã hoàn thành tốt nhiệm vụ giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác người cao tuổi, người khuyết tật, trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội, giảm nghèo trong phạm vi cả nước theo quy định của pháp luật. Cục Bảo trợ xã hội, có 06 phòng chức năng (Phòng Chính sách bảo trợ xã hội, Phòng Trợ giúp đột xuất, Phòng Công tác xã hội, Phòng Y tế lao động xã hội, Văn phòng Cục, Phòng Kế hoạch-Tài chính) và 01 Văn phòng Ủy ban Quốc gia về người khuyết tật Việt Nam.

Trên cơ sở đó, Cục trưởng Cục Bảo trợ xã hội đã ban hành các quyết định quy định chức quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Phòng, đơn vị thuộc Cục.

Phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ rà soát sắp xếp lại bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn đầu mối quản lý, năm 2019, giao nhiệm vụ Văn phòng Ủy ban Quốc gia Người cao tuổi về Cục Bảo trợ xã hội.

Thực hiện nghiêm việc quản lý, sử dụng biên chế công chức đã được cấp có thẩm quyền giao theo đúng quy định; không sử dụng số biên chế công chức, số lượng người làm việc vượt quá số lượng đã được cơ quan có thẩm quyền giao; đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

Một số bất cập

Về chức năng, nhiệm vụ: Cục Bảo trợ được giao chức năng quản lý nhà nước về công tác giảm nghèo. Tuy nhiên, hiện nay Văn phòng Quốc gia về

giảm nghèo cũng được giao thực hiện công tác giảm nghèo, do đó có sự chồng chéo về nhiệm vụ, không phù hợp với nguyên tắc tổ chức, một việc chỉ giao một đầu mối thực hiện.

Về cơ cấu tổ chức, số lượng phòng của Cục lớn; số biên chế tối thiểu mỗi phòng chưa đảm bảo theo quy định của Nghị định 101/2020/NĐ-CP.

2.3.2.14. Cơ cấu tổ chức của Văn phòng Bộ

Văn phòng Bộ là đơn vị thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, có chức năng tham mưu tổng hợp về chương trình, kế hoạch công tác của Bộ; giúp Bộ trưởng tổng hợp, theo dõi, đôn đốc các tổ chức, cơ quan, đơn vị thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Bộ; thực hiện công tác thi đua-khen thưởng; thông tin-truyền thông; cải cách hành chính; kiểm soát thủ tục hành chính; triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định của pháp luật; thực hiện công tác hành chính, văn thư, lưu trữ; quản lý cơ sở vật chất-kỹ thuật, tài sản, kinh phí hoạt động, bảo đảm phương tiện và điều kiện làm việc; phục vụ chung cho hoạt động của Bộ và công tác quản trị nội bộ.

- Căn cứ Quyết định số 1698/QĐ-LĐTBXH ngày 25/10/2017, Văn phòng Bộ được giao thực hiện 17 nhiệm vụ, trong thời gian qua Cục đã cơ bản hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu Bộ trưởng Lao động - Thương binh và Xã hội trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành cụ thể như sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 – 2020; xây dựng và triển khai kế hoạch cải cách hành chính hằng năm; thành lập Ban Chỉ đạo cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin và Chính phủ điện tử của Bộ. Trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 93/NQ - CP ngày 26/9/2017 về việc án đơn giản hoá thủ

tục hành chính, giấy tờ công dân phương liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng của Bộ. tập trung rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính (TTHC) thuộc các lĩnh vực của Bộ, ngành có tác động nhiều đến người dân, doanh nghiệp theo Nghị quyết của Chính phủ; ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai xây dựng giai đoạn 2018 – 2019; triển khai Hệ thống công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Rà soát, cắt giảm thực chất 50% số mặt hàng thuộc danh mục mặt hàng kiểm tra chuyên ngành và kết nối Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Triển khai Hệ điều hành tác nghiệp eMolisa 6.0 phục vụ giải quyết hồ sơ, văn bản qua mạng Internet, kết nối với Trục liên thông văn bản điện tử của Chính phủ; nâng cao hiệu quả sử dụng hệ thống thư điện tử (@molisa.gov.vn). Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; nâng cấp phần mềm quản lý tài chính trợ cấp ưu đãi người có công và triển khai phần mềm quản lý cán bộ; khai trương và tập huấn phần mềm tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp, cử tri. Duy trì Cổng dịch vụ công trực tuyến của Bộ; triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tại Bộ.

Cơ cấu tổ chức

Theo quy định tại Điều 3, Quyết định số 1698/QĐ-LĐTBXH ngày 25/10/2017, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Bộ có 13 đầu mối trong đó gồm 10 Phòng chức năng, 1 đại diện Văn phòng Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh và 02 đơn vị sự nghiệp công lập.

Một số bất cập

Số lượng đầu mối còn lớn, trong đó, một số phòng có chức năng tương đồng như Phòng Quản trị, Phòng Quản trị nhà làm việc liên cơ D25; một số phòng chưa đảm bảo biên chế tối thiểu (Quốc phòng an ninh, Quản trị, Quản

trị nhà làm việc liên cơ D25, Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính); trong khi đó, một trong những yêu cầu đặt ra trong nhiệm vụ của Văn phòng Bộ là tổ chức thực hiện cơ chế một cửa liên thông, nhưng hiện nay, Văn phòng chưa có đơn vị thực hiện chức năng này.

2.4. Đánh giá chung về cơ cấu tổ chức của Bộ và các đơn vị trực thuộc

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ động và quyết liệt triển khai thực hiện các Nghị quyết của Trung ương. Giai đoạn 2017-2020 đã thực hiện sắp xếp lại, giảm được 15 phòng ở các đơn vị hành chính trực thuộc và 44 phòng ở các đơn vị sự nghiệp; xây dựng phương án kiện toàn cơ cấu tổ chức của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối bên trong Tổng cục; tiếp tục triển khai kiện toàn, sắp xếp các đơn vị hành chính, sự nghiệp khác theo Quyết định số 1155/QĐ-LĐTBXH của Bộ. Đến nay, số lượng các đơn vị hành chính trực thuộc Bộ cơ bản ổn định, giữ nguyên số lượng 01 Tổng cục, 08 Cục, 6 Vụ, Văn phòng và Thanh tra Bộ là hợp lý, đảm bảo thuận lợi cho Bộ tổ chức thực thi chức năng, nhiệm vụ. Tuy nhiên, cơ cấu tổ chức của các đơn vị hành chính trực thuộc vẫn còn một số hạn chế, bất cập, chủ yếu là số lượng Vụ trong Tổng cục, phòng trong Cục chưa gọn, thực hiện nhiệm vụ dàn trải, nhiều Vụ, phòng có chức năng, nhiệm vụ tương đồng, có tính liên thông, cùng đối tượng quản lý nhưng

vẫn tổ chức thành nhiều đầu mối thực hiện nhiệm vụ, số lượng công chức hiện có ở nhiều phòng chưa đảm bảo số lượng tối thiểu theo quy định; tỷ lệ phòng thực hiện chức năng quản trị nội bộ so với phòng thực hiện chức năng quản lý nhà nước chưa phù hợp. Bên cạnh đó, vẫn còn có nhiều tổ chức cùng thực thi nhiệm vụ trong cùng lĩnh vực như Cục Bảo trợ xã hội và Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo. Trong giai đoạn tới, những bất cập về cơ cấu tổ chức hiện nay cần thiết phải được xem xét, khắc phục để đảm bảo tinh gọn về tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP KIẾN TOÀN CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI ĐÁP ỨNG NHIỆM VỤ CỦA BỘ, NGÀNH GIAI ĐOẠN 2020-2025

3.1. Quan điểm, định hướng và mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội của Đảng trong giai đoạn 2021-2025

Từ thực tiễn 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011, nhận thức của Đảng ta về xây dựng hệ thống chính trị, bộ máy nhà nước, quản lý và phát triển xã hội đã được bổ sung, phát triển và ngày càng hoàn thiện.

Về kinh tế, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được nhận thức là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo quy luật của kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Quản lý phát triển xã hội đã được Đảng quan tâm, chú trọng, nhận thức rõ hơn về mối quan hệ giữa quản lý phát triển xã hội với ổn định và phát triển đất nước nhanh và bền vững, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển bao trùm, không để ai bị bỏ lại phía sau, phát triển bền vững về kinh tế, môi trường và xã hội.

Kết quả 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011 giai đoạn 2010-2020 cho thấy năng lực quản trị xã hội được nâng cao, nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật về các vấn đề xã hội, chính sách xã hội, chính sách an sinh xã hội như chính sách người có công, bảo trợ xã hội, xóa đói giảm nghèo, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, việc làm, bảo vệ, chăm sóc trẻ em được ban hành. Tuy nhiên, vấn đề quản lý phát triển xã hội cũng còn nhiều hạn chế, nhận thức về quản lý phát triển xã hội và quản trị xã hội chưa đủ rõ, một số cơ chế, chính sách còn chồng chéo, bất cập, chưa theo kịp sự phát triển của thực tiễn, chưa đánh giá đầy đủ tác động mặt trái của cơ chế thị trường; sự biến đổi

cơ cấu xã hội có một số phương diện không theo hướng tích cực, tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định. Nhóm hộ nghèo, cận nghèo chủ yếu tập trung ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, rất khó khăn trong tiếp cận việc làm và thụ hưởng các chương trình, chính sách an sinh, phúc lợi xã hội.

Quan điểm chỉ đạo của Đảng giai đoạn tới về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị là:

- Bảo đảm lợi ích của quốc gia – dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng, cùng có lợi. Tiếp tục phát triển nhanh, bền vững đất nước; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên (24, tr 11).

- Tăng cường xây dựng chính đôn Đảng, nâng cao năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Nhà nước và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân là những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công của sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc (24, tr 12).

Định hướng phát triển kinh tế - xã hội:

- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường..., tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc, khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh, bền vững đất nước.

- Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực....

- Tạo đột phá trong đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và trọng dụng nhân tài...

- Quản lý, phát triển xã hội có hiệu quả, nghiêm minh, bảo đảm an sinh xã hội, an ninh con người; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; xây dựng môi trường văn hóa, đạo đức xã hội lành mạnh, văn minh; chú trọng nâng cao chất lượng dân số, gắn dân số với phát triển; quan tâm đến mọi người dân, bảo đảm chính sách lao động, việc làm, thu nhập, thực hiện tốt an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Không ngừng cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

- Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, tinh gọn, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước....

Giai đoạn 2021-2025, mục tiêu tổng quát là: Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; phát huy sức sáng tạo, ý chí và khát vọng phát triển, sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa (24, tr 12).

Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025: Về xã hội: Đến năm 2025, tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội khoảng 25%; tỉ lệ lao động qua đào tạo là 70%; tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị năm 2025 dưới 4%; tỷ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1-1,5% hằng năm; có 10 bác sĩ/1 vạn dân và 30 giường bệnh/1 vạn dân; tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% dân số; tỷ lệ số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới khoảng 95%, trong đó, ít nhất 10% đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (24, tr 13).

Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp quản lý phát triển xã hội bền vững:

- Nhận thức và thực hiện đúng, đầy đủ định hướng xã hội chủ nghĩa trong các chính sách xã hội. Tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, tính bền vững trong các chính sách xã hội, nhất là phúc lợi xã hội, an ninh xã hội, an ninh con người.

- Hoàn thiện và thực hiện tốt luật pháp và chính sách đối với người có công trên cơ sở nguồn lực của Nhà nước và xã hội, bảo đảm người có công và gia đình có mức sống từ trung bình khá trở lên trong địa bàn cư trú. Cân đối ngân sách để tiếp tục nâng mức trợ cấp xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công, giải quyết căn bản chính sách đối với người có công; nâng cấp công trình “Đền ơn đáp nghĩa”.

- Đổi mới chính sách lao động, việc làm hướng đến việc làm bền vững; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đưa lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và tiếp tục phát huy sau khi về nước. Chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế, nâng cao tỉ trọng lao động trong khu vực chính thức, tập trung giải quyết việc làm cho lao động khu vực phi chính thức, đặc biệt là lao động nông nghiệp chuyển đổi ngành nghề.

- Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, tiến tới bao phủ toàn dân. Cải cách hệ thống bảo hiểm xã hội đa tầng dựa trên nguyên tắc đóng, hưởng, chia sẻ - bền vững. Tập trung giải quyết nhóm nghèo nhất, vùng nghèo nhất, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng, miền, dân tộc.

Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền:

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Chính phủ, các bộ, ngành theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tập trung vào quản lý vĩ mô, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, luật pháp, cơ chế, chính

sách; nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, phân cấp, phân quyền, mối quan hệ giữa Chính phủ với các Bộ, ngành và các tổ chức trực thuộc Bộ, ngành; giữa Chính phủ, các bộ, ngành với chính quyền địa phương; khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ.

- Đổi mới, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính, gắn kết chặt chẽ với việc kiện toàn tổ chức, giảm đầu mối, bỏ cấp trung gian, tinh giản biên chế; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, chuyên nghiệp, phục vụ nhân dân; thúc đẩy xây dựng chính quyền điện tử, tăng cường sự kết nối, trao đổi thông tin thường xuyên giữa chính quyền các cấp, giữa chính quyền với nhân dân, doanh nghiệp.

3.2. Kế hoạch phát triển lĩnh vực Lao động, Người có công và Xã hội giai đoạn 2021-2025

3.2.1. Mục tiêu tổng quát

Trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, cạnh tranh chiến lược, căng thẳng thương mại giữa các nước, tăng trưởng kinh tế thế giới có xu hướng suy giảm; cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tiếp tục tác động mạnh mẽ và sâu rộng đến mọi mặt của đời sống; Việt Nam ngày càng chủ động, tích cực tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới với những quy chuẩn, tiêu chuẩn về lao động, việc làm, đồng thời, việc hình thành cộng đồng ASEAN (năm 2015) đã tạo ra nhiều cơ hội cho sự phát triển của thị trường lao động, việc làm của các nước thành viên; mở rộng sân chơi cạnh tranh với nhiều thuận lợi và cũng nhiều thách thức

hơn. Bên cạnh đó, các thách thức an ninh phi truyền thống, đặc biệt là biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng về cả tác động và cường độ; dịch bệnh diễn biến phức tạp, tình hình trong nước, chính trị - xã hội và kinh tế vĩ mô ổn định; niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và người dân ngày càng tăng lên... Tuy nhiên, trong giai đoạn 2021-2025 nền kinh tế sẽ phải đối mặt rất nhiều khó khăn, thách thức đến từ những yếu kém nội tại chưa và chậm được khắc phục cũng như các vấn đề xã hội - môi trường gây áp lực lớn đến phát triển kinh tế - xã hội như: Già hóa dân số, chênh lệch giàu nghèo, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn... Đặc biệt, Đại dịch COVID-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam sẽ tiếp tục chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực trong thời gian tới.

Trên cơ sở nhận định về tình hình trong nước và bối cảnh quốc tế, căn cứ chủ trương, định hướng của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 và những đánh giá về kết quả đạt được giai đoạn 2016-2020 của Bộ, ngành, Bộ đã xây dựng Kế hoạch phát triển lĩnh vực lao động, người có công và xã hội giai đoạn 2021-2025 với mục tiêu tổng quát là:

Phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, hiệu quả với chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng phát triển nhanh, bền vững và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, tiến tới bao phủ toàn dân, đáp ứng nhu cầu về cơ bản và cuộc sống an toàn, bình đẳng và hạnh phúc của nhân dân; góp phần đảm bảo công bằng xã hội và không để ai bị bỏ lại phía sau. (25, tr 27).

3.2.2. Chỉ tiêu cụ thể

3.2.2.1. Chỉ tiêu Quốc hội, Chính phủ giao

- (1) Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị hằng năm dưới 4%.
- (2) Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2025 đạt 70%; trong đó, có bằng, chứng chỉ từ 28% - 30%.

(3) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm bình quân 1 - 1,5%/năm; riêng các huyện nghèo giảm 4%/năm.

3.2.2.2. *Chỉ tiêu quản lý của ngành*

(1). Đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng khoảng 500 nghìn người.

(2). Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đến năm 2025 đạt 45%.

(3). Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp đến năm 2025 đạt 35%.

(4) Giảm tần suất tai nạn lao động hàng năm trung bình là 5%; trong đó, giảm tần suất tai nạn lao động chết người hàng năm trung bình là 4,5%.

(5). Tuyển mới giáo dục nghề nghiệp khoảng 19.820 nghìn người, trong đó: i) Trình độ trung cấp và cao đẳng là 3.200 nghìn người; (ii) trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác khoảng 16.620 nghìn người (trong đó, hỗ trợ đào tạo nghề cho 9 triệu lao động nông thôn).

(6) Tốt nghiệp theo các trình độ đào tạo khoảng 18.527 nghìn người, trong đó: (i) Trình độ trung cấp và cao đẳng là 2.240 nghìn người; (ii) trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác khoảng 16.287 nghìn người.

(7). Bảo đảm 100% các đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.

(8). 100% người dân bị thiệt hại do thiên tai, lũ lụt, thiếu đói được trợ giúp đột xuất kịp thời, không người dân nào bị đói.

(9). Bảo đảm 90% người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, chăm sóc và phục hồi chức năng kịp thời.

(10). Bảo đảm 90% người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, phụng dưỡng, chăm sóc kịp thời.

(11). Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em đến năm 2025 là 65%.

(12). Giảm tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng dân số trẻ em đến năm 2025 là 5,5%.

(13). Đến năm 2025 có trên 90% người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý được tiếp cận các dịch vụ tư vấn, điều trị, cai nghiện ma túy.

(14). Tỷ trọng người nghiện ma túy tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy chiếm 40% tổng số người nghiện được cai nghiện hằng năm.

(15). 100% các trường hợp nạn nhân bị buôn bán đã tiếp nhận được tiến hành các thủ tục xác minh, xác định nạn nhân và được hưởng các chế độ hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

3.2.3. Phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2020-2025

3.2.3.1. Về hoàn thiện thể chế

Tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội bảo đảm tính đồng bộ, hiện đại, khả thi và hội nhập quốc tế; tổng kết, đánh giá việc thực hiện các Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Việc Làm, Bảo hiểm xã hội, Người cao tuổi; xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật Bảo hiểm xã hội, Luật sửa đổi, bổ sung Luật Việc làm, Luật sửa đổi, bổ sung Luật Bình đẳng giới, Luật Người Cao tuổi... Xây dựng, trình ban hành và ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về lao động, người có công và xã hội.

3.2.3.2. Về cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin; xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Bộ, ngành; nâng cao chất lượng các dịch vụ công trong lĩnh vực lao động, người có công

và xã hội; cắt giảm thực chất thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, danh mục sản phẩm hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ.

Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, đảm bảo bộ máy của Bộ, ngành tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Bộ trên cơ sở đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về lao động, người có công và xã hội phù hợp với giai đoạn phát triển mới; sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức bên trong các đơn vị theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW và số 19-NQ/TW. Đẩy mạnh tinh giản biên chế, quản lý biên chế theo vị trí việc làm; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và của cán bộ, công chức, viên chức; hình thành đội ngũ công chức, viên chức đủ năng lực quản lý, điều hành, tham mưu hoạch định chính sách và tổ chức triển khai thực hiện, đưa chính sách, pháp luật liên quan đến lĩnh vực lao động - người có công và xã hội đi vào cuộc sống.

3.2.3.3. Về lao động, việc làm

Tiếp tục hoàn thiện thể chế, phát triển đầy đủ, đồng bộ các yếu tố thị trường lao động; thực hiện các giải pháp xây dựng và vận hành đồng bộ, thông suốt thị trường lao động; xây dựng, hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thông tin thị trường lao động; xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý lao động đồng bộ, thống nhất, gắn với cơ sở dữ liệu về dân cư.

Tiếp tục giữ ổn định và phát triển, mở rộng thị trường lao động ngoài nước, chú trọng các thị trường có thu nhập cao, phù hợp với trình độ, kỹ năng của người lao động Việt. Thực hiện các chính sách, dự án hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài, nhất là lao động thuộc các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, miền núi. Làm tốt công tác đào tạo nguồn lao động; gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; sử dụng hiệu

quả nguồn lao động sau khi làm việc ở nước ngoài về nước phục vụ yêu cầu phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 tại Việt Nam, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Triển khai thực hiện chính sách việc làm công, chính sách hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp, nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ việc làm. Quản lý việc dịch chuyển lao động, việc làm theo địa lý địa bàn, đảm bảo có cơ cấu phân bổ lao động việc làm hợp lý trên toàn quốc, có cơ chế khuyến khích dịch chuyển cung - cầu lao động khai thông thị trường, linh động hỗ trợ các địa bàn thị trường yếu kém; kết nối hoạt động của các Trung tâm trong từng vùng lãnh thổ và liên vùng với nhau; chuẩn hóa và nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống Trung tâm.

3.2.3.4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tiếp tục thực hiện các giải pháp hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp; chú trọng nâng cao chất lượng đầu ra; tăng cường việc hợp tác giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp, gắn đào tạo với nhu cầu thị trường lao động. Tăng cường đào tạo thường xuyên và đào tạo lại cho người lao động, nhất là đào tạo các kỹ năng làm việc, tính kỷ luật, tác phong công nghiệp cho người lao động; đào tạo nghề nghiệp cho người dân tộc thiểu số, người khuyết tật và các nhóm yếu thế khác trong thị trường lao động.

Thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2023, Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Thực hiện phân tầng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và phân tầng chất lượng đào tạo.

Chuẩn hóa các điều kiện đảm bảo chất lượng để các trường thực hiện và nhà nước quản lý theo cơ chế hậu kiểm. Thực hiện cơ chế tự chủ của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp gắn với trách nhiệm giải trình, cơ chế đánh giá

độc lập, sự kiểm soát của nhà nước, giám sát của xã hội. Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng hiện đại.

Xây dựng môi trường thuận lợi hỗ trợ hoạt động dạy và học ngoại ngữ; đẩy mạnh triển khai tự chủ của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; có chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tăng cường thu hút đầu tư, hợp tác quốc tế trong đào tạo chất lượng cao.

3.2.3.5. Về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

Tập trung triển khai Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2018 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị Trung ương 7 (khóa XII) về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp. Hoàn thiện cơ chế quản lý tiền lương bảo đảm Nhà nước can thiệp trực tiếp vào chính sách tiền lương của doanh nghiệp; Triển khai hoạt động của Hội đồng Tiền lương quốc gia theo chức năng, nhiệm vụ được kiện toàn theo Bộ luật Lao động 2019 và quy định tại Nghị định của Chính phủ. Xây dựng cơ chế quản lý tiền lương bảo đảm Nhà nước không can thiệp trực tiếp vào chính sách tiền lương của doanh nghiệp.

Cải các chính sách bảo hiểm xã hội, nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội; tăng tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; gia tăng nhanh số lao động trong khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Tiếp tục triển khai các giải pháp mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Chuẩn hóa thông tin dữ liệu về người nhận lương hưu, trợ cấp BHXH, các chế độ an sinh xã hội. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của

người lao động, người sử dụng lao động và các cơ quan, ban ngành trong việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Triển khai thực hiện việc đo lường chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia bảo hiểm xã hội. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị thực hiện bảo hiểm thất nghiệp, tập trung vào tổ chức bộ máy và nhân sự, cơ chế tài chính để bảo hiểm thất nghiệp thực sự là công cụ quản trị thị trường lao động. Đảm bảo hiệu quả của kết quả tư vấn, giới thiệu việc làm, giới thiệu việc làm thành công, hỗ trợ học nghề nâng cao năng lực để người lao động hưởng trợ cấp thất nghiệp quay trở lại thị trường lao động; đồng thời hỗ trợ và kiểm soát chặt chẽ ý thức tìm kiếm việc làm của người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp.

3.2.3.6. Về quan hệ lao động

Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp. Tăng cường quản lý nhà nước về quan hệ lao động; tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm nâng cao nhận thức xã hội, tạo sự đồng thuận trong việc triển khai thực hiện chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng, phát triển quan hệ lao động.

Triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ xây dựng quan hệ lao động và các hoạt động hỗ trợ, thúc đẩy cơ chế đối thoại, thương lượng tập thể; tăng cường cơ chế đối thoại 3 bên, nâng cao hiệu quả hoạt động của hòa giải viên, trọng tài viên lao động. Xây dựng và triển khai các hoạt động của Ủy ban quan hệ lao động; giải quyết các vấn đề phát sinh trong quan hệ lao động trong tình hình mới. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức có liên quan và các địa phương thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thi hành pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về lao động của người lao động, người sử dụng lao động. Theo dõi sát tình hình lao động, việc làm, giải quyết kịp thời các tranh chấp lao động, đình công.

3.2.3.7. Về an toàn lao động

Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý về an toàn - vệ sinh lao động; hoàn thiện hệ thống tổ chức và tăng cường hoạt động của hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức về an toàn, vệ sinh lao động; thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chương trình, dự án về an toàn vệ sinh lao động.

Tăng cường giám sát việc thực hiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động; tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật nhằm phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, huấn luyện, phổ biến pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động. Tổ chức các hoạt động Tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động hằng năm; Đối thoại định kỳ về an toàn, vệ sinh lao động giữa Hội đồng Quốc gia về An toàn, vệ sinh lao động với đại diện giới chủ, đại diện người lao động và các cơ quan quản lý nhà nước liên quan; phấn đấu tăng thêm nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ áp dụng hiệu quả các mô hình quản lý công tác an toàn, vệ sinh lao động, từng bước đáp ứng các chuẩn mực quốc tế; xây dựng văn hóa an toàn trong doanh nghiệp.

3.2.3.8. Quản lý lao động

Hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý lao động; làm tốt công tác quản lý, cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Tăng cường công tác chỉ đạo, đôn đốc nhắc nhở các địa phương hướng dẫn các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có sử dụng lao động thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý lao động cho các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, chủ đầu tư, nhà thầu và người lao động. Hoàn thiện phần mềm quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam để phục vụ công tác tổng hợp báo cáo định kỳ và đột xuất.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong tuyển dụng và quản lý lao động, đặc biệt lao động nước ngoài tại địa phương.

3.2.3.9. Về Người có công

Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện chính sách, pháp luật về người có công; nâng cao mức trợ cấp người có công phù hợp với điều kiện kinh tế của đất nước, bảo đảm đến năm 2025 mọi người có công đều được xác nhận, công nhận, tôn vinh và thụ hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách của nhà nước.

Thực hiện đầy đủ, hiệu quả, bảo đảm công khai, minh bạch chính sách ưu đãi người có công với cách mạng. Mở rộng chi trả chính sách người có công thông qua tổ chức dịch vụ bưu chính công ích. Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe, điều dưỡng, chỉnh hình, phục hồi chức năng, cung cấp dụng cụ trợ giúp đối với người có công với cách mạng.

Triển khai Quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý về chi trả trợ cấp, hồ sơ người có công với cách mạng, liệt sĩ, mộ liệt sĩ và nghĩa trang liệt sĩ, tiến tới xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về lĩnh vực người có công với cách mạng.

3.2.3.10. Về giảm nghèo bền vững

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm và bền vững khu vực nông thôn và thành thị để hỗ trợ người dân nâng cao chất lượng cuộc sống, thu hẹp khoảng cách về mức sống, thu nhập của người nghèo so với bình quân chung của cả nước.

Tiếp tục thực hiện toàn diện, hiệu quả các cơ chế, chính sách giảm nghèo để nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất và tinh thần; hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ xã hội cơ bản phù hợp theo các tiêu chí đo lường nghèo đa chiều

Triển khai Chương trình MTQG giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021-2025 với mục tiêu giảm nghèo đa chiều và giảm nghèo theo từng chiều cụ thể theo chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2021-2025;

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, khơi dậy ý chí vươn lên chủ động thoát nghèo của người nghèo. Tăng cường đào tạo, tập huấn cho cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp tỉnh, huyện, xã và trưởng thôn, bản để nâng cao năng lực về kiến thức, kỹ năng quản lý, tổ chức, lập kế hoạch triển khai và kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo.

3.2.3.11. Bảo trợ xã hội

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về trợ giúp xã hội; từng bước mở rộng diện bao phủ chính sách bảo trợ xã hội. Thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội, đảm bảo cung cấp các dịch vụ công tác xã hội, trợ giúp xã hội cho đối tượng có nhu cầu.

Thực hiện tốt công tác chỉ đạo phòng chống lụt bão, khắc phục hậu quả thiên tai, nắm chắc tình hình thiệt hại; chỉ đạo các địa phương thực hiện tốt trợ giúp đột xuất, bảo đảm ổn định đời sống nhân dân khi có thiên tai xảy ra.

Tiếp tục thực hiện Đề án đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 và các chương trình, đề án khác trong giai đoạn 2021 – 2025. Triển khai Đề án “Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội”; xây dựng số an sinh xã hội, thẻ an sinh xã hội điện tử cho người dân trên toàn quốc.

3.2.3.12. Bảo vệ, chăm sóc trẻ em

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện chính sách, pháp luật về đảm bảo thực hiện quyền trẻ em, bảo vệ trẻ em, chăm sóc giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

phù hợp với Luật Trẻ em năm 2016; phối hợp, chỉ đạo, hướng dẫn bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện Chỉ thị, Nghị quyết, Quyết định, Kết luận của Chính phủ liên quan đến trẻ em.

Thực hiện đầy đủ quyền trẻ em, tạo môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh cho mọi trẻ em để trẻ em được phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức, mối quan hệ xã hội, đảm bảo thực hiện ngày càng tốt hơn quyền của trẻ em.

Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của cha mẹ, người chăm sóc trẻ em, trẻ em, gia đình, nhà trường và cộng đồng trong thực hiện quyền trẻ em, nhất là bảo vệ trẻ em. Triển khai, nhân rộng các mô hình về bảo vệ, chăm sóc trẻ em, đặc biệt các mô hình về phòng, chống xâm hại trẻ em và đuổi nước trẻ em.

3.2.3.13. Bình đẳng giới

Tiếp tục thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật về bình đẳng giới. Tăng cường lồng ghép bình đẳng giới trong xây dựng và thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; lồng ghép các chỉ tiêu của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong chiến lược, kế hoạch, chương trình công tác của Bộ, ngành và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; bảo đảm bình đẳng thực chất giữa nam và nữ về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội.

Xây dựng và phát triển các dịch vụ hỗ trợ bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. Phấn đấu đến năm 2025 có ít nhất 200 Mô hình dịch vụ hỗ trợ bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới được thí điểm xây dựng, triển khai có hiệu quả và nhân rộng.

3.2.3.14. Phòng, chống tệ nạn xã hội

Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội theo hướng tăng cường các biện pháp, giải pháp mang tính xã hội,

đảm bảo quyền con người, quyền công dân, quyền bình đẳng trong việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ xã hội của các đối tượng tệ nạn xã hội.

Tăng cường công tác phòng ngừa, đẩy mạnh cai nghiện tự nguyện, giảm cai nghiện bắt buộc; hỗ trợ người nghiện sau cai nghiện. Nâng cao hiệu quả quản lý tại các cơ sở cai nghiện ma túy tập trung; phát triển các mô hình cai nghiện và quản lý sau cai có hiệu quả tại cộng đồng; tăng cường quản lý, tư vấn, trợ giúp người sau cai nghiện ma túy hòa nhập cộng đồng, ổn định cuộc sống, phòng chống tái nghiện.

Tiếp tục rà soát, nghiên cứu, đề xuất sửa đổi bổ sung, xây dựng mới nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về công tác hỗ trợ nạn nhân. Tập huấn, đào tạo cho cán bộ ngành Lao động – Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành có liên quan về kiến thức, kỹ năng chuyên sâu trong công tác hỗ trợ nạn nhân. Tiếp tục thí điểm các mô hình hỗ trợ nạn nhân tại cộng đồng, giám sát, đánh giá, rút kinh nghiệm và nhân rộng mô hình. Kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác hỗ trợ nạn nhân tại một số tỉnh, thành phố; tuyên truyền phổ biến pháp luật về công tác hỗ trợ nạn nhân và mô hình hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về.

3.2.3.15. Công tác thanh tra, kiểm tra; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về lao động, người có công và xã hội. Tập trung xử lý những vấn đề bức xúc, cử tri và đại biểu Quốc hội quan tâm như: An toàn lao động, nợ đọng bảo hiểm xã hội, bình đẳng giới, chính sách về trẻ em.

Thực hiện có hiệu quả công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra, các quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tăng cường hoạt động cường chế đối với các đối

tượng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ quyết định thanh tra, quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định thu hồi.

Đề cao vai trò, trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong công tác tiếp công dân, xử lý đơn và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng; tăng cường thanh tra trách nhiệm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng, trong đó tập trung vào trách nhiệm người đứng đầu và việc thực thi công vụ, nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức

3.2.3.16. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế

Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế; Chủ động, tích cực thực hiện vai trò đầu mối của Chính phủ trong Cộng đồng văn hoá Xã hội ASEAN và các cơ chế hợp tác về lao động, phúc lợi xã hội, phụ nữ, trẻ em ASEAN.

Tiếp tục thúc đẩy hợp tác với các đối tác song phương truyền thống gồm Hàn Quốc, Nhật Bản, Nga, Đức, Úc, Niu Dilan về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp, an sinh xã hội; thúc đẩy việc triển khai hợp tác với các đối tác có thoả thuận hợp tác vừa ký kết; thúc đẩy ký kết các hiệp định về bảo hiểm xã hội với Hàn Quốc, Đức, Nhật Bản và tìm hiểu khả năng ký kết các hiệp định bảo hiểm xã hội với các nước có nhiều lao động Việt Nam đang làm việc.

Tiếp tục hợp tác với các đối tác đa phương để tận dụng hỗ trợ tài chính và kỹ thuật trong việc hoàn thiện và triển khai luật pháp, chính sách, đặc biệt là trong việc triển khai Bộ Luật lao động sửa đổi, nghiên cứu gia nhập các Công ước quốc tế để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế; tổ chức triển khai cam kết về lao động trong các Hiệp định thương mại tự do EVFTA và CPTPP và các Hiệp định thương mại tự do sẽ ký kết; tiếp tục thực hiện Chương trình quốc gia Việc làm bền vững (hợp tác với ILO).

Đẩy mạnh công tác thông tin đối ngoại, chú trọng kênh thông tin điện tử. Thực hiện tốt công tác nhân quyền theo phân công của Chính phủ để góp phần nâng cao hiệu quả hợp tác và hội nhập quốc tế.

3.3. Một số giải pháp kiện toàn cơ cấu tổ chức của Bộ

Trong quá trình rà soát, phân tích thực trạng cơ cấu tổ chức các đơn vị thuộc khối đơn vị tham mưu và khối đơn vị chuyên môn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội nhằm tìm ra những hạn chế trong cơ cấu tổ chức, từ đó đưa ra các giải pháp kiện toàn cơ cấu tổ chức của Bộ và các đơn vị hành chính đáp ứng nhiệm vụ của ngành giai đoạn 2020-2025; tác giả đã xin ý kiến (bằng phiếu hỏi – phụ lục I) của một số Lãnh đạo đơn vị và cán bộ làm công tác tổ chức cán bộ của các đơn vị. Kết quả, đa số ý kiến đồng ý với giải pháp kiện toàn cơ cấu tổ chức của Bộ và các đơn vị hành chính trực thuộc Bộ (17/20 ý kiến, chiếm 85%); số ý kiến cho rằng giải pháp sáp nhập Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo vào Cục Bảo trợ xã hội nên để giai đoạn sau năm 2025 (02/20 ý kiến, chiếm 10%); số ý kiến không đồng ý với giải pháp chuyển đổi mô hình Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, đồng thời giải thể 04 Phòng và tương đương trực thuộc Cục (01/20 ý kiến, chiếm 05%). *Bảng tổng hợp kết quả xin ý kiến tại Phụ lục II.*

Bám sát chủ trương của Đảng, yêu cầu cải cách bộ máy hành chính của Chính phủ, mục tiêu phát triển trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội giai đoạn 2021-2025, xu hướng phát triển của hành chính công trong thế kỷ 21, đồng thời khắc phục những một số điểm hạn chế về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức qua công tác rà soát nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra trong giai đoạn 2021-2025, một số giải pháp kiện toàn cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội được đề xuất như sau:

3.3.1. Kiện toàn cơ cấu tổ chức của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp có đối tượng quản lý về chuyên ngành sâu, lĩnh vực lớn, phức tạp, tác động đến nhiều đối tượng trên cả nước và đặc

biệt quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội; nhiều nội dung chuyên ngành cần được quản lý tập trung, thống nhất ở Trung ương. Tổng cục giáo dục nghề nghiệp đang được phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng để quyết định, thực thi các vấn đề thuộc phạm vi quản lý nhà nước; đồng thời xuất phát từ vị trí, vai trò, lịch sử hình thành, phát triển; quan điểm của Đảng, Nhà nước về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và phát triển giáo dục nghề nghiệp; quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ và hiệu quả hoạt động giữa việc áp dụng mô hình tổ chức hiện nay so với mô hình tổ chức khác (đã vận hành trong lịch sử hình thành và phát triển) cho thấy việc duy trì mô hình Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp là phù hợp, hiệu quả hơn nữa sẽ khắc phục tình trạng kém hiệu lực của hệ thống quản lý và phát triển được hệ thống giáo dục nghề nghiệp một cách toàn diện.

Về chức năng, nhiệm vụ của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2025 cơ bản không thay đổi. Tổng cục tiếp tục tham mưu Bộ quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, trong đó bao gồm các mảng nhiệm vụ quản lý đào tạo chính quy, đào tạo thường xuyên, quản lý nhà giáo, quản lý sinh viên, quản lý tài chính, tài sản, xây dựng thể chế, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp... Tuy nhiên, qua kết quả rà soát, phân tích ở Chương II, cơ cấu tổ chức của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp còn có nhiều hạn chế, đó là bộ máy bên trong chồng chéo, số lượng đơn vị hành chính trực thuộc nhiều (9 Vụ, 01 Văn phòng, 01 Cục), trong đó, nhiều Vụ có chức năng, nhiệm vụ tương đối liên thông, tương đồng, cùng đối tượng quản lý; mô hình Cục kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp không phù hợp; số lượng biên chế mỗi Vụ chưa đáp ứng quy định tại Nghị định số 101/2020/NĐ-CP (mỗi Vụ thuộc Tổng cục cần có số lượng biên chế tối thiểu là 15 biên chế).

Trong bối cảnh thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII; Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, Quyết định số 1155/QĐ-LĐTBXH ngày 05/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, quyết số 19-NQ/TW, Kế hoạch số 07-KH/TW, Nghị quyết số 56/2017/QH14, Nghị quyết số 08/NQ-CP, Nghị quyết số 10/NQ-CP và Chương trình hành động số 400-CTr/BCSD của Ban cán sự đảng, trên cơ sở rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức hiện tại của Tổng cục, giải pháp kiện toàn cơ cấu tổ chức của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp là:

i) Chuyển đổi mô hình Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp thành Vụ Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đồng thời giải thể 04 Phòng và tương đương trực thuộc Cục.

ii) Sáp nhập Vụ Đào tạo thường xuyên vào Vụ Đào tạo chính quy: Hiện tại, chức năng, nhiệm vụ của 2 đơn vị tương đối tương, đều là tham mưu xây dựng chính sách về đào tạo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chỉ khác về hình thức đào tạo (chính quy và thường xuyên), vì vậy, không cần thiết phải duy trì 02 Vụ độc lập để tham mưu về chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác đào tạo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

iii) Sáp nhập Vụ cơ sở vật chất vào Vụ Kế hoạch – Tài chính:

Theo Quyết định số 574/QĐ-TCGDNN ngày 01/6/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Kế hoạch - Tài chính là thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Cục trưởng quản lý nhà nước về chiến lược, quy hoạch,

kế hoạch, thống kê, tài chính, tài sản, kế toán, đầu tư, dịch vụ sự nghiệp công và cơ chế, chính sách tài chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;

Theo Quyết định số 930/QĐ-TCGDNN ngày 29/11/2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Cơ sở vật chất và Thiết bị giáo dục nghề nghiệp là đơn vị thuộc Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, giúp Tổng cục trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên phạm vi cả nước. Về bản chất, quản lý cơ sở vật chất là một nhiệm vụ trong mảng nhiệm vụ quản lý tài chính, tài sản., quy trình quản lý từ khâu, xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn kinh tế kỹ thuật, xây dựng dự án đầu tư, đấu thầu mua sắm trang thiết bị, ký kết hợp đồng, thanh quyết toán... sau khi thực hiện quy trình nghiệp vụ ở Vụ Cơ sở vật chất vẫn phải chuyển qua Vụ Kế hoạch – Tài chính xem xét, thống nhất trước khi trình Tổng cục trưởng, Lãnh đạo Bộ quyết định. Vì vậy, việc duy trì Vụ Cơ sở vật chất thiết bị giáo dục nghề nghiệp là một đơn vị độc lập, trực thuộc Tổng cục làm cho cơ cấu tổ chức của Tổng cục không tinh gọn; quy trình, thủ tục mua sắm, đầu tư cơ sở vật chất phải thực hiện nhiều công việc hơn, dẫn đến mất nhiều thời gian, hiệu quả kém. Mặt khác, số lượng biên chế mỗi Vụ cũng chưa phù hợp với định mức biên chế tối thiểu quy định tại Nghị định số 101/2020/NĐ-CP. Vì vậy, sáp nhập Vụ Cơ sở vật chất vào Vụ Kế hoạch – Tài chính là giải pháp hợp lý.

iv) Hợp nhất Vụ Nhà giáo và Vụ Công tác sinh viên

Theo Quyết định số 982/QĐ-TCGDNN ngày 29/11/2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp quy định chức năng, nhiệm vụ của Vụ Nhà giáo là đơn vị thuộc Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, giúp Tổng Cục

trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với nhà giáo ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong phạm vi cả nước.

Theo Quyết định số 982/QĐ-TCGDNN ngày 29/11/2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp quy định chức năng, nhiệm vụ của Vụ Công tác học sinh, sinh viên là đơn vị thuộc Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, giúp Tổng Cục trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác học sinh, sinh viên, dân quân tự vệ trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên phạm vi cả nước.

Nhà giáo và sinh viên là đối tượng quản lý của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; nghiệp vụ quản lý có tính chất tương đồng, đều là xây dựng chính sách quản lý đối với con người, vì vậy phương án hợp nhất Vụ Nhà giáo và Vụ Công tác học sinh, sinh viên thành Vụ Quản lý nhà giáo và sinh viên là phù hợp.

v) Sắp xếp lại Ban Quản lý dự án:

Hiện tại, Tổng cục có 02 Ban Quản lý dự án với tổng số cán bộ lao động hợp đồng là 8 người. Ban Quản lý Dự án ODA thực hiện giúp Tổng cục trưởng quản lý các dự án vốn ODA; Ban Quản lý dự án giáo dục nghề nghiệp vốn Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020 thực hiện chức năng quản lý các dự án giáo dục nghề nghiệp vốn chương trình mục tiêu quốc gia. Tuy nhiên, thời điểm hiện nay, lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp không còn dự án vốn chương trình mục tiêu quốc gia; mặt khác, nghiệp vụ quản lý dự án thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Vụ Kế hoạch – Tài chính. Do đó, cần xem xét, sắp xếp lại các Ban Quản lý dự án nay để đảm bảo hiệu quả quản lý trong lĩnh vực tài chính.

3.3.2. Kiện toàn cơ cấu tổ chức của Cục Quan hệ Lao động và Tiền lương

Cục Quan hệ Lao động và Tiền lương được thành lập trên cơ sở tổ chức lại hai đơn vị là Vụ Lao động – Tiền lương và Trung tâm Hỗ trợ và Phát

triển quan hệ lao động theo Quyết định số 736/QĐ-LĐTBXH ngày 24/5/2017 của Bộ trưởng. Theo đó, Cục được giao giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lao động, quan hệ lao động, đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức đại diện người lao động theo quy định của pháp luật lao động; tổ chức bộ máy của Cục hiện nay gồm 04 Phòng (Văn phòng, Phòng Tiền lương, Phòng Quan hệ lao động và Phòng Chính sách lao động) và 01 đơn vị sự nghiệp trực thuộc (Trung tâm Hỗ trợ Phát triển quan hệ lao động).

Sau 03 năm thực hiện Quyết định số 736/QĐ-LĐTBXH, nhìn chung cơ cấu tổ chức của Cục đảm bảo được yêu cầu đặt ra, cơ cấu tổ chức gọn nhẹ, không bố trí phòng Tổ chức cán bộ, phòng Kế hoạch – Tài chính như các Cục khác; việc phân công chức năng, nhiệm vụ cơ bản đã bao quát được các lĩnh vực quản lý nhà nước giao cho Cục, không chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị thuộc Cục. Tuy nhiên, trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, tham gia ngày càng nhiều các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, đồng thời việc triển khai thực hiện Bộ luật Lao động 2019, trong đó có nhiệm vụ xây dựng hệ thống thể chế quy định về tổ chức đại diện của người lao động, về đăng ký, quản lý hoạt động của các tổ chức đại diện của người lao động là nhiệm vụ mới, khối lượng công việc lớn và cấp thiết, vì vậy cần thiết phải có 01 phòng chuyên môn đảm nhận nhiệm vụ xây dựng thể chế, tổ chức thực thi pháp luật trong quản lý nhà nước về các tổ chức đại diện của người lao động, đảm bảo các tổ chức của người lao động hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích của tổ chức, đúng quy định của pháp luật.

Theo quy định của Nghị định số 14/2017/NĐ-CP, Cục Quan hệ lao động và tiền lương được tổ chức 05 phòng trực thuộc, vì vậy, việc thành lập Phòng Quản lý các tổ chức đại diện của người lao động là phù hợp với quy định của pháp luật. Phòng thực hiện chức năng, nhiệm vụ: Nghiên cứu, xây

dựng chính sách pháp luật về việc đăng ký (chấp nhận đăng ký, từ chối đăng ký) và quản lý hoạt động các tổ chức đại diện người lao động theo quy định của pháp luật; chính sách về liên kết hoạt động giữa các tổ chức đại diện người lao động; hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc đăng ký, quản lý tổ chức và hoạt động các tổ chức đại diện người lao động; giải quyết tranh chấp giữa các tổ chức của người lao động.

Thực hiện giải pháp trên giúp cho Cục Quan hệ Lao động và tiền lương có đầy đủ các đầu mối cấp phòng để tổ chức thực thi 4 mảng nhiệm vụ chuyên ngành (quan hệ lao động, tiền lương, chính sách lao động, quản lý các tổ chức đại diện người lao động). Điều kiện để thực hiện giải pháp này là cần có sự quyết tâm, thống nhất của Ban Cán sự, Lãnh đạo Bộ để trình Chính phủ quy định rõ số lượng phòng của Cục trong Nghị định thay thế Nghị định số 14/2017/NĐ-CP, đồng thời, rà soát, phân bổ lại biên chế công chức đối với các đơn vị hành chính của Bộ để đảm bảo mỗi phòng của Cục có số lượng tối thiểu 07 biên chế.

3.3.3. *Kiến toàn cơ cấu tổ chức của Cục Người có công*

Cơ cấu tổ chức của Cục Người có công được quy định tại Quyết định số 866/QĐ-LĐTBXH ngày 13/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội gồm 06 Phòng, 01 Văn phòng.

Giai đoạn 2017-2020, với cơ cấu tổ chức như trên vẫn thuận lợi cho Cục tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Tuy nhiên, còn có một số điểm hạn chế đã được phân tích ở Chương II, đó là số lượng phòng còn lớn so với số biên chế được giao (7 phòng với 38 biên chế, trung bình mỗi phòng có 6 biên chế, chưa đảm bảo số lượng biên chế tối thiểu theo quy định mới tại Nghị định 101/2020/NĐ-CP); tỷ lệ phòng thực hiện nhiệm vụ quản trị nội bộ so với phòng chuyên môn tham mưu về quản lý nhà nước theo lĩnh vực là $\frac{3}{4}$ (Văn phòng, Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Kế hoạch – Tài chính/ Phòng Chính

sách 1, Phòng Chính sách 2, Phòng Thông tin Tuyên truyền, Phòng Thông tin liệt sĩ). Thời điểm hiện nay rất thuận lợi cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị nội bộ để giảm bớt nhân lực, tăng hiệu quả quản lý, nhất là trong công tác tổ chức cán bộ, công tác tài chính kế toán (nhiều phần mềm quản lý có thể trang bị cho các Cục để nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, quản lý nhân sự). Vì vậy, giải pháp kiện toàn cơ cấu tổ chức của Cục là sáp nhập Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Kế toán – Tài chính vào Văn phòng Cục. Văn phòng sẽ thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các 3 phòng trước đây.

Thực hiện giải pháp trên giúp cơ cấu tổ chức của Cục phù hợp hơn, giảm 02 đầu mối cấp phòng trực thuộc, đảm bảo số lượng biên chế công chức của Văn phòng phù hợp với quy định số biên chế tối thiểu mỗi phòng là 7 người; nâng cao hiệu quả sử dụng nhân lực nhờ trang bị thêm các phần mềm quản lý tài chính kế toán, phần mềm quản lý nhân sự; đồng thời, từ việc sắp xếp, hợp nhất một số phòng, Cục có thể sử dụng một số công chức có năng lực để tăng cường cho các phòng chuyên môn khác, góp phần nâng cao năng lực xây dựng thể chế, tổ chức thực thi pháp luật trong lĩnh vực người có công.

3.3.4. *Kiến toàn cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý lao động ngoài nước*

Theo Quyết định số 1638/QĐ-LĐTBXH ngày 17/10/2017 của Bộ trưởng, cơ cấu tổ chức bộ máy của Cục Quản lý lao động ngoài nước gồm có 07 phòng, trong đó có 03 phòng thực hiện chức năng quản trị nội bộ (Văn phòng, Phòng Kế toán – Tài chính, Phòng Thông tin tuyên truyền, ...) và 04 phòng chuyên môn tham mưu và tổ chức thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước.

Sau 03 năm thực hiện Quyết định số 1638/QĐ-LĐTBXH, cơ bản Cục đã thực hiện tốt, đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, không có hiện tượng chồng chéo, hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ được Bộ giao. Việc tinh giản cơ cấu tổ chức bộ máy được đảm bảo bám sát yêu cầu của Nghị quyết số 18-NQ/TW. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số tồn tại liên quan đến tổ chức bộ máy

như số lượng phòng và tỷ lệ số phòng quản trị nội bộ so với số phòng chuyên môn tham mưu quản lý nhà nước còn lớn; số lượng biên chế một số phòng chưa phù hợp quy định mới tại Nghị định 101/2020/NĐ-CP (phòng thuộc Cục tối thiểu có 7 biên chế), vì vậy, giải pháp phù hợp là sáp nhập phòng Thông tin – Tuyên truyền, Phòng Kế toán – Tài chính vào Văn phòng Cục (mô hình này tương tự như mô hình của Cục Quan hệ lao động và tiền lương, chỉ có 01 Văn phòng làm công tác quản trị nội bộ và các phòng chuyên môn quản lý nhà nước).

3.3.5. Kiện toàn cơ cấu tổ chức của Cục Bảo trợ xã hội và Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo

Thực hiện Quyết định số 1296/QĐ-LĐTBXH ngày 17/8/2017 của Bộ trưởng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo trợ xã hội. Theo đó, cơ cấu tổ chức của Cục có 05 Phòng, 01 Văn phòng và 01 Văn phòng Ủy ban Quốc gia về người khuyết tật Việt Nam. Cơ cấu hiện tại vẫn thuận lợi cho Cục tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Giai đoạn 2017-2020, Cục đã hoàn thành tốt nhiệm vụ giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác người cao tuổi, người khuyết tật, trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội, giảm nghèo trong phạm vi cả nước theo quy định của Pháp luật. Tuy nhiên, về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức còn có một số điểm hạn chế:

Về chức năng, nhiệm vụ: Cục có chức năng tham mưu Bộ trưởng về công tác bảo trợ xã hội, giảm nghèo, công tác người cao tuổi, người khuyết tật. Tuy nhiên, nhiệm vụ tham mưu về công tác giảm nghèo hiện nay chủ yếu do Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo thực hiện. Đây là đơn vị được thành lập để giúp việc Ban Chỉ đạo Quốc gia về giảm nghèo nhưng mô hình tương đương như mô hình cấp Vụ (có Vụ trưởng, Chánh Văn phòng, Phó Vụ trưởng

– Phó Chánh Văn phòng và một số công chức). Như vậy, xét theo nguyên tắc tổ chức, một việc giao nhiều tổ chức đảm nhận là chưa hợp lý.

Về biên chế, theo quy định về số lượng biên chế tối thiểu của mỗi phòng thì một số phòng của Cục chưa đáp ứng được yêu cầu (Cục có 38 biên chế/7 phòng): (1) Văn phòng Cục được giao: 4 chỉ tiêu biên chế, (2) Phòng Kế hoạch – Tài chính được giao 6 chỉ tiêu biên chế, (3) Phòng Chính sách bảo trợ xã hội được giao 7 chỉ tiêu biên chế, (4) Phòng Công tác xã hội được giao 7 chỉ tiêu biên chế, (5) Phòng Trợ giúp đột xuất được giao 4 chỉ tiêu biên chế, (6) Phòng Y tế lao động xã hội được giao 3 chỉ tiêu biên chế, (7) Văn phòng Ủy ban Quốc gia về người khuyết tật được giao 3 biên chế; Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo có 9 biên chế, chưa đáp ứng số lượng biên chế tối thiểu của Vụ là 15.

Để khắc phục những điểm hạn chế trên đây, giải pháp đề xuất là sáp nhập Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo vào Cục Bảo trợ xã hội và tổ chức lại thành 6 phòng chức năng: Văn phòng và 5 phòng chuyên môn.

Cục sau khi sắp xếp lại có chức năng, nhiệm vụ tham mưu giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về lĩnh vực bảo trợ xã hội, người cao tuổi, người khuyết tật, giảm nghèo.

3.3.6. Kiện toàn Văn phòng Bộ

Theo Quyết định số 1698/QĐ-LĐTBXH ngày 25/10/2017 của Bộ, Văn phòng Bộ hiện có 12 đầu mối cấp phòng và tương đương, trong đó, chủ yếu thực hiện chức năng quản trị nội bộ, Qua rà soát, các đầu mối cấp phòng của Văn phòng Bộ đã thực hiện bao quát chức năng, nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, cơ cấu tổ chức còn có một số hạn chế: số lượng đầu mối còn lớn, trong đó, một số phòng có chức năng tương đồng như Phòng Quản trị, Phòng Quản trị nhà làm việc liên cơ D25; một số phòng chưa đảm bảo biên chế tối thiểu (Quốc phòng an ninh, Quản trị, Quản trị nhà làm việc liên cơ D25, Phòng

Kiểm soát thủ tục hành chính); trong khi đó, một trong những yêu cầu đặt ra trong nhiệm vụ của Văn phòng Bộ là tổ chức thực hiện cơ chế một cửa liên thông (theo quy định tại Nghị định số 61/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính) nhưng hiện nay, Văn phòng chưa có đơn vị thực hiện chức năng này. Giải pháp đề xuất là:

Hợp nhất Phòng Quản trị, Phòng Quản trị nhà làm việc liên cơ D25 và Phòng Quốc phòng An ninh, lấy tên gọi là Phòng Quản trị nội bộ.

Bổ sung chức năng, nhiệm vụ, biên chế, đồng thời đổi tên Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính thành Phòng một cửa liên thông và kiểm soát thủ tục hành chính. Chức năng của phòng là:

- Chủ trì hướng dẫn thủ tục hành chính, tiếp nhận, phân loại, giải quyết hoặc chuyển hồ sơ giải quyết, theo dõi, đôn đốc, giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, trách nhiệm của Bộ.

- Làm đầu mối tiếp nhận, chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý các thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến do tổ chức, cá nhân thực hiện thông qua Hệ thống một cửa điện tử của các Bộ, ngành và địa phương.

- Công khai đầy đủ danh mục thủ tục hành chính thực hiện tại Bộ phận Một cửa, trình tự thực hiện thủ tục hành chính, hồ sơ mà tổ chức, cá nhân cần phải nộp khi giải quyết thủ tục hành chính theo quy định hiện hành; cung cấp biểu mẫu liên quan; quy trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ; trách nhiệm của các bộ phận, tổ chức, cá nhân liên quan.

- Chủ trì theo dõi, giám sát, đôn đốc các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc giải quyết thủ tục hành chính theo đúng chức năng, nhiệm vụ đảm bảo tiến độ và thời hạn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định. Trường

hợp hồ sơ quá hạn liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị, Phòng một cửa liên thông và kiểm soát thủ tục hành chính là đầu mối chủ trì để xử lý, tháo gỡ.

- Phối hợp cùng các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức việc giải quyết, trả kết quả giải quyết cho tổ chức, cá nhân đối với trường hợp thủ tục hành chính yêu cầu giải quyết ngay trong ngày hoặc các thủ tục hành chính được phân công, ủy quyền cho công chức, viên chức tại Phòng một cửa liên thông và kiểm soát thủ tục hành chính giải quyết.

- Giúp Văn phòng Bộ chủ trì xây dựng, trình Bộ quy trình chi tiết giải quyết từng thủ tục hành chính của từng lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Bộ (trừ các thủ tục hành chính được thực hiện trực tuyến qua Cổng thông tin điện tử của Bộ; thực hiện tại Bộ phận một cửa cấp Cục, Tổng cục thuộc Bộ) và tổ chức thực hiện khi được phê duyệt.

- Theo dõi, đôn đốc, giám sát, đánh giá việc thực hiện thủ tục hành chính của các đơn vị quản lý nhà nước và công chức, viên chức được giao thực hiện thủ tục hành chính;

- Thông báo tiến độ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng thông tin một cửa điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của Bộ. Công khai thông tin đường dây nóng để tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức liên quan.

- Tiếp nhận, xử lý hoặc báo cáo cơ quan thẩm quyền xử lý những phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân đối với những nội dung liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính, chuyển ý kiến giải trình của cơ quan có thẩm quyền về các phản ánh, kiến nghị cho tổ chức, cá nhân.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho công chức thực hiện tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông giải quyết thủ tục hành chính.

- Đề xuất việc đổi mới, cải tiến, nâng cao chất lượng phục vụ, giải quyết công việc nhanh chóng, thuận tiện cho tổ chức, cá nhân; tổ chức hoặc phối hợp tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền về tổ chức hoạt động tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- Quản lý, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của Bộ. Cập nhật, lưu trữ, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong phạm vi hoạt động.

- Đề xuất nâng cấp cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin và phần mềm ứng dụng một cửa, một cửa điện tử liên thông phục vụ hoạt động.

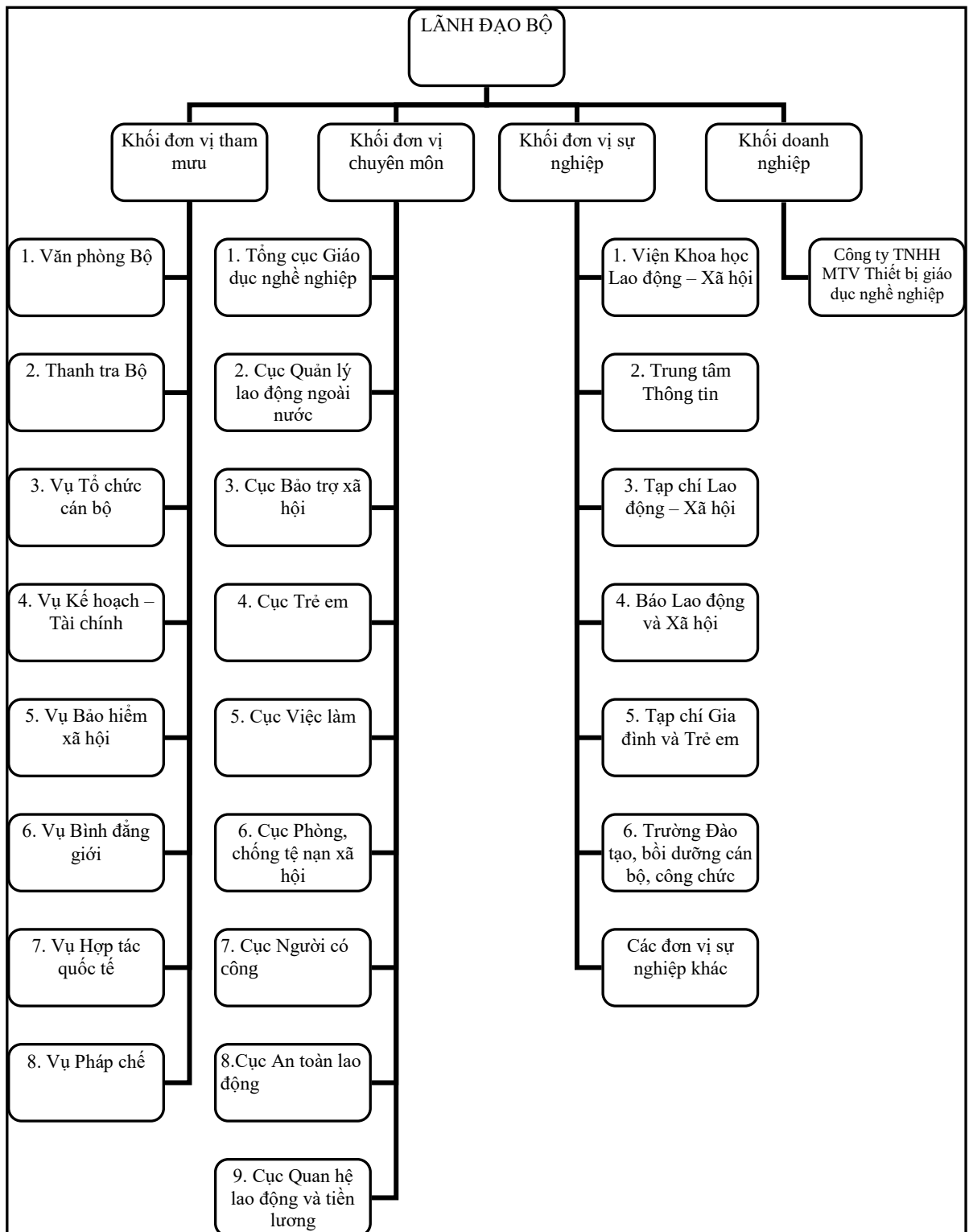
- Quản lý nhân sự, tài sản, cơ sở vật chất, kỹ thuật theo quy định của pháp luật; bố trí khoa học, hợp lý các khu vực cung cấp thông tin, giải quyết thủ tục hành chính, trang thiết bị phục vụ tổ chức, cá nhân đến giải quyết thủ tục hành chính.

- Thực hiện việc thu phí, lệ phí (nếu có) theo quy định; cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cần thiết như photocopy, in ấn tài liệu khi tổ chức, cá nhân đến thực hiện thủ tục hành chính có nhu cầu.

- Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

- Thực hiện các nhiệm vụ được giao khác theo quy định của pháp luật.

3.4. Cơ cấu tổ chức mới của Bộ sau khi kiện toàn



Sơ đồ 3.1: Cơ cấu tổ chức của Bộ sau khi thực hiện các giải pháp kiện toàn

Cơ cấu tổ chức của Bộ sau khi kiện toàn bao gồm 17 đơn vị hành chính (01 Tổng cục, 08 Cục, 06 Vụ, Thanh tra Bộ, Văn phòng Bộ) với cơ cấu tổ chức bên trong tinh gọn hơn, phù hợp với tiêu chí thành lập Tổng cục, Cục, Vụ và các phòng trực thuộc. Ưu điểm của các giải pháp kiện toàn đề xuất trên đây là:

- Giảm được 01 đơn vị chuyên trách, tương đương đơn vị cấp Vụ là Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo; thống nhất giao Cục Bảo trợ xã hội thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giảm nghèo; sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bên trong các đơn vị (Tổng cục, Cục) thuộc Bộ gọn hơn, phù hợp với quy định mới về số lượng biên chế tối thiểu của Vụ, Cục và các phòng trực thuộc Cục; tạo được sự liên thông, kết nối các mảng công việc, thuận lợi cho công tác chỉ đạo, điều hành.

- Giảm được **07** đầu mối cấp phòng thực thi nhiệm vụ quản trị nội bộ như phòng kế toán tài chính, phòng tổ chức cán bộ ở một số đơn vị; tăng tỷ lệ số phòng chuyên môn tham mưu về quản lý nhà nước theo lĩnh vực.

- Bổ sung **01** đầu mối còn thiếu (theo quy định) để các đơn vị thuận lợi hơn trong triển khai chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Khắc phục được những tồn tại, hạn chế về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức trong giai đoạn 2017-2020 (nhiều đầu mối cấp phòng; một việc giao 2 đầu mối thực hiện; số lượng biên chế cấp phòng chưa đảm bảo quy định).

Nhìn chung, những giải pháp hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phù hợp với chủ trương của Đảng và định hướng phát triển kinh tế xã hội của Nhà nước trong giai đoạn 2021-2025. Năng lực các tổ chức thuộc Bộ trong nhiệm kỳ Chính phủ mới được củng cố, nâng cao, có khả năng thực hiện, giải quyết tốt các mục tiêu và vấn đề đặt ra trong giai đoạn 2021-2025.

3.5. Điều kiện thực hiện giải pháp

(1) Ban Cán sự, Lãnh đạo Bộ cần bàn bạc, thống nhất chủ trương kiện toàn, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bên trong các đơn vị hành chính thuộc Bộ theo đúng tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII.

(2) Cần làm tốt công tác tư tưởng đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý cấp Vụ, cấp phòng nói chung, ở các đơn vị có sự sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức nói riêng để tránh hoang mang, dao động trong trường hợp phải lựa chọn, bổ nhiệm lại một số vị trí lãnh đạo.

(3) Đối với công chức chuyên môn, ngoài việc sắp xếp lại theo vị trí việc làm phù hợp, cần làm tốt công tác tư tưởng, đồng thời có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để đảm bảo cho công chức chuyên môn thuận lợi tiếp cận vị trí công tác, nhiệm vụ mới.

(4) Chuẩn bị diện tích phòng làm việc để bố trí Phòng một cửa và kiểm soát thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định.

(5) Chuẩn bị kinh phí xây dựng các Đề án, Hồ sơ dự thảo Nghị định quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, dự kiến khoảng 300 triệu đồng.

(6) Giao Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 14/2017/NĐ-CP quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, kèm theo Đề án kiện toàn cơ cấu tổ chức của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Đề án sáp nhập Văn phòng Quốc gia về Giảm nghèo vào Cục Bảo trợ xã hội trình các cơ quan có thẩm quyền, Thủ tướng Chính phủ và Chính phủ xem xét, quyết định.

KẾT LUẬN

Một trong những mục tiêu lớn của Đảng và Chính phủ kể từ khi đất nước ta tiến hành đổi mới là mục tiêu cải cách bộ máy hành chính. Đại hội Đảng XI tiếp tục đưa ra chủ trương kiện toàn bộ máy nhà nước, tạo bước chuyển mạnh về cải cách hành chính, tiếp tục kiện toàn bộ máy Chính phủ theo hướng xây dựng nền hành chính thống nhất, thông suốt, trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực, hiệu quả, tổ chức tinh gọn và hợp lý, tăng tính dân chủ và pháp quyền trong điều hành của Chính phủ.

Bộ là cơ quan hành chính chủ yếu trong cơ cấu tổ chức của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực trên phạm vi cả nước. Để đảm bảo sự điều hành của Chính phủ thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả đòi hỏi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ trong mỗi giai đoạn phải được phân công rõ ràng, cụ thể, không chồng chéo với các bộ, ngành khác, cơ cấu tổ chức của bộ phải được thiết kế tinh gọn, hợp lý, tương ứng với chức năng, nhiệm vụ được phân công.

Cơ cấu tổ chức có vai trò quan trọng, quyết định đến toàn bộ hoạt động và khả năng thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức. Việc nghiên cứu cơ cấu tổ chức, đặc biệt đối với tổ chức hành chính cấp bộ để xây dựng bộ máy của bộ tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả là vấn đề có ý nghĩa sâu sắc, thiết thực đối với sự ổn định và phát triển xã hội. Do thấy được tầm quan trọng của cơ cấu tổ chức của bộ và hiện đang công tác tại Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, tác giả đã lựa chọn đề tài “Kiện toàn cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đáp ứng nhiệm vụ của ngành giai đoạn 2020-2025”.

Đề tài đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận về kiện toàn cơ cấu tổ chức bao gồm một số khái niệm cơ bản; mô hình cơ cấu tổ chức của bộ ở

nước ta theo quy định hiện hành; vai trò của cơ cấu tổ chức; các yếu tố ảnh hưởng tới cơ cấu tổ chức; sự cần thiết của việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức; mục tiêu, yêu cầu, nguyên tắc, quy trình của việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức.

Đề tài đã nghiên cứu, rà soát, phân tích thực trạng cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để làm rõ những hạn chế trong cơ cấu tổ chức, chồng chéo trong việc phân công nhiệm vụ của Bộ.

Đề tài đã làm rõ chủ trương, định hướng của Đảng, mục tiêu của Chính phủ về cải cách bộ máy hành chính, về chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2020-2025, làm rõ những định hướng, chỉ tiêu trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, từ đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Bộ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Bộ, ngành giai đoạn 2020-2025.

Bước đầu, kết quả nghiên cứu của Đề tài đã góp phần vào công tác tổ chức bộ máy của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc đề xuất Chính phủ kiện toàn cơ cấu tổ chức của Bộ trong nhiệm kỳ Chính phủ khóa XIV, một số giải pháp khác hiện đang được Bộ tiếp tục nghiên cứu để đề nghị Bộ Nội vụ trình Chính phủ trong thời điểm thích hợp. Tác giả hy vọng rằng kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ góp phần tích cực vào công tác tổ chức bộ máy của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời gian tới, đảm bảo bộ máy của Bộ tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (2020), *Kế hoạch phát triển lĩnh vực lao động, người có công và xã hội 5 năm 2021-2025*, Hà Nội.
2. Bộ Nội vụ (2003), *Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2010 và các văn bản triển khai*, Công ty in Công đoàn Việt Nam, 167, Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.
3. Bộ Nội vụ (2020), *Báo cáo tóm tắt Tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 và Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030*, Hà Nội.
4. Trần Xuân Cầu (2002), *Giáo trình Phân tích lao động xã hội*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội.
5. Bùi Công Cường, Nguyễn Địch, Lê Văn Phùng, Thái Thanh Sơn (2005), *Lý thuyết hệ thống và điều khiển học*, Hà Nội.
6. Chính phủ (2016), *Nghị định số 123/2016/NĐ-CP*, Hà Nội.
7. Chính phủ (2017), *Nghị định số 14/2017/NĐ-CP*, Hà Nội.
8. Chính phủ (2018), *Nghị định số 61/2018/NĐ-CP*, Hà Nội.
9. Chính phủ (2020), *Nghị định số 101/2020/NĐ-CP*, Hà Nội.
10. Dự thảo văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng.
11. Dương Quang Trung (2010), Về tổ chức các Bộ đa ngành ở nước ta hiện nay, *Tạp chí Tổ chức nhà nước*, (Số tháng 4).
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn Kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia-Sự thật, Hà Nội.
13. Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Ngọc Huyền (2007), *Giáo trình Chính sách kinh tế - xã hội*, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
14. Đỗ Phú Hải (2010), *Kinh nghiệm tổ chức Bộ đa ngành*, *Tạp chí Tổ chức nhà nước*, (Số tháng 4).

15. Bài giảng Tổ chức bộ máy và phân tích công việc, TS Hà Duy Hào.
16. Kế hoạch phát triển lĩnh vực Lao động, Người có công và Xã hội giai đoạn 5 năm 2021 – 2025.
17. Nghị quyết 71/NQ-CP của Chính phủ ngày 05/8/2016.
18. Lê Văn Phùng (2004), *Phân tích và Thiết kế Hệ thống thông tin*, NXB Lao động xã hội, Hà Nội.
19. Quyết định số 1296-QĐ/LĐTBXH ngày 17/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
20. Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 04/6/2020 ban hành Chương trình công tác năm 2020 của Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.
21. Thanh tra Chính phủ (2008), *Một số vấn đề về quản lý nhà nước*, NXB Giao thông vận tải, Hà Nội.
22. Viện Ngôn ngữ học (1988), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

PHIẾU XIN Ý KIẾN

*(Về việc kiện toàn cơ cấu tổ chức của Bộ và các đơn vị
hành chính trực thuộc Bộ)*

Kính gửi:.....

Xin kính chào Anh/Chị!

Tôi là Thân Thị Lan Linh, công tác tại Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, hiện đang làm luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị nhân lực, Trường Đại học Lao động - Xã hội với Đề tài "Kiện toàn cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đáp ứng nhiệm vụ của ngành giai đoạn 2020-2025.

Phiếu xin ý kiến nhằm mục đích thu thập thông tin phục vụ nghiên cứu về cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Sự giúp đỡ của Anh/Chị có ý nghĩa rất lớn đối với luận văn thạc sĩ của tôi. Mọi thông tin do Anh/Chị cung cấp được sử dụng chỉ cho mục đích nghiên cứu khoa học và đảm bảo bí mật tuyệt đối.

Rất mong Anh, Chị quan tâm, cho ý kiến đối với một số đề xuất dưới đây:

STT	Tên đơn vị	Phương án kiện toàn	Đồng ý	Không đồng ý	Ý kiến khác
A	Những đơn vị giữ nguyên cơ cấu tổ chức				
1	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Giữ nguyên số lượng 17 đơn vị hành chính (8 Vụ và tương đương, 8 Cục, 01			

STT	Tên đơn vị	Phương án kiện toàn	Đồng ý	Không đồng ý	Ý kiến khác
		Tổng cục)			
2	Thanh tra Bộ				
3	Vụ Tổ chức cán bộ				
4	Vụ Kế hoạch – Tài chính				
5	Vụ Bảo hiểm xã hội				
6	Vụ Bình đẳng giới				
7	Vụ Hợp tác quốc tế				
8	Vụ Pháp chế				
9	Cục Việc làm				
10	Cục An toàn lao động				
11	Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội				
12	Cục Trẻ em				
B	Những đơn vị cần kiện toàn cơ cấu tổ chức				
1	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	1.1. Chuyển đổi mô hình Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp thành Vụ Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đồng thời giải thể 04 Phòng và			

STT	Tên đơn vị	Phương án kiện toàn	Đồng ý	Không đồng ý	Ý kiến khác
		tương đương trực thuộc Cục			
		1.2. Sáp nhập Vụ Đào tạo thường xuyên vào Vụ Đào tạo chính quy			
		1.3. Sáp nhập Vụ Cơ sở vật chất vào Vụ Kế hoạch - Tài chính			
		1.4. Hợp nhất Vụ Nhà giáo và Vụ Công tác sinh viên			
		1.5. Sắp xếp lại Ban Quản lý dự án			
2	Cục Quan hệ Lao động và Tiền lương	Thành lập Phòng Quản lý các tổ chức đại diện của người lao động			
3	Cục Người có công	Sáp nhập Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Kế toán - Tài chính vào Văn phòng Cục			
4	Cục Quản lý lao động ngoài nước	Sáp nhập Phòng Thông tin - Tuyên truyền, Phòng Kế toán - Tài chính vào			

STT	Tên đơn vị	Phương án kiện toàn	Đồng ý	Không đồng ý	Ý kiến khác
		Văn phòng Cục			
5	Cục Bảo trợ xã hội và Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo	Sáp nhập Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo vào Cục Bảo trợ xã hội và tổ chức lại thành 6 Phòng chức năng: Văn phòng và 5 Phòng chuyên môn			
6	Văn phòng Bộ	Hợp nhất Phòng Quản trị, Phòng Quản trị nhà làm việc liên cơ D25 và Phòng Quốc phòng An ninh lấy tên gọi là Phòng Quản trị nội bộ			

Những phương án, đề xuất khác (nếu có):

Những nội dung trao đổi của Anh/Chị rất hữu ích cho đề tài nghiên cứu về cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đáp ứng nhiệm vụ của ngành giai đoạn 2020-2025. Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của Anh/Chị!

Phụ lục 2

*Bảng tổng hợp ý kiến về việc kiện toàn cơ cấu tổ chức của Bộ
và các đơn vị hành chính trực thuộc Bộ*

STT	Tên đơn vị	Phương án kiện toàn	Đồng ý	Không đồng ý	Ghi chú
A	Những đơn vị giữ nguyên cơ cấu tổ chức				
1	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Giữ nguyên số lượng 17 đơn vị hành chính (8 Vụ và tương đương, 8 Cục, 01 Tổng cục)	20	0	
2	Thanh tra Bộ		20	0	
3	Vụ Tổ chức cán bộ		20	0	
4	Vụ Kế hoạch – Tài chính		20	0	
5	Vụ Bảo hiểm xã hội		20	0	
6	Vụ Bình đẳng giới		20	0	
7	Vụ Hợp tác quốc tế		20	0	
8	Vụ Pháp chế		20	0	
9	Cục Việc làm		20	0	
10	Cục An toàn lao động		20	0	
11	Cục Phòng, chống		20	0	

STT	Tên đơn vị	Phương án kiện toàn	Đồng ý	Không đồng ý	Ghi chú
	tệ nạn xã hội				
12	Cục Trẻ em		20	0	
B	Những đơn vị cần kiện toàn cơ cấu tổ chức				
1	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	1.1. Chuyển đổi mô hình Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp thành Vụ Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đồng thời giải thể 04 Phòng và tương đương trực thuộc Cục	19	1	
		1.2. Sáp nhập Vụ Đào tạo thường xuyên vào Vụ Đào tạo chính quy	20	0	
		1.3. Sáp nhập Vụ Cơ sở vật chất vào Vụ Kế hoạch - Tài chính	20	0	
		1.4. Hợp nhất Vụ Nhà giáo và Vụ Công tác sinh viên	20	0	
		1.5. Sắp xếp lại Ban Quản lý dự án	20	0	
2	Cục Quan hệ Lao động và Tiền	Thành lập Phòng Quản lý các tổ chức đại diện	20	0	

STT	Tên đơn vị	Phương án kiện toàn	Đồng ý	Không đồng ý	Ghi chú
	lương	của người lao động			
3	Cục Người có công	Sáp nhập Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Kế toán - Tài chính vào Văn phòng Cục	20	0	
4	Cục Quản lý lao động ngoài nước	Sáp nhập Phòng Thông tin - Tuyên truyền, Phòng Kế toán - Tài chính vào Văn phòng Cục	20	0	
5	Cục Bảo trợ xã hội và Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo	Sáp nhập Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo vào Cục Bảo trợ xã hội và tổ chức lại thành 6 Phòng chức năng: Văn phòng và 5 Phòng chuyên môn	18	2	
6	Văn phòng Bộ	Hợp nhất Phòng Quản trị, Phòng Quản trị nhà làm việc liên cơ D25 và Phòng Quốc phòng An ninh lấy tên gọi là Phòng Quản trị nội bộ	20	0	